

**CÁC VĂN KIẾN VỀ NHÂN QUYỀN
của Quốc tế và Việt Nam**



**Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
07-2009**

MỤC LỤC

- 1-** Luật Quốc tế Nhân quyền - Lời nói đầu (*Ls Nguyễn Hữu Thống*). trang **06**
- 2-** Lịch sử bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và những văn kiện bảo vệ người đấu tranh cho nhân quyền. (*Gs Võ Văn Ái*) **08**
- 3-** Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền (*10-12-1948*) **12**
- 4-** Thông điệp “Hòa bình trên Thế giới” (*Giáo hội Công giáo 11-04-1963*) **17**
- 5-** Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (*16-12-1966*) **21**
- 6-** Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (*16-12-1966*) **30**
- 7-** Diễn giải các Tuyên ngôn và Công ước Nhân quyền (*Ls Nguyễn Hữu Thống*) **37**
- 8-** Hiến chương 77 - Tuyên ngôn (*Phong trào dân chủ Tiệp Khắc, 01-01-1977*) **51**
- 9-** Tuyên ngôn Quốc tế bảo vệ những người đấu tranh cho nhân quyền (*09-12-1998*) **59**
- 10-** Hiến chương 2000 - Tuyên ngôn (*Phong trào dân chủ Việt Nam hải ngoại, 26-11-2000*) **67**
- 11-** Lời Kêu gọi cho Dân chủ Việt Nam (*Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, 21-02-2001*) **72**
- 12-** Lộ trình 9 điểm Dân chủ hóa Việt Nam (*Cao trào Nhân bản, 25-03-2005*) **77**
- 13-** Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam 2006 (*Phong trào Dân chủ Việt Nam quốc nội - hồi 8406, 08-04-2006*) **79**
- 14-** Hiến chương 08 (Linh bát Hiến chương)(*Phong trào dân chủ Trung Quốc, 10-12-08*) **87**



LỜI GIỚI THIỆU

Kính thưa Quý vị, Các Bạn trẻ thân mến,

Có thể nói cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 -với 3 tiêu chí Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ, với Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền mà câu mở đầu là "sự khinh miệt, phủ nhận hay lãng quên nhân quyền là nguyên nhân duy nhất đem lại bất hạnh cho dân chúng và sa đọa cho chính quyền"- quả đã gây ý thức cho toàn thể nhân loại về quyền con người trong xã hội và quyền công dân trong quốc gia.

Thế nhưng hai trận Thế chiến kinh hoàng vốn đã làm tổn hại biết bao sinh mạng vào các năm 1914-1918 và 1939-1945, rồi trong cùng thời gian là sự xuất hiện các chế độ độc tài vốn đã giết chết hàng chục, thậm chí hàng trăm triệu con người, tất cả đã chứng tỏ từ ý thức đi đến hành động cho nhân quyền là một quãng đường dài thăm thẳm. Do đó nhân loại đã bắt buộc phải ngồi lại với nhau trong tổ chức mang tên Liên Hiệp Quốc để từ đó đưa ra những nguyên tắc, những quy luật cho việc tôn trọng nhân vị và nhân phẩm. Đây là lý do hình thành Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ngày 10-12-1948 và hai Công ước Quốc tế ngày 16-12-1966, một về các Quyền Dân sự và Chính trị, một về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa. Các tôn giáo lớn, chẳng hạn Giáo hội Công giáo, cũng không quên góp tiếng nói vào vấn đề trọng đại này.

Riêng trong chế độ CS, kẻ vô địch về chà đạp nhân quyền và dân quyền, nhiều phong trào đấu tranh đã hình thành và cất tiếng, nhiều tuyên ngôn dân chủ đã vang động và tác động cả hoàn vũ, chẳng hạn Hiến chương 77 tại Tiệp Khắc năm 1977, Hiến chương 08 tại Trung Quốc năm 2008... Dân tộc Việt Nam bất khuất kiêu hùng cũng mạnh dạn đứng lên đòi hỏi quyền con người, quyền công dân, quyền dân tộc, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI, khi cuộc đấu tranh chuyển từ giai đoạn cá nhân lẻ tẻ sang giai đoạn tập thể và lôi kéo đủ mọi giới trong xã hội. Có thể kể Tuyên ngôn của Hiến chương 2000, một phong trào dân chủ Việt Nam hải ngoại cuối năm 2000, Lời Kêu gọi cho Dân chủ Việt Nam của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đầu năm 2001, Lộ trình 9 điểm Dân chủ hóa Việt Nam của Cao trào Nhân bản tháng 03-2005, Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam của Khối 8406, một phong trào Dân chủ Việt Nam quốc nội tháng 04-2006...

Gởi đến Quý vị và Quý bạn các Văn kiện về Nhân quyền của Quốc tế và Việt Nam như vừa giới thiệu, chúng tôi không mong gì hơn là góp phần vào việc gây ý thức, khai dân trí, giúp cho đồng bào, đặc biệt tại quốc nội, biết được những quyền mình đang có song bị chế độ CS gian tà tước đoạt, để can đảm đứng lên đòi lại cho tới cùng.

Khối Tự do Dân chủ cho Việt Nam 8406

LUẬT QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

Lời nói đầu

Cách đây 50 năm, năm 1948 tại Paris, Liên Hiệp Quốc đã công bố Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Sở dĩ Liên Hiệp Quốc chọn Paris là vì, cũng tại nơi này năm 1789, Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp đã được phổ biến. Đây là bản tuyên dương những quyền con người xuất phát từ giá trị nội tại của con người và những quyền công dân được thừa nhận do tư cách công dân.

Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền nhắc lại lời cảnh giác của các nhà Cách mạng Dân quyền Pháp theo đó "*sự khinh miệt, phủ nhận hay lãng quên nhân quyền là nguyên nhân duy nhất đem lại đại bất hạnh cho dân chúng và sa đọa cho chính quyền.*" Vậy mà con người lúc vô sự thường hay vô tâm. Phải đợi đến khi hai cuộc Thế chiến bùng nổ gieo đau thương tang tóc cho hàng chục triệu con người, lúc ấy nhân loại mới tỉnh ngộ và nhớ lại lời cảnh giác xưa. Ngoài ra, giữa hai cuộc Thế chiến và ngay cả trong thời chiến tranh, nhân loại còn chứng kiến những cuộc tàn sát dã man, với 20 triệu nạn nhân tại Liên bang Xô Viết và 6 triệu nạn nhân tại Đức Quốc xã. Những nạn nhân này không phải là kẻ thù của dân tộc trong cuộc chiến, mà chỉ là những lương dân vô tội. Dư luận quốc tế vô cùng xúc động và phẫn nộ về những hành động diệt chủng này. Vậy mà nhân loại vẫn im lặng đã không lên tiếng tố cáo hay phản kháng. Họ sợ mang tiếng vi phạm chủ quyền quốc gia, vi phạm quyền dân tộc tự quyết bằng cách can thiệp vào nội bộ của các quốc gia khác.

Sau khi chiến tranh kết thúc, nhân loại mới ý thức rằng quyền dân tộc tự quyết đã bị lạm dụng. Trên nguyên tắc, dân tộc tự quyết không phải là quyền của quốc gia, mà là quyền của người dân. Chiều dân tộc tự quyết, người dân được tự do lựa chọn chế độ chính trị hay kinh tế và tự do lựa chọn chính quyền để thực thi chế độ.

Chiếu nguyên tắc Quân bình giữa Quyền lợi và Nghĩa vụ, quốc gia và công dân cùng có nghĩa vụ hỗ trợ. Người dân có nghĩa vụ phải bảo vệ, nuôi dưỡng quốc gia, phải đóng thuế, phải thi hành nghĩa vụ quân sự để giữ gìn bờ cõi quốc gia. Để đáp lại những hy sinh về tài sản và sinh mạng của người dân, quốc gia cũng có nghĩa vụ phải bảo vệ và tôn trọng quyền của người dân, như quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc. Sau hai trận Thế chiến, nhân loại ý thức rằng việc thừa nhận nhân quyền của con người là điều kiện thiết yếu để duy trì hoà bình thế giới, tránh một trận Thế chiến thứ ba (chiến tranh nguyên tử) toàn diện và toàn diệt.

Mùa xuân năm 1945, 50 quốc gia đã họp Hội nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc. Nhằm mục đích duy trì hoà bình cho các quốc gia và thực thi nhân quyền cho con người, Liên Hiệp Quốc đề ra 3 phương châm hành động:

- 1- Không phân biệt kẻ thắng người bại, Liên Hiệp Quốc chủ trương hoà giải và hữu nghị giữa các dân tộc.
- 2- Không đòi hỏi trả thù và bồi thường chiến tranh, Liên Hiệp Quốc khuyến khích sự hợp tác bình đẳng giữa các quốc gia.
- 3- Không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ, hay tôn giáo, Liên Hiệp Quốc yêu cầu các quốc gia hội viên phải tôn trọng và thực thi nhân quyền cho tất cả mọi người.

Các đại biểu của 50 quốc gia hội viên sáng lập Liên Hiệp Quốc ý thức rằng mỗi con người là một cộng dân của quốc gia mình, đồng thời là công dân của thế giới; rằng chỉ có thế hoà bình thế giới nếu quyền của con người được tôn trọng; rằng nhân quyền cũng chỉ có thể được thực thi nếu không còn chiến tranh và bóng dáng đe dọa của chiến tranh.

Do đó họ đồng tình ký tên vào Hiến chương Liên Hiệp Quốc như một hiệp ước quốc tế, và long trọng cam kết sẽ phối hợp với Liên Hiệp Quốc để thực thi hai mục tiêu căn bản sau đây:

1- Hợp tác quốc tế để giải quyết mọi mâu thuẫn và tranh chấp trong vòng hoà bình.

2- Đề xướng và tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản của con người. Khi ký tên vào Hiến chương, cũng như khi gia nhập Liên Hiệp Quốc, các quốc gia hội viên minh thị xác nhận rằng nhân quyền từ nay không còn đơn thuần là việc nội bộ của các quốc gia mà là một vấn đề quốc tế. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, các quốc gia có nghĩa vụ đối với người dân, phải tôn trọng, bảo vệ và thực thi nhân quyền và những quyền tự do căn bản của con người.

Những quyền này đã được liệt kê và diễn giải bởi Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ban hành năm 1948, và hai Công ước Quốc tế Nhân quyền ký kết năm 1966. Từ đó nhân loại văn minh có luật Quốc tế Nhân quyền. Chúng ta kỳ vọng rằng trong thế kỷ tới đây, chiến tranh thế giới sẽ được thay thế bởi Luật pháp Thế giới.

Theo bác sĩ Linus Pauling, người đoạt hai giải Nobel về Hoá học và Hoà bình, "*chúng ta đang có cơ may sống trong một kỷ nguyên kỳ diệu, ranh giới của hai thiên niên kỷ, thiên kỷ trước với chính chiến đấu thương và thiên kỷ tới của hoà bình, an lạc, công lý và đạo lý.*"

Luật sư Nguyễn Hữu Thống

Mùa Xuân 1998

Kỷ niệm 50 năm ban hành Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền

**LỊCH SỬ BẢN TUYÊN NGÔN
QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN**

VÀ NHỮNG VĂN KIẾN BẢO VỆ NGƯỜI ĐẤU TRANH CHO NHÂN QUYỀN

Từng bước một, nhân loại tiến hành cuộc đấu tranh cho quyền con người qua những giai đoạn khác nhau. Tuy vẫn hướng đến mục tiêu duy nhất, là con người được tự do sống trên hành tinh trái đất với tất cả quyền bẩm sinh được hưởng của mình, mà không một chính thể nào có quyền xâm phạm. Đây là điều được thế giới quy định qua bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, do Liên Hiệp Quốc công bố vào ngày 10 tháng 12 năm 1948. Thế là đã trên 50 năm qua, thế giới lấy ngày 10 tháng 12 mỗi năm làm Ngày Quốc tế Nhân Quyền. Kỷ niệm ngày này, các tổ chức nhân quyền, các tổ chức phi chính phủ và nhân dân các nước, đặc biệt tại các quốc gia độc tài, quân phiệt, tìm mọi cách nói lên những vi phạm nhân quyền trong quốc gia mình để kêu gọi thế giới lưu tâm.

Lâu nay, nhiều người cứ nghĩ rằng cha đẻ của văn kiện Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền là ông René Cassin, một nhân sĩ người Pháp. Những chính quyền cộng sản, quân phiệt, phát xít thì lại tố cáo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền biểu trưng cho những ý niệm thuần túy Tây phương, mà lại là Tây phương của Tư bản bóc lột, Tây phương thực dân. Nguyên nhân các ngộ nhận hay chống đối này đến từ sự thiếu hiểu biết hoặc vì thành kiến cố chấp. Trong thực tế, văn kiện Tuyên ngôn là một quá trình đúc kết dài lâu, qua một tập thể người thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau của nhân loại.

Quả thực, ông René Cassin có công dự thảo bản Tuyên ngôn mà ông quy chiếu và gợi hứng từ các bản Tuyên ngôn có trước : hai bản của Cách mạng Pháp (1789 và 1793) được biết dưới tên Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ; Habeas corpus của Anh quốc năm 1679 ; và Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776.

Nhưng người ta quên công lao và sự khởi xướng ban đầu của 40 tổ chức Phi chính phủ tại Hoa Kỳ. Nhóm này gợi hứng từ các điều ghi trong Hiến chương LHQ công bố năm 1945 tại San Francisco để hình thành một văn bản tuyên ngôn sơ bộ. Trong Hiến chương ấy đã hàm chứa 6 điều quan trọng đề cao Quyền Con Người làm nền tảng cho Tuyên ngôn sau này. Và dựa theo văn bản của 40 tổ chức Phi chính phủ, ông René Cassin thổi vào luồng gió nhân bản của những tuyên ngôn thuộc hai thế kỷ 17 và 18. Sau đây, LHQ cho thiết lập một tập thể soạn thảo Tuyên ngôn. Khởi đầu là Ủy hội Nhân quyền ra đời tháng giêng 1946 với cuộc họp đầu tiên gồm 9 thành viên, từ ngày 29-4 đến 20-5-46, do phu nhân cựu Tổng thống Hoa Kỳ, Eleanor Roosevelt, chủ trì cùng với các chuyên gia như ông René Cassin (Pháp), Charles Malik (Liban), Peng-Chun Chang (học giả và đại sứ Trung hoa Dân quốc) và một nhân sĩ Châu Mỹ La tinh. Cuộc họp thứ hai với 18 thành viên, từ ngày 27-1 đến 17-2-1947, bắt tay vào việc soạn thảo Tuyên ngôn. Sau đó còn có 4 cuộc họp nữa mới đi đến văn kiện chính thức được chuẩn y ngày 10-12-1948.

Nhờ công trình của những nhân vật tha thiết yêu thương công lý và con người, bản Tuyên ngôn mới được chào đời. Đây là sự đúc kết của nhiều bộ óc cực kỳ linh mẫn, quyết không để nhân loại bị nghiền nát dưới gót sắt độc tài hay phát xít như vừa xảy ra qua Thế

chiến II. Bản tuyên ngôn cũng là sự kết hợp tính nhân đạo thuộc nhiều nền văn minh trong thế giới, chứ không là ý tưởng riêng biệt của Tây phương, như các nhà độc tài cộng sản, giới quân phiệt hay các nhà độc đoán Á châu thường rêu rao. Ví dụ sự đóng góp của ông Peng - Chun Chang đã mang lại tính thâm thúy Đông phương. Chính ông đã bênh vực và đưa vào bản Tuyên ngôn ý niệm và danh từ «Nhân phẩm» (Dignity) vốn không có trước đó.

Ngày 10-12-1948, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc họp tại Điện Chaillot ở Paris chuẩn y và chính thức cho ra chào đời bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Trong năm mươi quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc thời ấy, 40 quốc gia bỏ phiếu thuận, 8 quốc gia bỏ phiếu trắng, 2 nước vắng mặt là Honduras và Yemen. 8 nước bỏ phiếu trắng gồm có 6 nước Cộng sản, Arabie saoudite và Nam Phi. Tám phiếu trắng nói lên sự không đồng tình với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Vậy 8 quốc gia ấy không đồng tình ở những điểm nào? Sáu nước cộng sản gồm có Liên Xô và 5 nước chư hầu Ba Lan, Belarus, checoslovaquie, Ukraine và Yougoslavie tháp tùng mẹ hát con khen, chê Tuyên ngôn «lỗi thời», «lạc hậu», Tuyên ngôn có «quá nhiều tự do» mà ý thức hệ cộng sản chê là thứ tự do «hình thức», tạch tạch xè tiểu tư sản. Arabie Saoudite không chấp nhận con người có quyền thay đổi tôn giáo, không chấp nhận kiểu sống một vợ một chồng và không chấp nhận cho phép triệt tiêu chế độ nô lệ. Nam Phi cho là quá đáng việc cấm đoán các phân biệt đối xử. Hai nước bỏ phiếu thuận nhưng không muốn cho Tuyên ngôn được phổ biến là Anh và Pháp. Vì thời ấy, hai đế quốc này còn lo bảo vệ thuộc địa của họ. Thử nghĩ dân thuộc địa, các dân tộc bị áp bức, mà có trong tay bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, thì văn kiện ấy tức khắc trở thành một vũ khí chiến đấu hợp pháp và lợi hại biết bao ! Ngày nay, vẫn còn nhiều quốc gia chưa công nhận nhân quyền, hoặc công nhận trên giấy tờ nhưng không chịu thực thi trong thực tế xã hội, nhất là tại các nước có thể chế độc đoán, quân phiệt hay độc tài toàn trị. Tại các nước này, những văn kiện quốc tế liên quan đến quyền con người không được phổ biến. Cầm trong tay các văn bản ấy để hô hào đòi thực thi, tất chuốc lụy vào thân, nếu không bị bắt bỏ tù vì tội «tán phán tài liệu phản cách mạng» hoặc «vi phạm an ninh quốc gia». Do đó, Cơ sở Quê Mẹ và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, thấy cần thiết phải dịch và in các văn kiện quan trọng để phổ biến trong và ngoài nước. Khi chưa biết rõ các quyền con người, các tự do căn bản được Liên Hiệp Quốc công nhận và bảo vệ, những người đấu tranh cho nhân quyền tại các nước độc tài sẽ đánh mất vũ khí chiến đấu, qua đó mất luôn sự trợ thủ toàn cầu.

Đó đây đã có một số bản dịch, đặc biệt là bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cùng vài văn kiện khác. Nhưng chúng tôi chưa hoàn toàn thỏa mãn với các bản dịch ấy, vì một số sai lầm trong khi diễn dịch, vì một số câu kéo khó hiểu hoặc không thuần tai với người Việt. Vì vậy chúng tôi ra công dịch lại hoặc nhuận sắc các bản chưa hoàn hảo. Lấy ví dụ bản Việt ngữ "Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền của Liên Hợp Quốc" mà chúng tôi gọi là «Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền» trên Trang nhà (Web site) của Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève. Chúng tôi ngờ do Hà Nội cung cấp. Theo lẽ, phải là bản chính thức đem ra sử dụng khỏi cần đắn đo. Song than ôi, khi đọc kỹ, chúng tôi

không ngờ rằng người dịch văn kiện ấy vô cùng khinh suất, cầu thả trong nội dung cũng như ngôn ngữ Việt. Gặp trường hợp như thế, chẳng có cách nào khác hơn là ngồi dịch lại. (Chúng tôi xin phép bỏ một đoạn. Khối 8406)

Ngoài bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ra đời cách nay trên 50 năm mở bước ngoặt mới trong việc tôn trọng và bảo vệ con người mà chúng tôi đã trình bày lịch trình hình thành ở trên, còn có một sự kiện quan trọng khác xảy ra vào thượng tuần tháng 12 năm 1998 tại Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York nhân kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Đó là sự ra đời của "**Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới**", chúng tôi gọi tắt là "**Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền**". Nếu không có sự đấu tranh cật lực và kiên trì hàng chục năm trường của những tổ chức phi chính phủ nổi danh, như Liên đoàn Quốc tế Nhân quyền, Ân xá Quốc tế, Human Rights Watch, v.v... tại các khóa họp thường niên của Ủy hội Nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève, thì những quốc gia độc đoán, quân phiệt, độc tài đã thành công dim chết văn kiện quan trọng này, không cho văn bản thông qua và hiện hữu. Trước các quốc gia độc tài trong thế giới, những tổ chức nhân quyền phi chính phủ đã thu đạt thắng lợi hy hữu. Bởi vì kể từ khi «Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền» ra đời, thì những người đấu tranh trong thế giới mới được bảo vệ trên mặt pháp lý quốc tế, và Liên Hiệp Quốc là chỗ dựa vững chắc cho những Đấu sĩ nhân quyền. Ngay trong Lời nói đầu của Tuyên ngôn đã xác định : «Quốc gia có trách nhiệm đầu tiên và có bổn phận làm *thăng tiến cũng như bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản*», *mặt khác*, «*Các cá nhân, nhóm và hội đoàn có quyền và trách nhiệm làm thăng tiến sự tôn trọng các quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tuyên dương các quyền ấy trên bình diện quốc gia và quốc tế*». Như vậy thì các *Đấu sĩ nhân quyền tại các nước độc tài có thể khai* thác tối đa văn kiện này để bảo vệ sinh mệnh đấu tranh cho chính mình và tổ chức của mình.

Hẳn nhiên ngoài hai văn kiện vừa kể, còn có Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa cũng **không** kém phần quan trọng trong việc bảo vệ và thăng tiến quyền con người trong thế giới nói chung, và Quyền làm Người Việt Nam nói riêng tại nước ta.

Giáo sư Võ Văn Ái

http://www.que.me/vie/doc/2001_QueMe_LHO.pdf

TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN

***Được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết số 217 (III),
ngày 10-12-1948***

LỜI MỞ ĐẦU

Xét rằng việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng bất khả chuyển nhượng của tất cả các phân tử trong đại gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hoà bình thế giới,

Xét rằng việc coi thường và khinh miệt nhân quyền đã đưa tới những hành động dã man làm phần nô lương tâm nhân loại, và việc đạt tới một thế giới trong đó mọi người được tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng, được giải thoát khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, được tuyên xưng là nguyện vọng cao cả nhất của con người,

Xét rằng điều cốt yếu là nhân quyền phải được một chế độ pháp trị bảo vệ để con người khỏi bị dồn vào thế cùng, phải nổi dậy chống áp bức và bạo quyền,

Xét rằng điều cốt yếu là phải phát triển những tương quan hữu nghị giữa các quốc gia,

Xét rằng, trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, các dân tộc đã tái xác nhận niềm tin vào những nhân quyền căn bản, vào phẩm cách và giá trị của con người, vào quyền bình đẳng nam nữ, cùng quyết tâm thúc đẩy tiến bộ xã hội và nâng cao mức sống trong một môi trường tự do hơn,

Xét rằng các quốc gia hội viên đã cam kết hợp tác với Liên Hiệp Quốc để phát huy sự tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do căn bản,

Xét rằng một quan niệm chung về tự do và nhân quyền là điều tối quan trọng để thực hiện trọn vẹn cam kết ấy.

Vì vậy,

ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN HIỆP QUỐC

Công bố bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền này như một tiêu chuẩn thực hiện chung cho tất cả các dân tộc và quốc gia, sao cho mỗi cá nhân và đoàn thể xã hội luôn nhớ tới bản Tuyên ngôn này, nỗ lực phát huy sự tôn trọng các quyền tự do này bằng học vấn và giáo dục, và bằng những biện pháp lũy tiến trên bình diện quốc gia và quốc tế, bảo đảm sự thừa nhận và thực thi trên toàn cầu các quyền tự do này cho các dân tộc thuộc các quốc gia hội viên hay thuộc các lãnh thổ bị giám hộ.

Điều 1: Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi, có lý trí và lương tri, và phải đối xử với nhau trong tình bác ái.

Điều 2: Ai cũng được hưởng những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này không phân biệt đối xử vì bất cứ lý do nào, như chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

Ngoài ra không được phân biệt về quy chế chính trị, pháp lý hay quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ mà người đó trực thuộc, dù là nước độc lập, bị giám hộ, mất chủ quyền hay bị hạn chế chủ quyền.

Điều 3: Ai cũng có quyền được sống, tự do, và an toàn thân thể.

Điều 4: Không ai có thể bị bắt làm nô lệ hay nô dịch; chế độ nô lệ và sự mua bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm chỉ

Điều 5: Không ai có thể bị tra tấn hay bị những hình phạt hoặc những đối xử tàn ác, vô nhân đạo, làm hạ thấp nhân phẩm.

Điều 6: Ai cũng có quyền được công nhận là con người trước pháp luật bất cứ tại đâu.

Điều 7: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Mọi người đều được bảo vệ chống lại mọi kỳ thị hay xử giục kỳ thị trái với Tuyên ngôn này.

Điều 8: Ai cũng có quyền yêu cầu tòa án quốc gia có thẩm quyền can thiệp chống lại những hành động vi phạm những quyền căn bản được Hiến pháp và luật pháp thừa nhận.

Điều 9: Không ai có thể bị bắt giữ, giam cầm hay lưu đày một cách độc đoán.

Điều 10: Ai cũng có quyền, trên căn bản hoàn toàn bình đẳng, được một tòa án độc lập và vô tư xét xử một cách công khai và công bằng để phán xử về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hay về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc.

Điều 11: 1) Bị cáo về một tội hình sự được suy đoán là vô tội cho đến khi có đủ bằng chứng phạm pháp trong một phiên xử công khai với đầy đủ bảo đảm cần thiết cho quyền biện hộ. 2) Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những điều mình đã làm hay không làm, nếu những điều ấy không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế hiện hành; mà cũng không bị tuyên phạt một hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng trong thời gian phạm pháp.

Điều 12: Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy.

Điều 13: 1) Ai cũng có quyền tự do đi lại và cư trú trong lãnh thổ quốc gia. 2) Ai cũng có quyền rời khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả quốc gia của mình, và có quyền hồi hương.

Điều 14: 1) Khi bị đàn áp, ai cũng có quyền tìm nơi tị nạn và được hưởng quyền tị nạn tại các quốc gia khác. 2) Quyền này không được viện dẫn trong trường hợp sự truy tố thực sự chỉ căn cứ vào những tội trạng không có tính cách chính trị hay vào những hành động trái với mục đích và tôn chỉ của Liên Hiệp Quốc.

Điều 15: 1) Ai cũng có quyền có quốc tịch. 2) Không ai có thể bị tước quốc tịch hay tước quyền thay đổi quốc tịch một cách độc đoán.

Điều 16: 1) Đến tuổi thành hôn, thanh niên nam nữ có quyền kết hôn và lập gia đình mà không bị ngăn cấm vì lý do chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có quyền bình đẳng khi kết hôn, trong thời gian hôn thú cũng như khi ly hôn. 2) Hôn thú chỉ có giá trị nếu có sự thuận tình hoàn toàn tự do của những người kết hôn. 3) Gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản của xã hội, và phải được xã hội và quốc gia bảo vệ.

Điều 17: 1) Ai cũng có quyền sở hữu, hoặc riêng tư hoặc hùn hiệp với người khác. 2) Không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách độc đoán.

Điều 18: Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo; quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự giảng dạy, hành đạo, thờ phụng và nghi lễ, hoặc riêng mình hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng.

Điều 19: Ai cũng có quyền tự do quan niệm và tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền không bị ai can thiệp vì những quan niệm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận cùng phổ biến tin tức và ý kiến bằng mọi phương tiện truyền thông không kể biên giới quốc gia.

Điều 20: 1) Ai cũng có quyền tự do hội họp và lập hội có tính cách hoà bình. 2) Không ai bị bắt buộc phải gia nhập một hội đoàn.

Điều 21: 1) Ai cũng có quyền tham gia chính quyền của quốc gia mình, hoặc trực tiếp hoặc qua các đại biểu do mình tự do lựa chọn. 2) Ai cũng có quyền bình đẳng tham gia công vụ trong nước. 3) Ý nguyện của quốc dân phải được coi là căn bản của mọi quyền lực quốc gia; ý nguyện này phải được biểu lộ qua những cuộc tuyển cử có định kỳ và trung thực, theo phương thức phổ thông đầu phiếu kín, hay theo các thủ tục tuyển cử tự do tương tự.

Điều 22: Với tư cách là một thành viên của xã hội, ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội, cũng như có quyền đòi được hưởng những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá cần

thiết cho nhân phẩm và sự tự do phát huy cá tính của mình, nhờ những nỗ lực quốc gia, sự hợp tác quốc tế, và theo cách tổ chức cùng tài nguyên của quốc gia.

Điều 23: 1) Ai cũng có quyền được làm việc, được tự do lựa chọn việc làm, được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi và được bảo vệ chống thất nghiệp. 2) Cùng làm việc ngang nhau, mọi người được trả lương ngang nhau, không phân biệt đối xử. 3) Người làm việc được trả lương tương xứng và công bằng, đủ để bảo đảm cho bản thân và gia đình một đời sống xứng đáng với nhân phẩm, và nếu cần, sẽ được bổ sung bằng những biện pháp bảo trợ xã hội khác. 4) Ai cũng có quyền thành lập nghiệp đoàn hay gia nhập nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 24: Ai cũng có quyền nghỉ ngơi và giải trí, được hưởng sự hạn định hợp lý số giờ làm việc và những ngày nghỉ định kỳ có trả lương.

Điều 25: 1) Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình kể cả thức ăn, quần áo, nhà ở, y tế và những dịch vụ cần thiết; ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, góa bụa, già yếu, hay thiếu phương kế sinh nhai do những hoàn cảnh ngoài ý muốn. 2) Sản phụ và trẻ em được đặc biệt săn sóc và giúp đỡ. Tất cả các con, dầu là chính thức hay ngoại hôn, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau.

Điều 26: 1) Ai cũng có quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí ít nhất ở cấp sơ đẳng và căn bản. Giáo dục sơ đẳng có tính cách cưỡng bách. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp phải được phổ cập. Giáo dục cao đẳng phải được phổ cập cho mọi sinh viên trên căn bản bình đẳng, lấy thành tích làm tiêu chuẩn. 2) Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản; phải đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc hay tôn giáo, đồng thời yểm trợ những hoạt động của Liên Hiệp Quốc trong việc duy trì hoà bình. 3) Cha mẹ có quyền ưu tiên lựa chọn giáo dục cho các con.

Điều 27: 1) Ai cũng có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hoá của cộng đồng, thưởng ngoạn nghệ thuật, được hưởng các tiến bộ khoa học và lợi ích của những tiến bộ ấy. 2) Ai cũng được bảo vệ bởi những quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ những sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình.

Điều 28: Ai cũng có quyền được hưởng một trật tự xã hội và trật tự quốc tế trong đó những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này có thể được thực hiện đầy đủ.

Điều 29: 1) Ai cũng có nghĩa vụ đối với cộng đồng trong đó nhân cách của mình có thể được phát triển một cách tự do và đầy đủ. 2) Trong khi hành xử những quyền tự do của mình, ai cũng phải chịu những giới hạn do luật pháp đặt ra ngõ hầu những quyền tự do của người khác cũng được thừa nhận và tôn trọng, những đòi hỏi chính đáng về đạo lý, trật tự công cộng và an lạc chung trong một xã hội dân chủ cũng được thỏa mãn. 3) Trong

mọi trường hợp, những quyền tự do này không thể hành xử trái với những mục tiêu và tôn chỉ của Liên Hiệp Quốc.

Điều 30: Không một điều khoản nào trong Tuyên ngôn này có thể giải thích để cho phép một quốc gia, một đoàn thể, hay một cá nhân nào được quyền hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu hủy những quyền tự do liệt kê trong Tuyên ngôn này.

PHỤ ĐÍNH

CÁC ĐIỀU KHOẢN NHÂN QUYỀN TRONG HIẾN CHƯƠNG LIÊN HIỆP QUỐC (1945)

Điều 1

Những mục tiêu của Liên Hiệp Quốc là: 1. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới. 2. Phát triển tương quan hữu nghị giữa các quốc gia đặt căn bản trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng quyền lợi và quyền dân tộc tự quyết, cùng thi hành mọi biện pháp thích nghi để củng cố hòa bình thế giới. 3. Đạt tới sự hợp tác quốc tế nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, hay nhân đạo, và phát huy, khuyến khích sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Điều 55

Nhằm mục đích đạt được những điều kiện về ổn định và phúc lợi cần thiết cho việc thiết lập những tương quan hòa bình và hữu nghị giữa các quốc gia đặt căn bản trên sự bình đẳng quyền lợi và quyền dân tộc tự quyết, Liên Hiệp Quốc đề xướng thực thi: a. Một mức sống cao hơn, sự toàn dụng nhân công và tạo những điều kiện tiến bộ và phát triển về kinh tế xã hội b. Tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề kinh tế xã hội và văn hóa, thực thi sự hợp tác quốc tế về văn hóa và giáo dục, và c. Tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do căn bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Điều 56

Các Quốc Gia Hội Viên cam kết, bằng những hành động riêng rẽ hay phối hợp, sẽ cộng tác với Liên Hiệp Quốc trong việc thực hiện những mục tiêu ghi trong điều 55 nói trên.

***Bản dịch của Trung tâm Việt Nam về Nhân quyền,
với sự tu chính của Ủy ban Luật gia Bảo vệ Nhân quyền***

THÔNG ĐIỆP “HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI”

Giáo hội Công giáo, 11-04-1963

Lời giới thiệu: Trong Giáo lý của Giáo hội Công giáo, có một mảng quan trọng mang tên “Học thuyết xã hội”, tức là tiếng nói của đức tin Công giáo về những câu hỏi liên quan đến cuộc sống con người trong xã hội, trong đó có vấn đề nhân quyền. Học thuyết này không cô đọng trong một văn kiện nào, nhưng tiên triên dân và được trình bày chủ yếu trong các thông điệp của các vị Giáo hoàng, khởi đầu là Đức Lêô XIII với thông điệp “Những vấn đề mới” (*Rerum novarum*) ngày 15-05-1891, tiếp đến là Đức Gioan XXIII với thông điệp “Hòa bình trên thế giới” (*Pacem in Terris*) ngày 11-04-1963, Đức Phaolô VI với Thông điệp “Phát triển các Dân tộc” (*Populorum progressio*) ngày 26-03-1967, Đức Gioan-Phaolô II với thông điệp “Mối quan tâm về các vấn đề xã hội” (*Sollicitudo Rei Socialis*) ngày 30-12-1987 rồi thông điệp “Bách chu niên” (*Centesimus Annus*) ngày 01-05-1991... Ngoài ra, học thuyết xã hội Công giáo và vấn đề nhân quyền còn được trình bày trong các văn kiện của Công đồng Vatican II (1962-1965), chủ yếu trong Hiến chế Mục vụ, Tuyên ngôn Giáo dục và Tuyên ngôn Tự do tôn giáo.

Ở đây, vì khuôn khổ và nội dung tập sách, chúng tôi chỉ trích lại một đoạn tiêu biểu trong thông điệp “Hòa bình trên Thế giới” của Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, như một tài liệu tham khảo..

TRẬT TỰ GIỮA LOÀI NGƯỜI

Mỗi con người là một ngôi vị, chủ thể có quyền lợi và nghĩa vụ

8- Trước hết phải đề cập đến trật tự vốn phải ngự trị giữa loài người.

9- Nền tảng của mọi xã hội có trật tự và phong phú, đó là nguyên tắc cho rằng mỗi con người là một ngôi vị, nghĩa là một bản tính được phú bẩm trí tuệ và ý chí tự do. Chính vì thế, con người là chủ thể của nhiều quyền lợi và nghĩa vụ vốn phát sinh trực tiếp và cùng nhau từ bản tính con người : do đó cả hai đều phổ quát, bất khả xâm phạm và bất khả di nhượng (7).

10- Nếu nhìn nhân phẩm dưới ánh sáng các chân lý do Thiên Chúa mạc khải, chúng ta càng phải đề cao nó hơn nữa. Loài người đã được máu Đức Ki-tô cứu chuộc, đã nhờ ân sủng trở thành con cái lẫn bạn hữu Thiên Chúa, và được cho thừa hưởng vinh quang vĩnh cửu.

NHỮNG QUYỀN LỢI

Quyền được sống và có một mức sống xứng hợp

11- Mọi con người đều có quyền sống, quyền toàn vẹn thân thể, quyền hưởng những phương tiện cần và đủ cho một đời sống xứng hợp, đặc biệt trong những gì liên hệ đến của ăn, áo mặc, nhà ở, sự nghỉ ngơi, săn sóc y tế, dịch vụ xã hội. Bởi thế, con người có quyền được an ninh trong trường hợp đau yếu, tàn tật, góa bụa, già lão, thất nghiệp và

mỗi khi, vì những hoàn cảnh ngoài ý muốn của mình, bị mất đi những phương tiện sinh sống (8).

Quyền hưởng những giá trị luân lý và văn hóa

12- Mọi con người đều có quyền được tôn trọng bản thân, thanh danh, quyền tự do tìm kiếm chân lý, phát biểu và truyền bá tư tưởng, sáng tạo nghệ thuật, miễn là duy trì những đòi hỏi của trật tự luân lý và của công ích ; con người cũng có quyền được thông tin cách khách quan.

13- Bản tính cũng đòi cho con người quyền hưởng những thiện ích của văn hóa, và do đó được thủ đắc một nền học vấn căn bản cũng như một sự huấn luyện chuyên nghiệp tương ứng với mức phát triển của cộng đồng chính trị mà mình thuộc về. Phải làm sao để khả năng của mỗi người cho phép họ đạt tới những cấp độ cao về học vấn cùng tiến tới những chức vụ và trách nhiệm thích hợp nhất với tài ba và năng lực của mình trong xã hội (9).

Quyền tôn thờ Thiên Chúa theo đòi hỏi chính đáng của lương tâm ngay thẳng

14- Mỗi người đều có quyền tôn thờ Thiên Chúa theo quy luật chính đáng của lương tâm và được tuyên xưng tôn giáo của mình trong đời sống riêng tư lẫn công cộng. Lactanxiô đã tuyên bố điều này cách rõ ràng : «Chúng ta nhận lãnh sự sống để dâng lên Thiên Chúa, Đấng đã ban tặng nó cho ta, lòng tôn sùng chính đáng mà Người đáng được, để chỉ biết một mình Người và chỉ theo một mình Người. Nghĩa vụ thảo hiếu này ràng buộc và liên kết chúng ta với Thiên Chúa, do đó nó mang tên gọi là tôn giáo» (10).

Về vấn đề này, vị tiền nhiệm còn lưu danh muôn thuở của tôi là Đức Lêô XIII đã khẳng định : «Chính tự do đích thực ấy, thật sự xứng đáng với con cái Thiên Chúa, bảo toàn đúng cách vẻ cao quý của nhân vị, vượt thắng mọi bạo lực và mọi toan tính bất công ; Giáo Hội đã luôn đòi hỏi nó [tự do tôn giáo], đã không bao giờ yêu quý cái gì hơn nữa. Tự do này, các thánh Tông đồ đã không ngừng đòi hỏi, các nhà Hộ giáo đã không ngừng biện hộ cho trong sách vở, các vị Tử đạo từng đoàn lũ đã không ngừng lấy máu để công nhận» (11).

Quyền tự do chọn lựa một lối sống

15- Mỗi người đều có quyền tự do chọn lối sống cho mình. Bởi thế, họ có quyền lập một gia đình, nơi ấy vợ và chồng đều bình đẳng trong quyền lợi và nghĩa vụ ; hoặc có quyền theo ơn gọi làm linh mục hay làm tu sĩ (12).

16- Được thiết lập trên hôn nhân tự do kết ước, duy nhất và bất khả phân ly, gia đình là và phải được xem là tế bào đầu tiên và tự nhiên của xã hội. Bởi thế, cần phải có những biện pháp thuộc lãnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, luân lý nhằm củng cố sự ổn định của gia đình và giúp gia đình hoàn tất vai trò riêng của nó.

17- Cha mẹ là những người đầu tiên có quyền được bảo đảm việc nuôi nấng và giáo dục con cái của họ (13).

Quyền liên quan đến thể giới kinh tế

18- Mỗi người đều có quyền được làm việc và sáng kiến trong lãnh vực kinh tế (14).

19- Liên kết bất khả phân ly với các quyền này là quyền được có những điều kiện làm việc không gây nguy hại cho sức khỏe lẫn tinh thần đạo đức, không cản trở sự phát triển bình thường của tuổi trẻ ; và nếu là nữ giới, thì là quyền được có những điều kiện làm việc hài hòa với những đòi hỏi của phái tính cũng như với nghĩa vụ làm vợ và làm mẹ của họ (15).

20- Nhân phẩm cũng thiết lập quyền mở rộng hoạt động kinh tế trong những điều kiện thông thường của trách nhiệm cá nhân (16).

Do đó - và cần nhấn mạnh - công nhân có quyền hưởng một đồng lương được xác định theo những quy tắc công bình ; tùy theo khả năng của người thuê mướn, tiền công này phải bảo đảm cho người thợ và gia đình họ một mức sống xứng hợp với nhân phẩm. Vị tiền nhiệm của tôi, Đức Piô XII, đã nói lên điều đó : «Tương ứng với luật về việc làm, vốn ghi khắc trong bản tính, có cái quyền cũng tự nhiên đối với con người là rút được từ lao nhọc của mình cái gì đó để sống và nuôi sống con cái mình : việc thống trị thiên nhiên nhằm bảo tồn con người cách sâu xa như vậy» (17).

21- Từ bản tính con người cũng phát xuất quyền tư hữu, trong ấy gồm cả quyền có những phương tiện sản xuất. Như Chúng tôi đã tuyên dạy nơi khác, quyền này «là một bảo đảm hữu hiệu cho phẩm giá con người và là một trợ lực cho con người tự do thực thi các trách nhiệm khác nhau của mình ; nó góp phần vào sự ổn định và êm ấm của gia đình, ngoài ra cũng có lợi cho hòa bình và thịnh vượng chung» (18).

22- Đàng khác, tương cũng nên nhắc lại rằng tự bản tính, quyền tư hữu bao hàm một trách vụ xã hội (19).

Quyền hội họp và lập hội

23- Việc con người được định hướng để sống trong xã hội làm phát sinh quyền hội họp và lập hội, tức là quyền tạo cho các nhóm những cơ cấu khả dĩ phục vụ tốt nhất cho các mục đích của mình, quyền tự do đảm nhận trong đó một số trách nhiệm hầu đạt tới những mục đích vừa kể (20).

24- Thông điệp «Mẹ và Thầy» đã nói một cách chính đáng rằng việc thành lập một số hiệp hội hay đoàn thể trung gian, có khả năng theo đuổi những mục tiêu mà các cá nhân

chỉ có thể đạt tới nhờ liên kết, việc ấy tỏ ra là một phương tiện tuyệt đối cần thiết để thực thi tự do và trách nhiệm của một nhân vị (21).

Quyền di cư và nhập cư

25- Mỗi người đều có quyền tự do di chuyển và cư ngụ bên trong cộng đồng chính trị mà mình đang là công dân ; khi có những lý do chấp nhận được, kẻ ấy cũng có quyền ra ngoại quốc và định cư ở đó (22). Việc thuộc về một cộng đồng chính trị nào đó không bao giờ được ngăn cản bất cứ ai trở nên thành viên của gia đình nhân loại, công dân của cộng đồng phổ quát trong đó mọi con người được quy tụ nhờ những mối dây liên kết chung.

Quyền công dân

26- Gắn liền với nhân phẩm là quyền được tham gia một cách tích cực vào đời sống công cộng và góp phần cá nhân vào thiện ích chung. «Thay vì là đối tượng hay một yếu tố thụ động của đời sống xã hội, con người -xét như con người- là và phải là chủ thể, nền tảng và cứu cánh của đời sống xã hội» (23).

27- Một quyền căn bản khác của ngôi vị là được pháp luật bảo vệ những quyền lợi riêng của mình, một sự bảo vệ hữu hiệu, bình đẳng cho tất cả và phù hợp với những quy tắc công bình khách quan. «Tự trật tự pháp lý mà Thiên Chúa đã muốn có, xuất phát cho mọi người quyền bất khả di nhượng là cá nhân được bảo đảm an ninh pháp luật và cả một khu vực quyền lợi cụ thể khỏi mọi xâm lấn độc đoán» (24)

PVL dịch từ bản tiếng Pháp

Chú thích

(7) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1942*, và Gioan XXIII, *Bài giảng ngày 4-1-1963*.
(8) X. Piô XI, *Thông điệp Divini Redemptoris*, và Piô XII, *Sứ điệp Hiện xuống 1941*. (9) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1942*. (10) *Divinae Institutiones*, quyển IV, chương 28, 2.
(11) *Thông điệp Libertas praestantissimum*. (12) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1942*. (13) X. Piô XI, *Thông điệp Casti Connubii*, và Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1942*. (14) Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Hiện xuống 1941*. (15) X. Lêô XIII, *Thông điệp Rerum Novarum*. (16) X. Gioan XXIII, *Thông điệp Mater et Magistra*. (17) X. Piô, *Sứ điệp truyền thanh Hiện xuống 1941*. (18) *Thông điệp Mater et Magistra*. (19) X. Như trên. (20) X. Lêô XIII, *Thông điệp Rerum Novarum* ; Piô XI, *Thông điệp Quadragesimo Anno* và Piô XII, *Thông điệp Sertum laetitiae*. (21) X. A.A.S LIII, 1961, tr.430. (22) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1952*. (23) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1944*. (24) X. Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Giáng sinh 1952*.

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ

Biểu quyết ngày 16-12-1966.

Việt Nam xin tham gia ngày 24-9-1982.

Lời mở đầu

Các Quốc Gia Hội Viên ký kết Công Ước này:

Xét rằng, chiếu theo những nguyên tắc công bố trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hoà bình thế giới.

Nhìn nhận rằng những quyền này xuất phát từ phẩm giá bẩm sinh của con người.

Nhìn nhận rằng, chiếu theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, lý tưởng về một con người tự do được hành xử những quyền dân sự và chính trị cũng như được giải phóng khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, chỉ có thể đạt được nếu hội đủ những điều kiện thuận tiện để con người được hưởng những quyền dân sự và chính trị cũng như những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá.

Xét rằng nghĩa vụ của các quốc gia hội viên theo Hiến chương Liên Hiệp Quốc là phát huy sự tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do của con người.

Nhận định rằng con người có nghĩa vụ đối với những người khác cũng như đối với cộng đồng, nên có trách nhiệm phải phát huy và tôn trọng những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này.

Đồng chấp thuận những điều khoản sau đây:

PHẦN I

Điều 1:

- 1- Các dân tộc đều có quyền tự quyết. Chiếu theo quyền này, họ được tự do quyết định về chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.
- 2- Để đạt được mục tiêu này, các dân tộc có quyền tự do sử dụng các nguồn lợi thiên nhiên của mình, miễn là không vi phạm những nghĩa vụ phát sinh từ sự hợp tác quốc tế về kinh tế, đặt căn bản trên quyền lợi hỗ tương và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp các phương tiện sinh sống của nghiệp đoàn không thể bị tước đoạt.
- 3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này, kể cả những quốc gia có trách nhiệm bảo hộ hay giám hộ các lãnh thổ khác, phải tôn trọng và xúc tiến việc thực thi quyền dân tộc tự quyết chiếu theo các điều khoản của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

PHẦN II

Điều 2:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm thực thi những quyền được nhìn nhận trong Công Ước cho tất cả mọi người sống trong lãnh thổ và thuộc thẩm quyền quốc gia, không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

2- Trong trường hợp những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này chưa được quy định thành văn trong luật pháp quốc gia, các quốc gia hội viên ký kết Công Ước cam kết sẽ ban hành các đạo luật theo thủ tục luật pháp quốc gia và theo các điều khoản của Công Ước để các quyền này có hiệu lực.

3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết:

a. Bảo đảm cho các nạn nhân quyền được đền bù hay đòi bồi thường thỏa đáng khi những quyền tự do của họ bị vi phạm, đầu rằng người vi phạm là một viên chức chính quyền.

b. Bảo đảm cho các nạn nhân quyền được khiếu nại tại các cơ quan tư pháp, hành chính hay lập pháp quốc gia, hay tại các cơ quan có thẩm quyền và phát triển quyền khiếu tố trước toà án. c. Bảo đảm các cơ quan thẩm quyền phải thi hành nghiêm chỉnh những sự đền bù hay bồi thường đã tuyên

Điều 3:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong việc hành xử những quyền dân sự và chính trị ghi trong Công Ước.

Điều 4:

1- Trong khi tuyên bố tình trạng khẩn trương công cộng vì lý do quốc gia bị đe dọa, Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này có thể ban hành một số biện pháp đình chỉ thi hành các nghĩa vụ của quốc gia ấn định trong Công Ước này. Tuy nhiên những biện pháp này phải có tính cách thật cần thiết vì nhu cầu của tình thế, và không vi phạm các nghĩa vụ của quốc gia phát sinh từ luật pháp quốc tế, và cũng không được dùng để kỳ thị chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo hay nguồn gốc xã hội.

2- Trong mọi trường hợp những quyền dân sự và chính trị ghi trong các điều 6, 7, 8 (khoản 1 và 2), và trong các điều 11, 15, 16, 18 của Công Ước không thể bị đình chỉ thi hành.

3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này phải lập tức thông báo qua vị Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc cho các quốc gia hội viên kết ước khác hay biết những điều khoản nào trong Công Ước đã bị đình chỉ thi hành, và vì lý do gì. Ngay sau khi chấm dứt tình trạng khẩn trương công cộng, họ cũng phải thông báo theo thủ tục nói trên.

Điều 5:

1- Không một quốc gia, một phe nhóm hay một cá nhân nào có quyền giải thích các điều khoản trong Công Ước này để cho phép họ hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu diệt những quyền tự do đã được Công Ước thừa nhận, hoặc để giới hạn những quyền tự do này quá mức ấn định trong Công Ước.

2- Các quốc gia hội viên kết ước nào đã thừa nhận một số nhân quyền căn bản trong luật pháp quốc gia, công ước, quy chế hay tục lệ, sẽ không được quyền giới hạn hay đình chỉ thi hành các nhân quyền căn bản đó, viện cớ rằng Công Ước này không thừa nhận những nhân quyền đó, hay chỉ thừa nhận trong một phạm vi hạn hẹp hơn.

PHẦN III

Điều 6:

- 1- Mọi người đều có quyền sống. Đây là một quyền bẩm sinh được luật pháp bảo vệ. Không ai có thể bị tước đoạt quyền sống một cách độc đoán.
- 2- Trong các quốc gia chưa bãi bỏ hình phạt tử hình, toà án chỉ được tuyên án tử hình đối với những tội hình sự nghiêm trọng nhất chiếu theo luật pháp áp dụng trong thời gian phạm pháp và không trái với những điều khoản của Công Ước này và của Công Ước Ngăn Ngừa và Trừng Phạt Tội Diệt Chủng. Hình phạt tử hình chỉ có thể được thi hành chiếu theo một bản án chung thẩm của một tòa án có thẩm quyền.
- 3- Điều luật này không cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này được giải trừ các nghĩa vụ ghi trong Công Ước Ngăn Ngừa và Trừng Phạt Tội Diệt Chủng trong trường hợp sự hành quyết hay sát nhân cấu thành tội diệt chủng.
- 4- Các bị cáo bị tuyên án tử hình có quyền xin ân xá hay ân giảm hình phạt. Lệnh đại xá, ân xá hay ân giảm hình phạt có thể được ban hành trong mọi trường hợp.
- 5- Án tử hình không được tuyên đối với các bị cáo chưa đủ 18 tuổi khi phạm pháp, và cũng không được thi hành đối với các phụ nữ mang thai.
- 6- Điều luật này không thể được viện dẫn để trì hoãn hay ngăn cản việc bãi bỏ hình phạt tử hình tại các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này.

Điều 7:

Không ai có thể bị tra tấn, hoặc phải chịu những hình phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo, làm hạ thấp phẩm giá con người. Đặc biệt là, nếu không có sự ưng thuận tự do của đương sự, không ai có thể bị dùng vào những cuộc thí nghiệm y học hay khoa học.

Điều 8:

- 1- Không ai có thể bị bắt làm nô lệ; chế độ nô lệ và mọi hình thức buôn bán nô lệ đều bị cấm chỉ.
- 2- Không ai có thể bị bắt làm nô dịch. a. Không ai có thể bị cưỡng bách lao động. b. Khoản 3 (a) nói trên không được áp dụng tại các quốc gia trong đó luật pháp cho phép toà án có thẩm quyền tuyên án tù khổ sai. c. Trong phạm vi khoản này, không được coi là "*lao động cưỡng bách*": i. Ngoài trường hợp nêu ở khoản (b) trên đây, những công tác hay dịch vụ mà các tù nhân phải làm trong thời gian bị giam giữ chiếu theo một bản án hợp pháp của toà án, hay phải làm trong thời gian được phóng thích có điều kiện. ii. Nghĩa vụ quân sự, hay nghĩa vụ quốc gia áp dụng cho những người được luật pháp cho miễn thi hành nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm. iii. Nghĩa vụ cộng đồng trong trường hợp khẩn trương hay thiên tai đe dọa đời sống hay sự an lạc của cộng đồng. iv. Những nghĩa vụ dân sự thông thường.

Điều 9:

- 1- Ai cũng có quyền tự do thân thể và an ninh thân thể. Không ai có thể bị bắt giữ hay giam cầm độc đoán. Không ai có thể bị tước đoạt tự do thân thể ngoại trừ những trường hợp và theo những thủ tục luật định.
- 2- Khi bị bắt giữ, bị cáo phải được tức thì thông báo về lý do bắt giữ, và phải được thông báo không chậm trễ về tội trạng bị cáo buộc.
- 3- Bị cáo bị bắt giữ hay giam cầm về một tội hình sự phải được dẫn giải không chậm trễ tới một vị thẩm phán (hay một viên chức có thẩm quyền tư pháp theo luật), để được xét

xử trong một thời hạn hợp lý hay được phóng thích. Theo thông lệ, không nhất thiết phải câu lưu bị cáo trước ngày toà xử. Tuy nhiên để bảo đảm sự hiện diện của bị cáo trong phiên xử hay trong các giai đoạn thẩm vấn, và để thi hành bản án, nếu cần, sự phóng thích tạm bị cáo đòi hỏi phải có bảo đảm.

4- Những người bị bắt giữ hay giam cầm đều có quyền yêu cầu toà án thụ lý không chậm trễ về tính hợp pháp của sự giam giữ, và phải được phóng thích nếu sự giam giữ được xét là bất hợp pháp.

5- Các nạn nhân trong những vụ bắt giữ hay giam cầm bất hợp pháp có quyền khiếu tố đòi bồi thường thiệt hại.

Điều 10:

Những người mất tự do vẫn phải được đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm. a. Ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, các bị cáo chưa được xét xử phải được giam giữ cách biệt với những người đã can án, và phải được đối xử theo quy chế của những người không can án. b. Các bị cáo thiếu nhi phải được giam giữ cách biệt với người lớn và phải được xét xử trong thời hạn sớm nhất. c. Chế độ lao tù phải đặt trọng tâm vào việc cải huấn tù nhân, tạo cho họ cơ hội cải hoá và hội nhập vào đời sống xã hội. Các thiếu nhi phạm pháp phải được giam giữ cách biệt với người lớn, và phải được đối xử tùy theo tuổi tác và tình trạng pháp lý của chúng.

Điều 11:

Không ai có thể bị giam giữ chỉ vì không có khả năng thi hành một nghĩa vụ khế ước.

Điều 12:

1- Những người cư trú hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia đều có quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong lãnh thổ.

2- Mọi người đều được quyền tự do rời khỏi một quốc gia, kể cả quốc gia của mình.

3- Những quyền tự do ghi trên không thể bị giới hạn, ngoại trừ những trường hợp luật định vì nhu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác, và nếu không trái với những quyền tự do khác được thừa nhận trong Công Ước này.

4- Không ai có thể bị tước đoạt quyền hồi hương một cách độc đoán.

Điều 13:

Ngoại kiều cư trú hợp pháp trong lãnh thổ các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này chỉ có thể bị trục xuất do một quyết định hợp pháp. Trừ trường hợp có lý do cưỡng thúc về an ninh quốc gia, người bị trục xuất có quyền trình bày lý do để chống lại quyết định trục xuất, và có quyền nhờ người biện hộ nộp đơn xin tái xét hồ sơ trục xuất tại các cơ quan hay người đại diện cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14:

1- Mọi người đều bình đẳng trước toà án. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một toà án độc lập, vô tư và có thẩm quyền theo luật, để phán xử về những tội trạng hình sự mà mình bị cáo buộc hay về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong các vụ tranh tụng khác. Báo chí và công chúng có thể không được tham dự một phần hay toàn thể phiên xử, vì nhu cầu đạo lý, trật tự công cộng hay an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ, hay để bảo vệ đời sống riêng tư của các đương sự tranh tụng, hay, trong những trường hợp thật cần thiết, khi toà án quyết định rằng xét xử công khai sẽ

làm thiệt hại quyền lợi của công lý. Tuy nhiên các bản án hình sự và các bản án khác phải được tuyên đọc công khai trước toà, ngoại trừ trường hợp để bảo vệ quyền lợi của thiếu nhi hay của gia đình trong những vụ tranh tụng về hôn nhân hay về việc giám hộ các con.

2- Bị cáo về các tội hình sự có quyền được suy đoán là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội theo luật.

3- Trong các vụ hình sự, tất cả các bị cáo đều được hưởng đồng đều những bảo đảm tối thiểu sau đây: a. Được tức thì thông báo tội trạng với đầy đủ chi tiết bằng ngôn ngữ mà họ thông hiểu. b. Quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị sự biện hộ và được quyền liên lạc với luật sư do mình lựa chọn. c. Được xét xử mau chóng, không diên trì quá đáng. d. Được hiện diện trong phiên xử để tự biện hộ hay nhờ luật sư biện hộ do mình lựa chọn; được thông báo về quyền này trong trường hợp tự biện hộ; và được quyền có luật sư biện hộ miễn phí vì nhu cầu công lý nếu bị cáo không có phương tiện mướn luật sư. e. Được đối chất với các nhân chứng buộc tội và được quyền đòi nhân chứng và chất vấn các nhân chứng gỡ tội cho mình, theo cùng một thủ tục. f. Được quyền có thông dịch viên miễn phí, nếu bị cáo không nói hay không hiểu ngôn ngữ của toà. g. Được quyền không khai, để khỏi phải tự buộc tội mình, hay khỏi phải thú nhận tội trạng.

4- Trong các vụ án thiếu nhi, thủ tục xét xử phải căn cứ vào tuổi tác của bị cáo và hướng về mục tiêu cải huấn can phạm.

5- Các bị cáo bị tuyên phạt có quyền kháng cáo lên toà trên theo thủ tục luật định.

6- Trong trường hợp bị cáo bị tuyên hình phạt chung thẩm và sau này bản án bị tiêu hủy hay đương sự được ân xá vì có sự kiện mới phát giác cho biết bị cáo đã bị phạt oan uổng, người bị kết án có quyền đòi bồi thường thiệt hại theo luật, trừ phi có bằng chứng cho biết, sở dĩ sự kiện mới này không được phát giác trong thời gian xử án, một phần hay hoàn toàn tại vì bị cáo.

7- Không ai có thể bị tái thẩm hay bị tuyên phạt một lần nữa về một tội trạng đã được toà án phán xử chung thẩm bằng cách tuyên phạt hay tha bổng, chiếu theo luật pháp và thủ tục hình sự hiện hành.

Điều 15:

1- Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những điều mình đã làm hay không làm, nếu những điều ấy không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế áp dụng hồi đó; mà cũng không bị tuyên một hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng trong thời gian phạm pháp. Tuy nhiên bị cáo được quyền hưởng hình phạt khoan hồng hơn chiếu theo luật mới ban hành sau ngày phạm pháp.

2- Điều luật này không có tác dụng ngăn cản việc xét xử hay tuyên phạt một bị cáo vì đã làm hay không làm những hành vi cấu thành tội hình sự chiếu theo những nguyên tắc luật pháp tổng quát được thừa nhận bởi cộng đồng các quốc gia trong thời gian đương sự phạm pháp.

Điều 16:

Ai cũng có quyền được công nhận là con người trước pháp luật bất cứ tại đâu.

Điều 17:

1- Không ai có thể bị xâm phạm trái phép hay độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm trái phép đến danh dự và thanh danh.

2- Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy.

Điều 18:

- 1- Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo. Quyền này bao gồm quyền tự do theo một tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng qua sự thờ phụng, hành đạo, nghi lễ hay giảng dạy, hoặc riêng tư hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay tại nhà riêng.
- 2- Không ai bị cưỡng bách tước đoạt quyền tự do lựa chọn tôn giáo hay tín ngưỡng.
- 3- Quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý hay những quyền tự do căn bản của người khác.
- 4- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng quyền của cha mẹ hay người giám hộ trong việc giáo dục các con về tôn giáo hay đạo lý theo tín ngưỡng của họ.

Điều 19:

- 1- Mọi người đều có quyền giữ vững quan niệm mà không bị ai can thiệp.
- 2- Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia.
- 3- Việc hành sử quyền tự do phát biểu quan điểm (ghi ở khoản 2 nói trên) đòi hỏi đương sự phải có những bổn phận và trách nhiệm đặc biệt. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu: a. Tôn trọng những quyền tự do và thanh danh của người khác. b. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý.

Điều 20:

- 1- Mọi hình thức tuyên truyền, cổ võ chiến tranh phải bị luật pháp cấm chỉ.
- 2- Mọi hình thức gieo rắc căm hờn, xúi giục kỳ thị, hiềm khích, kích thích bạo động giữa các quốc gia, các chủng tộc hay các tôn giáo phải bị luật pháp cấm chỉ.

Điều 21:

Quyền hội họp có tính cách hoà bình phải được thừa nhận. Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác.

Điều 22:

- 1- Ai cũng có quyền tự do lập hội, kể cả quyền thành lập và gia nhập các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình.
- 2- Việc hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp, vì các nhu cầu cần thiết trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý, hay những quyền tự do của người khác. Điều luật này không có tác dụng ngăn cấm việc ban hành các giới hạn luật định liên quan đến sự hành xử quyền tự do lập hội của các giới quân nhân và cảnh sát.
- 3- Điều luật này không có hiệu lực cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước Lao Động Quốc Tế năm 1948 về Quyền Tự Do Lập Hội và Bảo Vệ Quyền Lập Hội, được ban hành hay áp dụng những đạo luật có tác dụng vi phạm những bảo đảm về những quyền tự do ghi trong Công Ước Lao Động Quốc Tế.

Điều 23:

- 1- Gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản trong xã hội và phải được xã hội và quốc gia bảo vệ.
- 2- Thanh niên nam nữ đến tuổi thành hôn có quyền kết hôn và lập gia đình.
- 3- Hôn thú chỉ được thành lập nếu có sự ưng thuận hoàn toàn tự do của những người kết hôn.
- 4- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này phải ban hành những biện pháp để bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm của vợ chồng khi kết hôn, trong thời gian hôn thú, cũng như khi ly hôn. Trong trường hợp ly hôn phải quy định những biện pháp bảo vệ quyền lợi của các con.

Điều 24:

- 1- Không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản hay dòng dõi, các trẻ em, với tư cách vị thành niên, phải được gia đình, xã hội và quốc gia bảo vệ.
- 2- Trẻ em phải được khai sinh ngay sau khi sinh, và được đặt tên họ.
- 3- Trẻ em có quyền thủ đắc quốc tịch.

Điều 25:

Không bị kỳ thị (như đã quy định ở điều 2) và không bị giới hạn bất hợp lý, mọi công dân đều có quyền và có cơ hội: a. Được tham gia vào việc điều hành chính quyền, hoặc trực tiếp hoặc qua những đại biểu do mình tự do tuyển chọn. b. Được bầu cử và ứng cử trong những cuộc tuyển cử tự do và công bằng theo định kỳ, bằng phổ thông đầu phiếu kín, bảo đảm trung thực ý nguyện của cử tri. c. Được quyền bình đẳng tham gia công vụ trong nước.

Điều 26:

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không kỳ thị. Trên phương diện này, luật pháp cấm mọi kỳ thị và bảo đảm cho tất cả mọi người quyền được bảo vệ một cách bình đẳng và hữu hiệu chống mọi kỳ thị về chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào.

Điều 27:

Đối với các cộng đồng thiểu số về chủng tộc, tôn giáo, hay ngôn ngữ tại các quốc gia hội viên, Công Ước này bảo đảm cho các thành phần thiểu số cũng với những người khác trong cộng đồng của họ được quyền hưởng văn hoá riêng, được truyền giáo và hành đạo riêng, và được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ.

Bản dịch của Trung tâm Việt Nam về Nhân quyền,

với sự tu chính của Ủy ban Luật gia Bảo vệ Nhân quyền.

(Điều 28 đến điều 53 nói về vấn đề hành chánh của Ủy ban Nhân quyền, chúng tôi xin miễn đăng).

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

Biểu quyết ngày 16-12-1966.

Việt Nam xin tham gia ngày 24-9-1982

Lời mở đầu

Các Quốc Gia Hội Viên ký kết Công Ước này:

Xét rằng, chiếu theo những nguyên tắc công bố trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hoà bình thế giới.

Nhìn nhận rằng những quyền này xuất phát từ phẩm giá bẩm sinh của con người.

Nhìn nhận rằng, chiếu theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, lý tưởng về một con người tự do được giải phóng khỏi sự sợ hãi và khốn cùng, chỉ có thể đạt được nếu hội đủ những điều kiện thuận tiện để con người được hưởng những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, cũng như những quyền dân sự và chính trị.

Xét rằng nghĩa vụ của các quốc gia hội viên theo Hiến chương Liên Hiệp Quốc là phát huy sự tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do của con người.

Nhận định rằng con người có nghĩa vụ đối với những người khác cũng như đối với cộng đồng, nên có trách nhiệm phải phát huy và tôn trọng những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này.

Đồng chấp thuận những điều khoản sau đây:

PHẦN I

Điều 1:

1- Các dân tộc đều có quyền tự quyết. Chiếu theo quyền này, họ được tự do quyết định về chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.

2- Để đạt được mục tiêu này, các dân tộc có quyền tự do sử dụng các nguồn lợi thiên nhiên của mình, miễn là không vi phạm những nghĩa vụ phát sinh từ sự hợp tác quốc tế về kinh tế, đặt căn bản trên quyền lợi hỗ tương và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp các phương tiện sinh sống của nghiệp đoàn không thể bị tước đoạt.

3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này, kể cả những quốc gia có trách nhiệm bảo hộ hay giám hộ các lãnh thổ khác, phải tôn trọng và xúc tiến việc thực thi quyền dân tộc tự quyết chiếu theo các điều khoản của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

PHẦN II

Điều 2:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết, sẽ tự mình và do sự tương trợ và hợp tác quốc tế, đặc biệt về kinh tế và kỹ thuật, ban hành những biện pháp tận dụng

những nguồn lợi quốc gia vào mục đích thực thi lũy tiến và đầy đủ những quyền được nhìn nhận trong Công Ước này bằng những phương pháp thích nghi, đặc biệt là bằng việc ban hành các đạo luật.

2- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết bảo đảm thực thi các quyền liệt kê trong Công Ước này không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

3- Trong chiều hướng tôn trọng nhân quyền và căn cứ vào khả năng kinh tế trong nước, các quốc gia đang phát triển có thể ấn định những quyền kinh tế nào trong Công Ước này sẽ được bảo đảm áp dụng cho những người không có tư cách công dân.

Điều 3:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong việc hành xử những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá liệt kê trong Công Ước này.

Điều 4:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này nhìn nhận rằng, về việc hành xử những quyền ghi trong Công Ước, họ chỉ có thể ấn định các giới hạn luật định phù hợp với bản chất của những quyền này và chỉ nhằm mục đích phát huy sự an lạc chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 5:

1- Không một quốc gia, một phe nhóm hay một cá nhân nào có quyền giải thích các điều khoản trong Công Ước này để cho phép họ hoạt động hay làm những hành vi nhằm tiêu diệt những quyền tự do đã được Công Ước thừa nhận, hoặc để giới hạn những quyền tự do này quá mức ấn định trong Công Ước.

2- Các quốc gia nào đã thừa nhận một số nhân quyền căn bản trong luật pháp quốc gia, công ước, quy chế hay tục lệ, sẽ không được quyền giới hạn hay đình chỉ thi hành các nhân quyền căn bản đó, viện cớ rằng Công Ước này không thừa nhận những nhân quyền đó, hay chỉ thừa nhận trong một phạm vi hạn hẹp hơn.

PHẦN III

Điều 6:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận cho mọi người quyền làm việc và cam kết sẽ ban hành những biện pháp để bảo đảm quyền này. Quyền làm việc bao gồm quyền cơ sở hội sinh sống nhờ công việc, quyền tự do nhận việc hay lựa chọn việc làm.

2- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này sẽ ban hành những biện pháp để thực thi đầy đủ quyền làm việc, như những chương trình huấn luyện, hướng dẫn kỹ thuật và hướng nghiệp, những chính sách và kỹ thuật để phát triển đều đặn về kinh tế, xã hội và văn hoá, cùng sự toàn dụng nhân công vào việc sản xuất trong điều kiện những quyền tự do chính trị và kinh tế căn bản của con người được bảo đảm.

Điều 7:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này nhìn nhận cho mọi người quyền được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt với những bảo đảm sau đây:

- 1- Về việc trả lương cho các công nhân, tối thiểu phải có: a. Tiền lương tương xứng và công bằng cho các công việc có giá trị ngang nhau không phân biệt đối xử. Đặc biệt phụ nữ được bảo đảm có những điều kiện làm việc tương xứng như nam giới, làm việc ngang nhau được trả lương ngang nhau. b. Một mức sống xứng đáng cho bản thân và gia đình phù hợp với những điều khoản của Công Ước này.
- 2- Có điều kiện làm việc an toàn và không hại đến sức khoẻ.
- 3- Có cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi người và chỉ căn cứ vào thâm niên và khả năng.
- 4- Có quyền nghỉ ngơi và giải trí; được ấn định hợp lý số giờ làm việc, kể cả những ngày nghỉ định kỳ có trả lương và những ngày nghỉ lễ có trả lương.

Điều 8:

- 1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết bảo đảm: a. Quyền tự do thành lập nghiệp đoàn và tham gia nghiệp đoàn (theo nội quy và điều lệ), để bảo vệ và gia tăng quyền lợi kinh tế và xã hội của mình. Sự hành xử quyền này chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu sinh hoạt trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, hay sự hành xử quyền tự do của người khác. b. Quyền của các nghiệp đoàn được kết hợp thành các tổng liên đoàn quốc gia, và từ đó thành lập hay gia nhập các tổ chức tổng liên đoàn quốc tế. c. Các nghiệp đoàn được quyền tự do hoạt động và chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu sinh hoạt trong một xã hội dân chủ để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, hay sự hành xử quyền tự do của những người khác. d. Quyền đình công được hành xử theo luật quốc gia.
- 2- Điều luật này không có tác dụng ngăn cấm việc ban hành các giới hạn luật định liên quan đến sự hành xử những quyền này của các giới quân nhân, cảnh sát và công chức quốc gia.
- 3- Điều luật này không có hiệu lực cho phép các quốc gia hội viên ký kết Công Ước Lao Động Quốc Tế năm 1948 về Quyền Tự do Lập Hội và Bảo Vệ Quyền Lập Hội được ban hành những đạo luật có tác dụng vi phạm những bảo đảm ghi trong Công Ước Lao Động Quốc Tế.

Điều 9:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận quyền của mọi người được hưởng an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội.

Điều 10:

Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này nhìn nhận rằng:

- 1- Vì gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản trong xã hội nên phải được bảo vệ và hỗ trợ mạnh mẽ nhất, đặc biệt trong giai đoạn thành lập và trong khi thi hành nghĩa vụ chăm sóc và giáo dục các trẻ em. Hôn thú được thành lập do sự ưng thuận tự do của những người kết hôn.
- 2- Xã hội phải đặc biệt giúp đỡ các sản phụ trong một thời gian hợp lý trước và sau khi sinh nở. Trong thời gian này, các bà mẹ đi làm được nghỉ phép có trả lương hay được hưởng trợ cấp an sinh xã hội cần thiết.
- 3- Quốc gia phải ban hành những biện pháp đặc biệt để bảo vệ và hỗ trợ các trẻ em và thiếu niên không phân biệt tình trạng phụ hệ hay bất cứ thân trạng nào khác. Trẻ em và thiếu niên phải được bảo vệ chống mọi hình thức bóc lột về kinh tế và xã hội. Các thiếu

niên không được tuyển dụng vào các công việc nguy hiểm đến đời sống hay phương hại đến đạo lý, sức khỏe hay đến sự phát triển bình thường của tuổi trẻ. Vi phạm điều này phải bị truy tố theo luật. Quốc gia cũng phải ấn định số tuổi tối thiểu cho các thiếu niên làm việc lao động có trả lương. Tuyển dụng các thiếu niên dưới tuổi luật định phải bị cấm chỉ và truy tố theo luật.

Điều 11:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng một mức sống khả quan cho bản thân và gia đình, đủ cơm ăn, áo mặc và nhà ở. Mức sống này phải được nâng cao liên tục. Các quốc gia hội viên kết ước sẽ ban hành những biện pháp thích nghi để quyền này được thực hiện, ý thức rằng sự hợp tác quốc tế trên căn bản tự nguyện giữ vai trò thiết yếu trong việc này.

2- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận cho mọi người quyền căn bản được giải thoát khỏi sự đói khổ, và cam kết sẽ ban hành những biện pháp do quốc gia và do sự hợp tác quốc tế, để thực hiện những chương trình đặc biệt cần thiết như: a. Cải tiến những phương pháp sản xuất, tồn trữ và phân phối thực phẩm bằng cách tận dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật, phổ biến các kiến thức về dinh dưỡng, phát triển hay canh tân nông nghiệp để đạt được năng suất tối đa về phát triển và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. b. Trên phạm vi toàn cầu, phải tiến tới sự phân phối công bằng và hợp lý các thực phẩm trên thế giới tùy theo khả năng của các quốc gia xuất cảng thực phẩm và nhu cầu của các quốc gia nhập cảng thực phẩm.

Điều 12:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe thể chất và tâm thần.

2- Đề quyền này được thực thi đầy đủ, các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này sẽ ban hành những biện pháp cần thiết sau đây: a. Giảm bớt tỷ lệ tử vong của thai nhi và hài nhi, bảo vệ sức khỏe và sự phát triển của trẻ em. b. Cải thiện những điều kiện vệ sinh trong môi trường sinh thái và môi trường kỹ nghệ. c. Ngăn ngừa, điều trị và kiểm soát các bệnh dịch, các bệnh đặc biệt tại một địa phương hay tại một loại nghề nghiệp, cũng như các bệnh khác. d. Tạo điều kiện để bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ y tế và chăm sóc bệnh nhân khi đau yếu.

Điều 13:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản; cho mọi người được thực sự tham gia sinh hoạt trong một xã hội tự do, đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo, và yểm trợ các hoạt động của L. Hiệp Quốc trong việc duy trì hoà bình.

2- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này nhìn nhận rằng, đường hướng sau đây sẽ giúp vào việc thực hiện đầy đủ quyền giáo dục: a. Giáo dục tiểu học phải có tính cách cưỡng bách và miễn phí cho tất cả mọi người. b. Giáo dục trung học kể cả các ngành phổ thông, kỹ thuật và hướng nghiệp phải được phổ cập cho tất cả mọi người bằng những phương pháp thích nghi và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí. c. Giáo dục đại học phải được phổ cập bình đẳng cho mọi sinh viên bằng những phương pháp thích nghi, căn cứ

vào khả năng, và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí. d. Giáo dục căn bản tráng niên được khuyến khích và tăng cường tối đa cho những người chưa tốt nghiệp tiểu học. e. Hệ thống giáo dục các cấp phải được tích cực phát triển, hệ thống học bổng tu nghiệp phải được thiết lập và điều kiện vật chất của các nhân viên giảng huấn phải được cải thiện liên tục.

3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng quyền tự do của phụ huynh học sinh hay người giám hộ, được lựa chọn trường cho con em ngoài hệ thống giáo dục công lập, nếu trường này hội đủ những tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu do quốc gia ấn định. Các phụ huynh hay người giám hộ cũng được quyền phụ trách về giáo dục tôn giáo và đạo lý cho con em theo tín ngưỡng của họ.

4- Điều luật này không có tác dụng can thiệp vào quyền tự do của các cá nhân hay tổ chức trong việc thiết lập và điều hành các định chế giáo dục tư thục với điều kiện cùng theo đuổi những mục tiêu giáo dục nêu ở khoản 1 điều này, và nếu hội đủ tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu do quốc gia ấn định.

Điều 14:

Trong thời gian ký kết hay gia nhập Công Ước này, nếu các quốc gia hội viên nào chưa tổ chức được hệ thống tiểu học cưỡng bách và miễn phí trong quản hạt quốc gia (hay trong các lãnh thổ mà họ bảo hộ hay giám hộ), họ cam kết sẽ thiết lập trong vòng 2 năm một chương trình hành động với đầy đủ chi tiết để tuân tự ban hành trong một thời gian hợp lý có ghi rõ trong chương trình, một hệ thống giáo dục cưỡng bách và miễn phí cho tất cả các học sinh tiểu học

Điều 15:

1- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này thừa nhận quyền của mọi người: a. Được tham gia vào đời sống văn hoá; b. Được hưởng các lợi ích của những tiến bộ và sáng chế khoa học. c. Được bảo vệ những quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ những sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình.

2- Để thực thi đầy đủ quyền này, các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết sẽ ban hành những biện pháp cần thiết trong việc bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá.

3- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này cam kết tôn trọng quyền tự do cần thiết cho việc nghiên cứu khoa học và sáng tạo văn học nghệ thuật.

4- Các quốc gia hội viên ký kết Công Ước này ghi nhận những lợi ích trong việc khuyến khích và phát triển những liên lạc và hợp tác quốc tế trên lãnh vực khoa học và văn hoá.

***Bản dịch của Trung tâm Việt Nam về Nhân quyền,
với sự tu chính của Ủy ban Luật gia Bảo vệ Nhân quyền
(Từ điều 16 đến điều 31 nói về Hội đồng Kinh tế-Xã hội của LHQ, mang tính chất
hành chánh, chúng tôi xin miễn đăng).***

PHỤ ĐÍNH 1

CÁC ĐIỀU KHOẢN NHÂN QUYỀN TRONG HIẾN CHƯƠNG LIÊN HIỆP QUỐC (1945)

Điều 1

Những mục tiêu của Liên Hiệp Quốc là:

- 1- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- 2- Phát triển tương quan hữu nghị giữa các quốc gia đặt căn bản trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng quyền lợi và quyền dân tộc tự quyết, cùng thi hành mọi biện pháp thích nghi để củng cố hòa bình thế giới.
- 3- Đạt tới sự hợp tác quốc tế nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, hay nhân đạo, và **phát huy, khuyến khích sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản cho tất cả mọi người** không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Điều 55

Nhằm mục đích đạt được những điều kiện về ổn định và phúc lợi cần thiết cho việc thiết lập những tương quan hòa bình và hữu nghị giữa các quốc gia đặt căn bản trên sự bình đẳng quyền lợi và quyền dân tộc tự quyết, Liên Hiệp Quốc đề xướng thực thi:

- a- Một mức sống cao hơn, sự toàn dụng nhân công và tạo những điều kiện tiến bộ và phát triển về kinh tế xã hội
- b- Tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề kinh tế xã hội và văn hóa, thực thi sự hợp tác quốc tế về văn hóa và giáo dục, và
- c- **Tôn trọng và thực thi trên toàn cầu những nhân quyền và những quyền tự do căn bản cho tất cả mọi người** không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.

Điều 56

Các Quốc Gia Hội Viên cam kết, bằng những hành động riêng rẽ hay phối hợp, sẽ cộng tác với Liên Hiệp Quốc trong việc thực hiện những mục tiêu ghi trong điều 55 nói trên

DIỄN GIẢI CÁC TUYÊN NGÔN VÀ CÔNG ƯỚC NHÂN QUYỀN

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, (1948) (TNQTNQ) công nhận cho con người 26 nhân quyền căn bản. Công ước Quốc tế về những Quyền Dân sự và Chính trị (CUDSCT) và Công ước Quốc tế về những Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (1966) (CUKTXHVVH) công nhận thêm quyền dân tộc tự quyết.

Năm 1960 Liên Hiệp Quốc ban hành Quyết nghị yêu cầu các đế quốc (Anh Pháp) trao trả độc lập cho các quốc gia bị trị (Á Phi). Tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc, tổng thống Pháp de Gaulle cam kết tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Algeria, và hai năm sau tổ chức trưng cầu dân ý để trả độc lập cho Algeria.

Điều 1 của hai Công ước Quốc tế Nhân quyền định nghĩa dân tộc tự quyết là "*quyền của các dân tộc được tự do quyết định về chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.*"

Tuyên ngôn QT Nhân quyền chia các nhân quyền thành 4 loại:

- 1) Những quyền dân sự về bản thân con người hay **quyền Tự do Thân thể**.
- 2) Những quyền dân sự của con người trong đời sống xã hội hay **quyền An cư**.
- 3) Những quyền kinh tế, xã hội và văn hoá giáo dục hay **quyền Lạc nghiệp**.
- 4) Những quyền tự do tinh thần và tự do chính trị hay **quyền Tự do Dân chủ**.

Khái quát mà xét, chúng ta có thể xếp nhân quyền thành 3 bậc:

- 1) **Nhân quyền bậc 1** mệnh danh là Quyền Tự do Thân thể, gồm những quyền liên quan đến thân thể con người, như quyền sống, quyền tự do thân thể không bị nô lệ hay nô dịch, quyền an toàn thân thể không bị bắt giam trái phép, không bị tra tấn hành hạ, được xét xử công bằng nếu bị truy tố, được toà án và luật pháp bảo vệ và được công nhận là "*Con Người*" để được bình đẳng trước pháp luật.
- 2) **Nhân quyền bậc 2** gồm có những quyền dân sự, kinh tế, xã hội và văn hoá giáo dục mệnh danh là Quyền An cư Lạc nghiệp.
 - a) Quyền An cư (quyền dân sự) gồm có quyền tự do cư trú và đi lại, tự do xuất ngoại và hội hương, quyền riêng tư cho bản thân, gia đình, nhà cửa, thư tín, quyền tị nạn, quyền có quốc tịch, quyền kết hôn và lập gia đình và quyền sở hữu.
 - b) Quyền Lạc nghiệp (quyền kinh tế, xã hội và văn hoá giáo dục) gồm có quyền làm việc, quyền thành lập nghiệp đoàn và đình công, quyền an sinh xã hội, quyền bảo vệ gia đình, quyền có đời sống khả quan cho bản thân và gia đình, quyền y tế, được hưởng giáo dục, được tham gia vào đời sống văn hoá.
- 3) **Nhân quyền bậc 3** gồm có những quyền tự do tinh thần và tự do chính trị mệnh danh là Quyền Tự do Dân chủ, như tự do lương tâm và tự do tôn giáo, tự do tư tưởng và tự do phát biểu quan điểm (tự do ra báo), tự do hội họp và lập hội (căm độc đảng), và quyền bình đẳng tham gia chính quyền (căm độc quyền lãnh đạo).

NHÂN QUYỀN BẬC 1: QUYỀN TỰ DO THÂN THỂ

Một số quyền tự do thân thể được coi là bất khả xâm phạm, không thể bị tước đoạt hay đình chỉ thi hành dầu có chiến tranh hay khẩn trương công cộng, như quyền sống, quyền tự do không bị nô lệ hay nô dịch, không bị tra tấn hành hạ, không bị giam giữ vì thiếu nợ, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền không bị kết án do những hành động không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế (trong đó có Luật Quốc tế Nhân quyền).

Công ước Dân sự Chính trị chi tiết hóa những quyền tự do thân thể ghi trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền:

1) Quyền Sống (Right to Life) (điều 3 TNQTNQ và điều 6 CUDSCT).

Là quyền thiết yếu nhất của con người được luật pháp bảo vệ chống lại mọi hành động sát nhân độc đoán. Con người được bảo vệ quyền sống từ khi mới thụ thai.

Chế độ án tử hình được bãi bỏ hay hạn chế tối đa; chống nạn diệt chủng tập thể; không được tuyên án tử hình đối với các thiếu nhi dưới 18 tuổi và các phụ nữ mang thai. Các bị cáo bị tuyên án tử hình có quyền xin ân xá, ân giảm hay hoán cải hình phạt. Các quốc gia đã bãi bỏ án tử hình không được tái lập chế độ này.

2) Quyền không bị Tra tấn (Freedom from Torture) (điều 5 TNQTNQ và điều 7 CUDSCT).

Quyền này áp dụng cho mọi người, không bị tra tấn về thân thể, không bị hành hạ về tinh thần và tâm trí khi bị bắt giữ. Không bị những hình phạt tàn ác, vô nhân đạo làm tổn thương nhân phẩm khi bị kết án và giam giữ. Hình phạt chỉ được áp dụng cho kẻ phạm tội, không liên lụy đến gia đình. Các bị cáo chờ tòa xử phải được đối xử như những người chưa can án. Hình phạt tước đoạt tự do (phạt tù) phải nhằm mục đích cải hóa để tù nhân có thể trở về cuộc sống bình thường sau khi được trả tự do.

3) Quyền không bị làm Nô lệ (Freedom from Slavery) (điều 4 TNQTNQ, điều 8 CUDSCT)

Không ai có thể bị bắt làm nô lệ hay nô dịch. Cấm tổ chức buôn bán phụ nữ và gái vị thành niên. Không ai bị lạm công việc khổ sai nếu không có án tòa hợp lệ. Trong mọi trường hợp, công việc khổ sai không được làm tổn thương đến phẩm giá và phương hại đến khả năng thể chất hay tinh thần của tù nhân. Các tù nhân chính trị hay tù nhân lương tâm phải được đối xử nhân đạo, chăm sóc sức khỏe, không bị kết án tù khổ sai. Các hội bảo vệ nhân quyền quốc tế như Hội Ân xá Quốc tế, Hội Quan sát Á châu, UB Luật gia Quốc tế, Hội Nhân quyền Quốc tế v.v... là những tổ chức phi chính phủ đứng ra đấu tranh đòi phóng thích các tù nhân lương tâm bị giam giữ chỉ vì họ có lập trường hay tư tưởng chống lại chính sách của nhà cầm quyền.

4) Quyền Tự do Nhân thân (Right to Personal Liberty) (điều 9 TNQTNQ và điều 11, 14 khoản 6 CUDSCT)

Ai cũng có quyền tự do nhân thân và an toàn thân thể. Không ai có thể bị bắt giữ và giam cầm độc đoán. Khi bị bắt giữ để điều tra, bị cáo được quyền thông báo lý do hay tội trạng bị trách cứ. Bị cáo phải được dẫn giải không chậm trễ tới tòa án để xét xử theo luật trong một thời gian hợp lý, hay để được tòa án phóng thích vô điều kiện, hay được tại ngoại có thể chận. Những ai bị giam giữ đều có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền xét xử, để yêu cầu tòa trả tự do nếu sự bắt giữ được xét là bất hợp pháp. Các nạn nhân trong những vụ bắt giữ và giam cầm trái phép có quyền được chính phủ bồi thường thiệt hại. (điều 14 khoản 6 CUDSCT). Không ai có thể bị cấu thúc thân thể vì thiếu nợ (điều 11 CUDSCT)

5) Quyền được xét xử công bằng (Right to a Fair Trial) (điều 10, 11 TNQTNQ và điều 14 CUDSCT)

Mọi người đều được bình đẳng trước toà án, được quyền có một toà án độc lập, vô tư có thẩm quyền xét xử một cách công bằng và công khai để phán định về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hoặc về những tội trạng mà mình bị trách cứ về mặt hình sự. Bị cáo về các tội hình sự có quyền được suy đoán là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội theo luật. (điều 11 TNQTNQ, điều 14 khoản 2 CUDSCT)

Trong vụ tranh tụng, mọi người đều được hưởng những bảo đảm sau đây về quyền biện hộ:

- a) Được quyền có thông dịch viên miễn phí do toà án cung cấp nếu bị cáo không hiểu tiếng và danh từ của toà án.
- b) Quyền được thông báo tội trạng với đầy đủ chi tiết trước khi toà mở cuộc điều tra và thẩm vấn.
- c) Quyền có đủ thời gian và phương tiện để chuẩn bị sự biện hộ trước toà.
- d) Quyền tự biện hộ hay nhờ luật sư do mình lựa chọn để biện hộ cho mình và được quyền tự do tiếp xúc với luật sư.
- e) Quyền được có luật sư biện hộ là một quyền bất khả chuyển nhượng, luật sư được chỉ định miễn phí trong trường hợp bị can không tự biện hộ và không có khả năng mướn luật sư.
- f) Quyền đối chất với nhân chứng trước toà, được đòi nhân chứng ra hầu toà kể cả các chuyên viên để làm sáng tỏ các sự kiện hồ sơ.
- g) Quyền giữ im lặng không phải khai để khởi tố buộc tội mình, quyền không bị cưỡng bách nhận tội. Sự nhận tội chỉ có giá trị nếu không bị cưỡng bách hay hăm dọa.
- h) Quyền được chống án lên toà trên nếu bị xác nhận tội trạng; khi được toà tuyên phán là vô tội phải được phóng thích ngay và không thể bị truy tố lần thứ hai cũng về tội này.
- i) Cuộc thẩm vấn và tranh luận trước toà phải diễn ra công khai với sự tham dự của báo chí và công chúng.

6) Quyền được Toà án bảo vệ (Right to Judicial Protection) (điều 8 TNQTNQ và điều 2 khoản 3 CUDSCT)

Để chống lại các hành vi độc đoán trái phép của các nhân viên công quyền làm thiệt hại quyền lợi hay vi phạm nhân quyền, mọi người đều có quyền khiếu tố trước toà án để đòi những biện pháp đền bù hữu hiệu (effective remedy), như hủy bỏ một quyết định hành chánh, tuyên bố một đạo luật vi hiến, truyền phóng thích bị cáo vì bị giam giữ trái phép, hay buộc chính phủ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân v.v...

Các quốc gia kết ước cam kết sẽ tổ chức hệ thống tư pháp hữu hiệu để có thể cung cấp cho mọi người quyền khiếu tố trước toà án có thẩm quyền hầu bênh vực các quyền tự do của con người được luật pháp Quốc tế Nhân quyền bảo vệ. Những biện pháp bồi thường thiệt hại do toà tuyên án phải được thực sự thi hành.

7) Quyền được Luật pháp bảo vệ (Right to Legal Protection) (điều 11 khoản 2 TNQTNQ và điều 15 CUDSCT)

Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những hành động không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế, luật pháp quốc tế được hiểu là những nguyên tắc tổng quát của hình luật được công nhận bởi cộng đồng các quốc gia (văn minh)

Không ai phải chịu hình phạt nặng hơn hình phạt dự liệu bởi luật áp dụng trong thời gian phạm pháp. Tuy nhiên bị cáo có thể được hưởng hình phạt nhẹ hơn chiếu theo các điều khoản của luật mới ban hành.

8) Quyền được coi là Con người có Tư cách Pháp nhân trước Pháp luật và được bình đẳng trước Pháp luật (Right to Juridical Personality and Right to Equal Protection) (điều 6, 7 TNQTNQ, điều 16, 26 CUDSCT)

Nhân quyền quan trọng hơn hết là quyền được công nhận tại bất cứ ở đâu, là một con người có tư cách pháp nhân trước pháp luật và được pháp luật đối xử bình đẳng (dẫu là công dân hay không công dân, dẫu có chính kiến khác biệt với chính sách của nhà cầm quyền v.v...)

NHÂN QUYỀN BẬC 2: QUYỀN AN CƯ VÀ LẠC NGHIỆP

Quyền an cư và lạc nghiệp bao gồm hai loại nhân quyền:

Quyền An cư : Gồm những quyền dân sự cho phép con người được sinh sống yên ổn trong xã hội. **Quyền lạc nghiệp** : Gồm những quyền kinh tế xã hội và văn hoá giáo dục cho phép con người sinh hoạt và phát triển để mưu cầu hạnh phúc cho bản thân và gia đình.

Những quyền dân sự gồm có quyền được có đời sống riêng tư, quyền tự do đi lại và cư trú, quyền tị nạn, quyền có quốc tịch và thay đổi quốc tịch, quyền kết hôn lập gia đình, và quyền sở hữu.

Những quyền kinh tế xã hội gồm có quyền làm việc, quyền tự do nghiệp đoàn và quyền đình công, quyền an sinh xã hội, quyền bảo vệ gia đình, quyền có mức sống khả quan, quyền y tế vệ thân thể và tinh thần v.v...

Những quyền văn hoá giáo dục gồm có quyền được hưởng giáo dục, quyền được sinh hoạt văn hoá, quyền được bảo vệ tác quyền v.v...

Đối với các **cộng đồng thiểu số** về chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ, Luật Quốc tế Nhân quyền bảo đảm cho họ quyền được hưởng văn hoá cổ truyền, được truyền giáo và hành đạo và được sử dụng tiếng nói riêng của họ (điều 27 CUDSCT)

I- QUYỀN AN CƯ:

9) Quyền Riêng tư (Right to Privacy) (điều 12 TNQTNQ và điều 17 CUDSCT)

Không ai có thể bị xâm phạm trái phép vào đời tư, gia đình, nhà ở hay thư tín, hoặc bị xúc phạm đến danh dự và phẩm giá. Luật pháp bảo vệ con người chống lại những xâm phạm nói trên.

Từ thế kỷ 13, khi Đại Hiến chương Magna Carta được ban hành, người Anh thường nói: "*Căn nhà của chúng tôi có thể đột nát, mưa gió có thể lọt vào, nhưng vua chúa và cộng an cảnh sát thì không được vào!*" Tại Việt Nam ngày nay, những biện pháp quản chế hành chính (administrative internment) cho phép công an xâm phạm đến danh dự, phẩm giá, đời tư, nhà ở, thư tín của công dân đã hiển nhiên vi phạm nhân quyền, vì nạn nhân không phạm tội gì, không bị truy tố ra toà và vẫn được suy đoán là vô tội.

10) Quyền Tự do Đi lại và Cư trú (Freedom of Movement and Residence) (điều 13 TNQTNQ và điều 12 CUDSCT)

Ngoài quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong nước, người dân còn được quyền xuất ngoại và hồi hương. Tháng 8-1997, Liên Hiệp Quốc công bố bản phúc trình lên án Bắc Hàn vi phạm quyền Tự do Đi lại và Tự do Cư trú vì đã cấm người dân ra khỏi nước và cũng không cho phép người dân từ ngoại quốc trở về Bắc Hàn. Phần chí, Bắc Hàn rút ra khỏi Công ước Dân sự và Chính trị Liên Hiệp Quốc (và mặc nhiên rút khỏi cộng đồng các quốc gia văn minh)

Cũng như các nhân quyền khác, quyền tự do đi lại và cư trú chỉ có thể bị hạn chế theo luật, mục đích để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý hay quyền tự do của người khác (điều 29 khoản 2 TNQTNQ và điều 12 khoản 3 CUDSCT). Trên thực tế, tại các quốc gia không theo chế độ tam quyền phân lập, các cơ quan tư pháp và lập pháp thường lệ thuộc vào chính phủ; những hạn chế nhân quyền chỉ là những vi phạm nhân quyền khéo che đậy và được diễn ra thường hằng tại các quốc gia chuyên chế và ấu trĩ.

11) Quyền Tị nạn (Right to Asylum) (điều 14 TNQTNQ)

Trong trường hợp bị chính quyền ngược đãi, đàn áp hay bị đe dọa truy tố vì những hành vi chính trị, người dân có quyền tìm kiếm và hưởng quyền tị nạn tại các nước khác. Những ai bị đàn áp vì lý do chủng tộc hay tôn giáo cũng có thể được hưởng quyền này. Các Công ước Nhân quyền Liên Hiệp Quốc không đề cập đến quyền tị nạn (do áp lực và thỏa hiệp với các nước CS Âu Châu). Tuy nhiên nhiều quốc gia đã ký kết những Công ước Quốc tế khác trong đó quyền tị nạn vẫn được thừa nhận. Và lại nếu đã có Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc thì cũng phải có quyền tị nạn. Tại Âu Châu, các chính phủ có quyền hạn chế các hoạt động chính trị của dân tị nạn. Trong mọi trường hợp, các thường trú

nhân hợp pháp không thể bị trục xuất về nguyên quán nơi mà mạng sống và tự do của họ bị đe dọa vì lý do chính kiến, sắc tộc, tôn giáo hay thành phần xã hội (điều 13 CUDSCT). Mọi quyết định trục xuất tập thể một số ngoại kiều đều bị cấm đoán.

12) Quyền có Quốc tịch (Right to Nationality) (điều 15 TNQ TNQ)

Chiếu công pháp quốc tế, ai cũng có quyền có quốc tịch tại nơi sinh quán của mình.

Ngoài ra nếu cha mẹ có quốc tịch ngoại quốc, các con cũng được quyền mang quốc tịch của cha mẹ. Không ai có thể bị tước quốc tịch nguyên thủy tại nơi sinh quán. Nếu sinh sống tại ngoại quốc và hội đủ điều kiện, các thường trú nhân có quyền thay đổi quốc tịch (quốc tịch là một khái niệm hành chính, không có ý nghĩa như tổ quốc).

Các Công ước Quốc tế Nhân quyền Liên Hiệp Quốc không đề cập đến quyền có quốc tịch của con người (do áp lực của các nước Cộng sản Âu châu). Đây là một "*ngịch lý*" (juridical anomaly) xuất phát từ những thỏa hiệp chính trị nhất thời (thêm một thí dụ về nghịch lý: chim không biết bay!). Đã đến lúc nhân loại văn minh tu chính lại nghịch lý này trong các công ước nhân quyền.

13) Quyền Kết hôn và Lập Gia đình (Right of the Family) (điều 16 TNQTNQ và điều 23, 24 CUDSCT)

Các thanh niên nam nữ đến tuổi thành hôn đều có quyền kết hôn và lập gia đình do sự thuận tình của đôi bên. Nam nữ được bình đẳng về hôn nhân khi kết hôn cũng như khi ly hôn.

Gia đình được công nhận là đơn vị tự nhiên và căn bản của xã hội và phải được xã hội và quốc gia bảo vệ. Điều 24 CUDSCT quy định quyền bình đẳng của các con (không phân biệt chính thức hay ngoại hôn), được quyền có quốc tịch và mang tên họ của cha/mẹ.

14) Quyền Sở hữu (Right to Property) (điều 17 TNQTNQ)

Cũng như quyền tị nạn, quyền có quốc tịch và sở hữu không được ghi trong các Công ước Quốc tế Nhân quyền Liên Hiệp Quốc. Đây cũng là một "*ngịch lý*" cần phải tu chính.

Quyền sở hữu có lẽ là quyền tự nhiên mạnh nhất của con người (trẻ em cầm đồ chơi trong tay, nếu ai giật đi, nó sẽ phản kháng bằng những vũ khí mạnh nhất của nó: lệ hết và nước mắt). Có sở hữu mới có động cơ cố gắng làm việc tạo nên tiên bộ và phát triển. Về mặt lý thuyết, quyền sở hữu là sự phản chiếu của quyền tự do từ bình diện tinh thần xuống bình diện kinh tế xã hội. Quyền sở hữu không phải là sự đánh cắp như Mác có tình hiểu lầm. Sự truất hữu tập sản hoá mới chính là sự đánh cắp! Nó đã làm cho một nửa nhân loại lâm vào cảnh điêu linh đói khổ trong suốt nửa thế kỷ vừa qua.

Quyền sở hữu có tính cách **vật chất** (kinh tế) như nhà cửa, xe cộ, đồ đạc, quần áo, tiền bạc (tiêu thụ) hay tiền vốn (đầu tư buôn bán). Nó cũng có tính cách **tinh thần** (kỹ thuật hay văn hoá) như nghề chuyên môn, công trình phát minh khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật, vốn trí thức (viết văn, dạy học) v.v... (intellectual, literary and artistic property).

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền viết: "*Ai cũng có quyền sở hữu, hoặc riêng rẽ hoặc chung nhau (hùn vốn lập hội). Không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách độc đoán.*"

Từ 1789 các nhà Cách mạng Dân quyền Pháp đã nhận định trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền như sau: "*Quyền có tài sản là một quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Nó không thể bị nhà cầm quyền truất hữu dù có lý do lợi ích công cộng, nếu không có sự bồi thường thỏa đáng từ trước khi truất hữu.*"

Các Công ước Mỹ châu, Âu châu và Phi châu cũng quy định quyền được hưởng dụng tài sản (sau khi đóng thuế cho quốc gia). Sự cho vay lãi nặng và chế độ "*người bóc lột người*" phải bị cấm chỉ theo luật.

Quốc gia phải tạo cơ hội cho mỗi người dân có một căn nhà để cư ngụ, có sở ruộng hay nghề chuyên môn để sinh sống hay có một số vốn để buôn bán hay đầu tư. Quyền sở hữu như vậy có cả tác dụng an cư và lạc nghiệp.

II - QUYỀN LẠC NGHIỆP:

Tiếp theo những Quyền An cư (quyền dân sự) là những Quyền Lạc nghiệp (quyền kinh tế xã hội và văn hoá giáo dục). Những quyền này được ghi chép trong TNQTNQ và được phát triển bởi Công ước Liên Hiệp Quốc về những quyền Kinh tế Xã hội và Văn hoá (CUKTXHVVH).

15) Quyền Làm việc (Right to Work) (điều 23, 24 TNQTNQ và điều 6, 7 CUKTXHVVH).

Ai cũng có quyền làm việc, được tự do lựa chọn việc làm để bảo đảm kinh tế cho mình và gia đình mình. Các quốc gia hội viên sẽ từng bước hoạch định các chương trình công tác, kỹ thuật, hướng nghiệp và huấn nghệ để đạt tới sự toàn dụng nhân công chống nạn thất nghiệp, trong điều kiện những quyền tự do chính trị và kinh tế căn bản của cá nhân được tôn trọng.

Các quốc gia hội viên, do sự san định luật pháp, sẽ tạo những điều kiện lao động thuận lợi để làm việc như sau:

- a) Trả lương tương xứng và công bằng không phân biệt đối xử (nam nữ) đủ để bảo đảm cho đương sự và gia đình một đời sống xứng đáng với nhân phẩm, và nếu không đủ, sẽ bổ sung bằng những biện pháp bảo trợ xã hội khác.
- b) Tạo những điều kiện làm việc an toàn để bảo vệ sức khỏe và tránh tai nạn lao động.
- c) Tạo cơ hội thăng tiến đồng đều căn cứ vào thâm niên (kinh nghiệm) và khả năng chuyên môn.
- d) Quy định quyền nghỉ ngơi và giải trí, ấn định hợp lý số giờ làm việc trong tuần (căn cứ vào năng suất và sức khỏe), kê cả thời gian nghỉ định kỳ thường niên có trả lương và các ngày nghỉ lễ có trả lương.

16) Quyền Tự do Nghiệp đoàn và quyền Đình công (Right to Trade Union and Right to Strike) (điều 23 khoản 4 TNQTNQ và điều 8 CUKTXHVVH).

Ai cũng có quyền thành lập nghiệp đoàn hay gia nhập nghiệp đoàn để bảo vệ và gia tăng quyền lợi nghề nghiệp của mình (Hiệp ước Lao động Quốc tế năm 1948).

Quyền đình công được công nhận theo luật. Sự hành xử các quyền nói trên có thể bị đình chỉ đối với các giới quân nhân, công chức và cảnh sát.

17) Quyền An sinh Xã hội (Right to Social Security) (điều 22 TNQTNQ và điều 9 CUKTXHVVH)

Là một thành viên của xã hội, ai cũng được quyền hưởng an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội. Chế độ này bảo đảm đời sống của người dân khi bị thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, hậu sản, già yếu, hay thiếu phương kế sinh nhai do những hoàn cảnh ngoài ý muốn (tai nạn, thiên tai v.v...). Chế độ an sinh xã hội được thiết lập từng bước tùy theo khả năng kinh tế tài chánh của quốc gia, thông qua những cố gắng quốc gia và hợp tác quốc tế phù hợp với sự tô chức và tài nguyên của mỗi nước.

18) Quyền Bảo vệ Gia đình (Protection of the Family) (điều 25 khoản 2 TNQTNQ và điều 10 CUKTXHVVH)

Như đã trình bày ở trên, gia đình là một đơn vị tự nhiên và căn bản trong xã hội nên phải được xã hội và quốc gia bảo vệ. Gia đình góp phần quyết định vào việc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ em.

Quốc gia đặc biệt nâng đỡ các sản phụ và thiếu nhi. Phụ nữ đi làm được phép nghỉ có trả lương một thời gian trước và sau khi sanh. Các thiếu nhi không được làm các công việc nguy hiểm hay phương hại đến sức khỏe, đạo lý, hay sự phát triển bình thường của tuổi trẻ. Vi phạm các điều này sẽ bị truy tố về tội hình sự. Quốc gia phải ấn định tuổi tối thiểu cho các thiếu nhi tham gia lao động (như trong các ngành hỏa xa, quân lực v.v...).

19) Quyền có Mức sống khả quan (Right to an Adequate Standard of Living) (điều 25 TNQTNQ và điều 11 CUKTXHVVH).

Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan cho bản thân và gia đình, nhất là vệ thức ăn, quần áo, nhà ở. Mức sống này sẽ được nâng cao liên tục thông qua các cố gắng quốc gia và hợp tác quốc tế cũng như các tiện bộ và phát minh về khoa học kỹ thuật trong việc sản xuất, tồn trữ và phân phối thực phẩm, sự phổ biến các kiến thức về định dưỡng, phát triển và canh tân nông nghiệp v.v... Trên phạm vi vĩ mô, thế giới phải tiến tới

sự phân phối công bằng và hợp lý các thực phẩm giữa các quốc gia sản xuất nông phẩm và các quốc gia nhập cảng (Tổ chức Lương nông Quốc tế đã được thành lập). Năm 1974 Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc khuyến cáo các quốc gia hội viên tiên tới việc thành lập một "trật tự kinh tế thế giới mới" (new international economic order) để làm giảm bớt những bất công và bất bình đẳng giữa các quốc gia tiên tiến (Âu Mỹ) và các quốc gia đang phát triển (Á Phi). Năm 1977 Đại Hội đồng lại khẳng định rằng: "*Một trật tự kinh tế thế giới mới là yếu tố thiết yếu để tuyên dương hữu hiệu nhân quyền và các quyền tự do căn bản của con người*".

20) Quyền Y tế (Right to Health) (điều 25 TNQTNQ và điều 12 CUKTXHVVH).

Sức khỏe phải được hiểu là sức khỏe thân thể và sức khỏe tâm thần. Nhiều quốc gia Âu Mỹ đã tiên tới chế độ y tế miễn phí. Tổ chức Y tế Quốc tế được thành lập để thúc đẩy sự thực thi quyền y tế. Trong phạm vi này, các quốc gia phải từng bước hoạch định những chương trình chăm sóc sản phụ và hài nhi, giảm bớt tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và bảo vệ sức khỏe cho hài nhi, phải cải thiện môi trường sinh sống nhất là trong các khu vực kỹ nghệ và đông dân cư, phải ngăn ngừa và bài trừ các bệnh dịch tễ, truyền nhiễm, phải cung cấp thuốc men và chăm sóc các bệnh nhân v.v...

Như bà Eleanor Roosevelt, chủ tịch Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc đầu tiên đã nhận định; "*Trên thực chất, những quyền tự do trên toàn cầu chỉ có ý nghĩa nếu những quyền thiết yếu của con người được tôn trọng tại những nơi nhỏ bé ngay gần nhà, trong khu phố hay thôn xóm nơi họ cư ngụ, trong trường học, xưởng thợ, đồng ruộng hay văn phòng. Tại những nơi này, đàn ông, đàn bà và trẻ em đứng lên đòi Bình đẳng, Công lý và Phẩm giá ngang nhau, không phân biệt kỳ thị. Nếu những quyền này không có giá trị thực sự tại những nơi này, thì chúng cũng chẳng có giá trị gì ở bất cứ nơi nào khác. Nếu các cộng đồng không đòi để các quyền này được tôn trọng ngay gần nhà họ, thì không thể có tiến bộ nhân quyền trên thế giới*".

21) Quyền Giáo dục (Right to Education) (điều 26 TNQTNQ và điều 13, 14 CUKTXHVVH).

Ai cũng có quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản, cho phép con người tham gia sinh hoạt trong một xã hội tự do, đề cao tình thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc hay tôn giáo, đồng thời yểm trợ các nỗ lực của Liên Hiệp Quốc trong việc duy trì hoà bình thế giới.

Giáo dục sơ đẳng có tính cách cưỡng bách và miễn phí. Các quốc gia phải lập các chương trình hành động trong vòng 2 năm kể từ ngày Công ước có hiệu lực để, trong một thời gian hợp lý, kiện toàn chương trình giáo dục sơ đẳng cưỡng bách và miễn phí.

Giáo dục trung đẳng kể cả các ngành phổ thông, kỹ thuật và huấn nghệ phải được phổ cập và tiến dần đến miễn phí.

Giáo dục cao đẳng được phổ cập bình đẳng cho mọi sinh viên, chỉ căn cứ vào khả năng làm tiêu chuẩn nhập học, và cũng phải tiến dần đến miễn phí.

Giáo dục tráng niên được khuyến khích và phổ cập cho những người chưa tốt nghiệp tiểu học.

Hệ thống giáo dục các cấp phải được tích cực phát triển, đồng thời cải thiện các điều kiện giảng huấn và đãi ngộ các nhân viên giảng huấn.

Cha mẹ được quyền tự do lựa chọn giáo dục cho các con kể cả về đạo lý và tín ngưỡng.

22) Quyền Văn hoá (Right to Culture) (điều 27 TNQTNQ và điều 15 CUKTXHVVH).

Các quốc gia hội viên và kết ước công nhận cho mỗi người:

- a) Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá.
- b) Quyền được hưởng những lợi ích của những tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- c) Các tác giả được bảo vệ những quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ những công trình phát minh hay sáng tạo về khoa học hay văn học nghệ thuật của họ.

Các quốc gia phải định chế hoá sự bảo vệ tác quyền và phải góp phần vào việc bảo tồn, phát triển và phổ biến các công trình văn hoá và các tiến bộ khoa học.

Các quốc gia cam kết tôn trọng quyền tự do nghiên cứu khoa học và sáng tạo văn học nghệ thuật.

Sự kết ước và hợp tác quốc tế trong phạm vi khoa học và văn hoá sẽ đem lại lợi ích chung cho mọi quốc gia dân tộc.

NHÂN QUYỀN BẠC 3: QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ

(Những quyền Tự do Tinh thần và Tự do Chính trị)

Năm 1948 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền được 48 quốc gia chấp thuận. Năm 1966 hai Công ước Quốc tế Nhân quyền đã được hơn 100 quốc gia ký kết để 10 năm sau có hiệu lực chấp hành. Công ước Kinh tế, Xã hội Văn hóa dành 10 điều cho các quyền kinh tế xã hội và văn hoá giáo dục. Công ước Dân sự Chính trị chỉ dành 5 điều cho các quyền tự do tinh thần và tự do chính trị, như tự do tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do phát biểu quan điểm, tự do hội họp và lập hội và quyền tham gia chính quyền. Tuy nhiên đây là những quyền tối quan trọng như tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo là những quyền không thể bị thâm hội hay đình chỉ dẫu trong trường hợp quốc gia ban hành tình trạng chiến tranh hay khẩn trương. Các tù nhân chính trị và tù nhân lương tâm là những nạn nhân của các chính quyền độc đoán đã vi phạm những quyền tự do chính trị và tự do tinh thần ghi trong Công ước Quốc tế cũng như trong Hiến pháp và luật pháp quốc gia. Nhưng dẫu vi phạm, họ vẫn chôn cái. Họ còn không thừa nhận có tù nhân chính trị. Họ giải thích rằng các tù nhân này đã được toà án thường tụng xét xử nên đã trở thành tù thường phạm. Chủ trương như vậy, họ đã phủ nhận tư cách tù nhân chính trị của các nhà tiên bối của họ bị bắt giam về các tội phản nghịch hay phá rối trị an. Họ đã lâm lẩn thủ tục với tội danh.

23) Tự do Lương tâm và Tự do Tôn giáo (Freedom of Conscience and Religion) (điều 18 TNQTNQ và điều 18 CUDSCT).

Quyền tự do tôn giáo bao gồm quyền thờ phượng, quyền truyền giáo, và hành đạo cũng như quyền thay đổi tôn giáo. Thờ phượng và truyền bá tín ngưỡng có thể diễn ra tại các nơi công cộng hay tại nhà riêng, có tính cách tập thể hay riêng tư. Cũng như các quyền tự do khác như tự do phát biểu quan điểm, tự do hội họp và lập hội, tự do đi lại, tự do xuất ngoại v.v... việc hành xử quyền tự do tôn giáo chỉ có thể bị giới hạn theo luật để bảo vệ các quyền và tự do của người khác, đáp ứng nhu cầu chính đáng về đạo lý, trật tự công cộng, an ninh quốc gia, sức khỏe công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ. (Điều 29 TNQTNQ và điều 12, 18, 19, 21, và 22 CUDSCT).

Như đã quy định ở điều 13 CUKTXHVVH về quyền tự do giáo dục, cha mẹ và phu huynh được lựa chọn trường học được lựa chọn trường học cho con em, kể cả việc giáo dục về tôn giáo và đạo lý theo tín ngưỡng của gia đình.

24) Tự do Tư tưởng và Phát biểu Quan điểm (Freedom of Thought and Expression) (điều 18, 19 TNQTNQ và 19 CUDSCT).

Ai cũng có quyền tự do tư tưởng và phát biểu ý kiến của mình, được quyền tự do giữ vững quan điểm mà không bị người khác can thiệp. Ai cũng có quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tin tức và ý kiến về mọi vấn đề, bằng mọi phương tiện truyền thông không phân biệt biên giới quốc gia. Tuy nhiên quyền tự do phổ biến tin tức và phát biểu quan điểm cũng bị hạn chế theo luật như quyền truyền bá tôn giáo và hành đạo.

Như Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp đã quy định từ cuối thế kỷ 18, "*quyền tự do phát biểu quan điểm là một quyền cao quý nhất của con người. Công dân có quyền nói, viết và in ấn tự do và chỉ chịu trách nhiệm khi có sự lạm dụng tự do trong những trường hợp luật định.*" Nghĩa là ai cũng có quyền phát biểu tin tức, ý kiến, lập trường bằng tài liệu mà không phải kiểm duyệt trước (prior censorship). Nghĩa là công dân được quyền tự do ra báo, in sách, phát truyền đơn mà không cần phải xin phép xuất bản. Trong trường hợp việc hành xử quyền này vi phạm luật pháp như:

a) Xâm phạm quyền lợi hay danh dự người khác,

b) Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, thuần phong mỹ tục v.v... các cơ quan tư pháp hay nạn nhân có quyền truy tố đương sự ra toà án về mặt hình sự hay dân sự để trả lời về trách nhiệm của họ, (subsequent liability)

Các đạo luật báo chí còn dự liệu cho nạn nhân Quyền Trả lời (Right of Reply), bắt buộc các cơ quan ngôn luận vi phạm quyền lợi và xúc phạm danh dự của nạn nhân phải đăng tải bài trả lời theo những điều kiện tương xứng với bài báo đã phổ biến. Dầu sao quyền trả lời không có hiệu lực miễn trừ cho người phạm luật những hình phạt hay những khoản bồi thường thiệt hại do toà án quyết định. Liên Hiệp Quốc nhận định rằng với trật tự xã hội và trật tự quốc tế mới, đại gia đình nhân loại chỉ có thể được hưởng Tự do, Hòa bình và Công lý nếu các quốc gia và cá nhân biết đối xử với nhau trong tinh huynh đệ, hữu nghị, bình đẳng, ôn hòa, và hợp tác. Do đó các Công ước Quốc tế Nhân quyền cấm lạm dụng quyền tự do phát biểu quan điểm để tuyên truyền cổ võ chiến tranh, kích thích bạo động, gieo rắc thù hận và kỳ thị giữa các quốc gia, các chủng tộc, và các tôn giáo. (Điều 20 CUDS CT)

25) Tự do Hội họp và Lập hội (Right of Assembly and Free-dome of Association) (điều 20 TNQTNQ và điều 21, 22 CUDSCT).

Ai cũng có quyền hội họp một cách hoà bình. Quyền tập hợp ôn hòa không bạo động và không vũ trang được các quốc gia thừa nhận, như tham dự các cuộc biểu tình, tuần hành để bày tỏ quan điểm và nguyện vọng, hay để phản kháng những vi phạm về quyền con người và quyền công dân. Quyền tập hợp vì lý do chính trị, văn hoá kinh tế, xã hội cũng được tôn trọng như quyền tập hợp để thờ phượng, truyền giáo và hành đạo. Những giới hạn ghi trên của quyền tự do tôn giáo cũng áp dụng cho việc hành xử quyền tự do chính trị.

Ai cũng có quyền tự do lập hội để cùng theo đuổi những mục tiêu về ý thức hệ, tôn giáo, chính trị (thành lập chính đảng), kinh tế, lao động, (thành lập nghiệp đoàn), xã hội, văn hoá, thể thao v.v...

Quyền lập hội có thể bị hạn chế theo luật đối với các thành phần quân nhân và cảnh sát. Công ước Quốc tế Nhân quyền Liên Hiệp Quốc (1966) và Công ước Nhân quyền Âu châu (1950) còn mở rộng sự hạn chế này đến với giới công chức quốc gia. Công ước Nhân quyền Mỹ Châu (1969) không cấm công chức tham gia đảng phái.

Quyền tự do lập hội lên án chế độ độc đảng. Nó không cho phép một chính đảng nào được độc quyền sinh hoạt trong đời sống chính trị quốc gia.

26) Quyền Tham gia Chính quyền (Right to Participate in Government) (điều 21 TNQTNQ và điều 25 CUDSCT).

Các công dân được hưởng quyền và cơ hội bình đẳng để tham dự vào chính quyền quốc gia, hoặc trực tiếp (bằng cách ứng cử) hay gián tiếp qua trung gian các đại biểu do họ tự do lựa chọn (bằng bầu cử). Những cuộc tuyên cử phải được tổ chức theo từng định kỳ bằng phương thức phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín để quyền tự do lựa chọn của cử tri được tôn trọng. Ý nguyện của quốc dân phải được coi là căn bản của mọi quyền lực quốc gia. Ý nguyện này phải được biểu lộ trung thực qua các cuộc tuyên cử tự do và công bằng.

Những điều kiện ứng cử vào các chức vụ công cử được quy định trong các đạo luật tuyển cử căn cứ vào tuổi, quốc tịch, cư trú, tư pháp lý lịch v.v...

Quyền bình đẳng có cơ hội tham gia công vụ không cho phép một chính đảng nào được độc quyền lãnh đạo quốc gia. Điều 4 Hiến pháp Việt Nam phải được bãi bỏ.

Trong các chế độ độc tài đảng trị, những quyền tự do tinh thần và tự do chính trị thường bị vi phạm thô bạo là những quyền tự do tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do phát biểu quan điểm, tự do hội họp, tự do lập hội và quyền bình đẳng cơ hội tham gia chính quyền. Các nạn nhân bị giam giữ do việc hành xử các quyền tự do tinh thần, tự do chính trị được Hội Ân Xá Quốc Tế vinh danh là tù nhân lương tâm.

Luật sư Nguyễn Hữu Thống

HIẾN CHƯƠNG 77 TUYÊN NGÔN

01-01-1977

Hiến chương 77 - các tác giả ẩn danh đã gọi tài liệu này và phong trào thúc đẩy sự ra đời của nó như thế - là một kiến nghị kêu gọi nhà cầm quyền Cộng sản Tiệp Khắc tôn trọng các Nhân quyền được ghi nhận trong Hiến pháp 1960 và trong các Công ước Quốc tế mà họ đã ký kết. Nó đã được dự thảo trong bí mật cuối năm 1976 và ban đầu được 243 người, đa phần là đối kháng, tại thủ đô Prague (Praha) ký tên vào. Sau đó nó được công bố cho các phóng viên ngoại quốc đầu năm 1977 (01-01). Chỉ trong mấy ngày, Hiến chương 77 đã được dịch ra hầu hết các ngôn ngữ chính trên thế giới và nhận được sự quan tâm khắp hoàn vũ. Nhờ các đại phát thanh phương Tây, Hiến chương cũng đã được phổ biến rộng rãi ở Tiệp Khắc, khiến cho nhiều người ở quốc nội tham gia tiếp. Đến giữa những năm 1980 đã có 1200 người kí vào.

Hiến chương 77 (Charta 77) là phong trào đấu tranh phi hình thức kéo dài từ năm 1977 đến năm 1992 ở Tiệp Khắc. Phong trào này xuất hiện sau khi Tuyên ngôn Hiến chương 77, do Václav Havel, Jan Patočka, Zdeněk Mlynář, Jiří Hájek và Pavel Kohout chủ xướng, được công bố. Sau Cách mạng Nhung năm 1989, nhiều thành viên phong trào trở thành các yếu nhân trong nền chính trị của Czech và Slovak (là hai nước xuất hiện từ việc Tiệp Khắc phân đôi).

Trong Tập san Pháp luật Tiệp Khắc số 120 ra ngày 13-10-1976 có đăng tải bản Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị cũng như bản Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, những văn kiện đã được đại biểu nước Cộng hòa chúng ta ký kết vào năm 1968, khẳng định tại Helsinki năm 1975 và có hiệu lực trên đất nước chúng ta kể từ ngày 23-3-1976. Từ thời điểm này, các công dân chúng ta có quyền và Nhà nước chúng ta có bổn phận hành động theo đúng các văn kiện ấy.

Những nhân quyền và tự do được các công ước ấy bảo đảm, làm nên các giá trị quan trọng của một cuộc sống văn minh mà nhiều phong trào tiến bộ đã nỗ lực đạt cho được suốt dòng lịch sử và việc điển chế hóa chúng có thể đóng góp lớn lao vào sự phát triển một xã hội nhân đạo.

Vì lý do đó, chúng tôi chào mừng việc Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Tiệp Khắc đã tiến tới những đồng thuận này.

Tuy nhiên, việc công bố các công ước đó có thể coi như việc khẩn cấp nhắc nhở rằng các nhân quyền cơ bản tại đất nước chúng ta, tiếc thay, vẫn chỉ có trên giấy đến mức độ nào. Chẳng hạn quyền tự do phát biểu, được khoản 19 của Công ước thứ nhất bảo đảm, vẫn hoàn toàn là ảo tưởng trong trường hợp chúng ta. Hàng chục ngàn công dân chúng ta bị cấm làm việc trong lãnh vực riêng của họ chỉ vì có quan điểm khác với các quan điểm chính thức, và họ bị phân biệt đối xử cũng như bị sách nhiễu đủ cách bởi các nhà chức trách và các tổ chức công cộng. Bị tước đoạt mọi phương tiện tự vệ, họ trở thành nạn nhân của một chính sách phân biệt chủng tộc đích thực.

Hàng trăm ngàn công dân khác bị từ chối quyền "được giải phóng khỏi sợ hãi" đã ghi trong phần mở đầu của Công ước thứ nhất, họ buộc phải sống trong mối nguy thường trực bị thất nghiệp hoặc chịu những hình phạt khác nếu bày tỏ quan điểm riêng của mình. Nghịch với khoản 13 của Công ước thứ hai bảo đảm quyền được giáo dục cho mọi người, vô số thanh niên bị ngăn cản học hành vì quan điểm riêng của họ hoặc thậm chí của cha mẹ họ. Vô số công dân sống trong nỗi sợ rằng quyền được giáo dục của họ hay của con

cái họ có thể bị rút lại nếu có lúc nào đó họ cất tiếng nói phù hợp với những xác tín của mình. Mọi việc thực thi quyền “tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến, không kể biên giới quốc gia, bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật” được chỉ rõ tại khoản 19, đoạn 2 Công ước thứ nhất, thì đều chịu những hình phạt hành chính hoặc ngay cả hình phạt tòa án, thông thường dưới hình thức tội phạm hình sự, như trong vụ xử các nhạc sĩ trẻ gần đây.

Quyền tự do phát biểu công khai bị trấn áp bởi việc tập trung kiểm soát mọi phương tiện truyền thông đại chúng và mọi cơ sở văn hóa lẫn xuất bản. Không một quan điểm triết học, chính trị hay khoa học nào, không một diễn đạt nghệ thuật nào vượt ra khỏi -dù chỉ chút xíu- các giới hạn chật hẹp của ý thức hệ hay quan điểm thẩm mỹ của chính quyền mà lại được phép phổ biến; không một phê bình công khai nào có thể đưa ra về các hiện tượng xã hội bất thường; không một báo chữa công cộng nào có thể thực hiện chống lại những cáo buộc giả trá và lãng nhục do hệ thống tuyên truyền nhà nước đưa ra; sự bảo vệ của luật pháp chống lại những “xúc phạm đến danh dự và thanh danh” mà khoản 17 của Công ước thứ nhất rõ ràng bảo đảm, là điều chẳng có trong thực tế; những cáo trạng giả tạo không thể bị phản đối và mọi nỗ lực để đòi bồi thường hay trừng phạt thông qua các tòa án đều vô hiệu; chẳng một tranh luận công khai nào được phép trong lãnh vực tư tưởng và nghệ thuật. Nhiều học giả, văn nhân, nghệ sĩ và lắm người khác bị trừng phạt vì nhiều năm trước đã phổ biến hay bày tỏ cách hợp pháp những quan điểm bị kết án bởi những kẻ nắm quyền chính trị hôm nay.

Quyền tự do tuyên xưng tôn giáo, được khoản 18 của Công ước thứ nhất rõ ràng bảo đảm, bị hạn chế cách có hệ thống bởi hành động độc đoán của chính quyền; bởi việc sách nhiễu hoạt động của các chức sắc, vốn thường xuyên bị nhà nước dọa không cấp phép hay rút giấy phép thi hành chức vụ; bởi những biện pháp tài chánh hay những biện pháp khác đối với những ai bày tỏ đức tin tôn giáo của mình trong lời nói hay việc làm; bởi những ép buộc đối với việc huấn luyện tôn giáo, vân vân và vân vân...

Một công cụ để hạn chế, hay trong nhiều trường hợp, để loại bỏ hoàn toàn nhiều dân quyền chính là hệ thống trong đó mọi định chế và tổ chức quốc gia -trên thực tế- đều phải theo các chỉ thị chính trị của bộ máy đảng cầm quyền hay theo các quyết định của những cá nhân đầy quyền lực. Hiến pháp của nước Cộng hòa, các bộ luật và các quy tắc pháp lý khác của nó không hề qui định hình thức hay nội dung, việc ban bố hay việc thực thi những quyết định như vậy; chúng thường được đưa ra bằng miệng, công chúng nói chung không biết và chẳng tài nào kiểm tra; những kẻ ra các quyết định này chỉ chịu trách nhiệm với chính họ và với hệ thống tôn ti của họ; thế mà chúng có ảnh hưởng quyết định trên hoạt động của các cơ quan lập pháp và hành pháp nhà nước, của tư pháp, của các công đoàn, các nhóm lợi ích và mọi tổ chức khác, của các chính đảng, các xí nghiệp, các nhà máy, các học viện, các văn phòng, các học đường v.v... những chỉ thị này thậm chí vượt lên trên luật pháp.

Khi các tổ chức hay cá nhân công dân giải thích quyền lợi và nghĩa vụ của mình mà có đụng chạm với những chỉ thị như thế, họ không thể nhờ đến một thẩm quyền bất thiên vị nào, vì một thẩm quyền như vậy không hiện hữu. Dĩ nhiên điều này làm nên một giới hạn nghiêm trọng cho cái quyền xuất phát từ khoản 21 và 22 của Công ước thứ nhất, vốn quy định sự tự do lập hội và nghiêm cấm mọi hạn chế đối với việc thực thi nó, từ khoản 25 về

quyền tham gia cách bình đẳng vào việc điều hành công vụ, và từ khoản 26 vốn quy định sự bảo vệ nhau của luật pháp, không có kỳ thị nào. Tình cảnh hiện nay cũng cấm cản các công nhân và nhiều người khác thực thi quyền thành lập công đoàn và các tổ chức khác nhằm bảo vệ các quyền lợi kinh tế lẫn xã hội của họ và quyền đình công được dự liệu ở đoạn 1, khoản 8, Công ước thứ hai.

Hơn nữa, các quyền công dân khác, kể cả việc rõ ràng ngăn cấm “xâm phạm độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín” (khoản 17, Công ước 1) đều đang bị vô hiệu hóa cách nghiêm trọng bởi nhiều hình thức can thiệp của Bộ Nội vụ vào đời tư các công dân, chẳng hạn bằng cách lắp micro trong điện thoại và nhà cửa, mở thư từ, theo dõi những di chuyển của cá nhân, lục soát nhà, dựng lên các mạng lưới chỉ điểm viên hàng xóm (thường được tuyển mộ bằng đe dọa hay hứa hẹn bất chính). Bộ thường xuyên can thiệp vào các quyết định của chủ thuê, xúi bẩy những hành vi kỳ thị nơi các đương quyền và các tổ chức, gây sức ép lên các cơ quan tư pháp và ngay cả sắp đặt các chiến dịch tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Hoạt động này chẳng bị luật lệ nào chi phối và vì bí mật, nên không cho công dân cơ may tự vệ.

Trong những trường hợp truy tố vì lý do chính trị, cả cơ quan điều tra lẫn xét xử đều vi phạm các quyền của bị cáo lẫn của trạng sư, vốn được bảo đảm bởi khoản 14 của Công ước 1 và quả thực bởi luật pháp Tiệp Khắc. Chế độ nhà tù dành cho những người bị tuyên án trong những trường hợp như thế là một sự sỉ nhục nhân phẩm và đe dọa sức khỏe, nhằm bẻ gãy tinh thần của họ.

Đoạn 2, khoản 12 của Công ước 1 bảo đảm cho mọi công dân quyền rời khỏi nước, bị vi phạm thường xuyên, hoặc phải chịu nhiều điều kiện vô lý, với có "bảo vệ an ninh quốc gia" (đoạn 3). Việc cấp chiếu khán nhập cảnh cho người ngoại quốc cũng được thực thi cách tùy tiện, và nhiều người bị cấm vào Tiệp Khắc chỉ vì có quan hệ nghề nghiệp hay cá nhân với những công dân nước ta đang bị phân biệt đối xử.

Nhiều người trong nhân dân ta --hoặc riêng tư, tại nơi làm việc hoặc qua kênh công cộng duy nhất có được là truyền thông nước ngoài-- đã kêu gọi chú ý đến việc vi phạm các nhân quyền lẫn tự do dân chủ cách có hệ thống và đòi hỏi bồi thường trong những trường hợp đặc biệt. Thế nhưng các yêu cầu của họ chủ yếu vẫn bị lờ đi hay trở thành lý do cho công an điều tra hạch hỏi.

Trách nhiệm duy trì các dân quyền tại đất nước chúng ta dĩ nhiên thuộc về giới chức chính trị và nhà nước trước tiên. Thế nhưng không phải chỉ có họ: mỗi người đều chia sẻ trách nhiệm về tình trạng đang tồn tại rộng khắp và do đó cũng là về việc thực thi những thỏa thuận đã được ký kết lưu giữ cách hợp pháp, mà vốn ràng buộc mọi công dân cũng như mọi chính phủ. Chính ý thức đồng trách nhiệm này, chính niềm tin của chúng tôi vào tầm quan trọng của việc công dân tự nguyện dấn thân và nhu cầu chung phải tìm một cách thức mới mẻ và hữu hiệu để bày tỏ sự dấn thân đó, đã dẫn chúng tôi đến ý tưởng thành lập Hiến chương 77, mà hôm nay chúng tôi công khai loan báo là đã khởi đầu.

Hiến chương 77 là một cộng đồng tự do, thân mật và rộng mở của những con người có xác tín, đức tin và nghề nghiệp khác nhau, hợp nhất lại bởi ý muốn đấu tranh cách cá nhân và tập thể cho sự tôn trọng nhân quyền và dân quyền tại đất nước chúng ta và trên thế giới -- những quyền ban cho mọi người do hai Công ước Quốc tế nói trên, do Tuyên bố chung kết của Hội nghị Helsinki và do nhiều tài liệu quốc tế khác chống chiến tranh,

bạo động, đàn áp xã hội hay tinh thần, những quyền đã được đề ra cách bao quát trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền Liên Hiệp Quốc.

Hiến chương 77 xuất phát từ một nền tảng là tình bằng hữu và liên đới giữa những người cùng chia sẻ mỗi quan tâm của chúng tôi đối với những lý tưởng đã và đang truyền cảm hứng cho cuộc sống và công việc của họ.

Hiến chương 77 không phải là một tổ chức; nó không có điều lệ, bộ máy thường trực hay tư cách hội viên chính thức. Nó bao gồm bất cứ ai tán thành các ý tưởng của nó, tham gia công việc của nó và ủng hộ nó. Nó không làm nên nền tảng cho bất cứ hoạt động chính trị đối lập nào. Như nhiều sáng kiến công dân tương tự ở nhiều nước từ Đông sang Tây, nó tìm cách thúc đẩy quyền lợi chung của quần chúng. Vì thế, nó không nhằm tuyên bố một chương trình riêng để cải cách hay thay đổi chính trị hay xã hội, nhưng bên trong phạm vi hoạt động của mình, nó ước mong khởi động một cuộc đối thoại xây dựng với các giới chức chính trị và nhà nước, đặc biệt bằng cách lôi kéo sự chú ý đến những trường hợp cá nhân khác nhau trong đó nhân quyền và dân quyền bị vi phạm, bằng cách chuẩn bị những tài liệu và gợi ý những giải pháp, bằng cách đưa ra những đề nghị khác có tính chung chung hơn nhằm củng cố lẫn bảo đảm các quyền ấy, và bằng cách hành động như trung gian trong những hoàn cảnh xung đột khác nhau vốn có thể dẫn đến bất công v.v...

Qua tên gọi tượng trưng của mình, Hiến chương 77 muốn nói nó đã bắt đầu tồn tại ở khởi điểm của năm được công bố là Năm các Tù nhân chính trị, cái năm trong đó một hội nghị tại Belgrade sẽ duyệt lại việc thi hành những nghĩa vụ đã đảm nhận tại Helsinki.

Trong tư cách những người ký tên, chúng tôi ủy quyền cho Giáo sư Tiến sĩ Jan Patočka, nhà văn Vaclav Havel và Giáo sư Jiri Hajek được hành động như phát ngôn nhân cho Hiến chương. Các phát ngôn nhân này được toàn quyền đại diện Hiến chương trước nhà nước và các đoàn thể khác, trước công chúng quốc nội và hải ngoại, và chữ ký của họ chứng nhận sự xác thực của những tài liệu do Hiến chương đưa ra. Họ sẽ có chúng tôi, và những ai gia nhập với chúng tôi, như những người cùng làm việc, tham gia vào mọi thương lượng cần thiết, gánh vác những nhiệm vụ đặc biệt và chia sẻ mọi trách nhiệm. Chúng tôi tin rằng Hiến chương 77 sẽ giúp cho mọi công dân Tiệp Khắc được làm việc và sống như những con người tự do.

Prague, ngày 01 tháng 01 năm 1977

Danh sách 243 người ký tên đầu tiên:

1- Milan Balaban, linh mục. 2- Karel Bartosek, sử gia. 3- Jaroslav Basta, công nhân. 4- Rudolf Battek, nhà xã hội học. 5- Jiri Bednar, thợ điện. 6- Otka Bednarova, nhà báo. 7- Antonin Belohoubek, kỹ thuật gia. 8- Jan Beranek, sử gia. 9- Jitka Blollasova, thư ký. 10- Frantisek Blaha, bác sĩ. 11- Jaroslav Boraky, cựu nhân viên Nhà nước. 12- Jiri Brabec, sử gia văn học. 13- Vratialav Brabenec, nhạc sĩ. 14- Eugen Brikcius, làm tư. 15- Toman Brod, sử gia. 16- Ales Brezina, nhân công. 17- Stanilav Budin, nhà báo. 18- Josef Cisarovsky, phê bình nghệ thuật. 19- Karel Cejka, kỹ thuật gia. 20- Otto Cerny, công nhân. 21- Vaclav Cerny, sử gia văn học. 22- Miroslava Cerna-Fillipova, nhà báo. 23- Egon Clerney, đông phương học. 24- Jiri Cutka, khoa học gia. 25- Jiri Danicek, công nhân. 26- Juraj Daubner, nhà ngữ văn. 27- Ivan Dejmal, công nhân. 28- Jiri Dienstbier, nhà báo. 29- Zuzana Dienstbierova, tâm lý

gia. 30- Lubos Dobrovsky, nhà báo. 31- Petr Dobrovsky, kỹ thuật gia. 32- Bohumil Dolezal, phê bình văn học. 33- Jiri Dolezal, sử gia. 34- Irene Dubska, triết gia. 35- Ivan Dubsky, triết gia. 36- Ladislav Dvorak, nhà văn. 37- Michael Dymacek, nhà toán học. 38- Vratislav Effenberger, nhà mỹ học. 39- Anna Farova, sử gia nghệ thuật. 40- Zdenek Fort, nhà báo. 41- Karel Fridrich, kinh tế gia. 42- Jiri Frodi, nhà báo. 43- Jiri Hajek, chính trị gia. 44- Milos Hajek, sử gia. 45- Jiri Hanak, nhà báo. 46- Olaf Hanel, nghệ sĩ đồ họa. 47- Jiri Hanizelka, nhà văn. 48- Vaclav Havel, nhà văn. 49- Zbyneb Hejda, nhà văn. 50- Ladislav Heydanek, triết gia. 51- Jiri Hermach, triết gia. 52- Josef Hirsal, nhà văn. 53- Josef Hodic, sử gia. 54- Miloslava Holubova, sử gia nghệ thuật. 55- Robert Horak, cựu viên chức chính trị. 56- Milan Hosek, cựu nhân viên nhà nước. 57- Jirina Hrabkova, nhà báo. 58- Oldrich Hromadko, cựu đại tá An ninh quốc gia. 59- Maria Hromadkova, cựu viên chức chính trị. 60- Milan Hobl, sử gia. 61- Vaclav Hyndrak, sử gia. 62- Vlasta Chranosrava, diễn viên. 63- Karel Joros, cựu viên chức chính trị. 64- Oldrich Jaros, sử gia. 65- Vera Jarossova, sử gia. 66- Zdenek Jicinsky, luật gia. 67- Otakar Jilek, kinh tế gia. 68- Jaroslav Jira, kỹ thuật gia. 69- Karel Jiracek, cựu nhân viên nhà nước. 70- Frantisek Jiranek, nhà sư phạm. 71- Vera Jirousova, sử gia nghệ thuật. 72- Jaroslav Jiru, sử gia. 73- Mirolav Jodi, nhà xã hội học. 74- Josef John, chính trị gia. 75- Jarmila Johnova, kinh tế gia. 76- Jiri Judi, kỹ thuật gia. 77- Pavel Jaracek, sản xuất phim ảnh. 78- Petr Kabes, nhà văn. 79- Oldrich Kadarka, luật gia kiêm chính trị gia. 80- Miroslav Kadlec, kinh tế gia. 81- Vladimir Kadlec, kinh tế gia kiêm chính trị gia. 82- Erika Kadlecova, nhà xã hội học. 83- Svatopluk Karasek, linh mục. 84- Vladimir Kasik, sử gia. 85- Franticek Kaufman, sử gia văn học. 86- Alexandr Kliment, nhà văn. 87- Bohomir Klipa, sử gia. 88- Jaroslav Klofac, nhà xã hội học. 89- Vladimir Klockocka, luật gia. 90- Alfred Kocab, linh mục. 91- Zina Kocova, sinh viên. 92- Lubos Kohout, khoa học gia chính trị. 93- Pavel Kohout, nhà văn. 94- Jiri Kolar, nhà văn kiêm nghệ sĩ đồ họa. 95- Bozena Komarkova, nhà sư phạm. 96- Vavrinec Korcis, nhà xã hội học. 97- Vaclav K. Komeda, sử gia. 98- Jiri Korimek, kinh tế gia. 99- Karel Kostroun, phê bình văn học. 100- Anna Koutna, công nhân. 101- Miloslav Kral, khoa học gia. 102- Frantisek Kriegel, chính trị gia kiêm bác sĩ. 103- Andrej Krob, công nhân. 104- Jan Kren, sử gia. 105- Marta Kubisova, ca sĩ. 106- Karel Kynci, nhà báo. 107- Michai Lakatos, luật gia. 108- Pavel Landovsky, diễn viên. 109- Jiri Lederer, nhà báo. 110- Jan Lestinsky, kỹ thuật gia. 111- Ladislav Lis, cựu viên chức chính trị. 112- Oldrich Lisks, cựu nhân viên nhà nước. 113- Jaromir Litera, cựu viên chức chính trị. 114- Jan Loparka, phê bình văn học. 115- Emil Ludvik, sáng tác âm nhạc. 116- Klement Lukes. 117- Sergej Machonin, phê bình kịch nghệ và dịch thuật. 118- Milan Machovec, triết gia. 119- Anna Marvanova, nhà báo. 120- Ivan Medek, quảng cáo âm nhạc. 121- Hana Mejdrova, sử gia. 122- Evzen Menert, triết gia. 123- Jaroslav Meznik, sử gia. 124- Jan Mlynarik, sử gia. 125- Zdenek Mlynar, luật gia kiêm chính trị gia. 126- Kamila Mouckova, cựu diễn giả truyền hình. 127- Jiri Mrazek, thợ đốt lò. 128- Pavel Murasko, nhà ngữ văn. 129- Jiri Mueller. 130- Jan Nedved, nhà báo. 131- Dana Nemcova, tâm lý gia. 132- Jiri Nemecek, tâm lý gia. 133- Vladimir Nepras, nhà báo. 134- Jana Neumannova, sử gia. 135- Vaclav Novak, cựu nhân viên nhà nước. 136- Jaroslav Opat, sử gia. 137- Milan Otahal, sử gia. 138- Ludvik Pacovsky, nhà báo. 139- Jiri Pallas, kỹ thuật gia. 140- Martin Palous, điều hành máy vi

tính. 141- Radim Palous, nhà sư phạm. 142- Jan Patočka, triết gia. 143- Jan Patočka, công nhân. 144- Frantisek Pavlicek, nhà văn. 145- Karel Pecka, nhà văn. 146- Jan Petranek, nhà báo. 147- Tomas Pekny, nhà báo. 148- Karel Pichlik, sử gia. 149- Petr Pithart, luật gia. 150- Zdenek Pokorny, kỹ thuật gia. 151- Vladimir Prikazsky, nhà báo. 152- Drahuse Probostova, nhà báo. 153- Jana Prevratska, nhà sư phạm. 154- Zdenek Prikryl, khoa học gia chính trị. 155- Milos Reschert, linh mục. 156- Ales Richter, công nhân. 157- Milan Richter, luật gia. 158- Zuzana Richterova. 159- Jiri Ruml, nhà báo. 160- Pavel Rychucky, luật gia. 161- Vladimir Riha, nhà sư phạm. 162- Vilem Sacher, trung tướng. 163- Vojtech Sedlacek, điều hành máy vi tính. 164- Helena Selclova, quản thủ thư viện. 165- Jaroslav Seifert, nhà thơ. 166- Gertruda Sekaninova Cakrtova, luật gia kiêm nhà ngoại giao. 167- Jan Schneider, công nhân. 168- Karol Sidon, nhà văn. 169- Josef Slanska. 170- Rudolf Slansky, kỹ thuật gia. 171- Vaclav Slavik, chính trị gia. 172- Eliska Skrenkova. 173- Jan Sokol, kỹ thuật gia. 174- Jan Soucek, nhà xã hội học. 175- Josef Stehlik, cựu viên chức chính trị. 176- Dana Stehlikova. 177- Vladimir Stern, cựu nhân viên nhà nước. 178- Jana Sternova. 179- Eva Stuchlikova, tâm lý gia. 180- Cestmir Suchy, nhà báo. 181- Jaroslav Suk, công nhân. 182- Vera Sukova, nhà báo. 183- Jan Sabata, thợ đốt lò. 184- Jaroslav Sabata, tâm lý gia kiêm cựu viên chức chính trị. 185- Vaclav Sabata, đồ họa. 186- Anna Sabatova, thư ký. 187- Jan Safranek, nghệ sĩ đồ họa. 188- Frantisek Samalik, luật gia kiêm khoa học gia chính trị. 189- Vaclav Sebek, kiến trúc sư. 190- Jana Sebkova. 191- Venek Sithan, kinh tế gia. 192- Libuse Silhanova, nhà xã hội học. 193- Ivana Slimkova, tâm lý gia. 194- Bohumil Simon, kinh tế gia kiêm chính trị gia. 195- Jan Sindelar, triết gia. 196- Jan Simsa, linh mục. 197- Vladimir Skutina, nhà báo. 198- Pavel Sremer, chuyên gia vi trùng học. 199- Miluse Stevichova, công nhân. 200- Marie Stolovska. 201- Vera Stovickova, nhà báo. 202- Miroslav Sumavsky, sử gia. 203- Petruska Sustrova, thư ký. 204- Marie Svermova. 205- Vladimir Tardy, tâm lý gia kiêm triết gia. 206- Dominik Tatarka, nhà văn. 207- Jan Tesar, sử gia. 208- Julius Tomin, triết gia. 209- Josef Topol, nhà văn. 210- Jan Trefulka, nhà văn. 211- Jakub Trojan, linh mục. 212- Vaclav Trojan, điều hành máy vi tính. 213- Miroslav Tyl, kỹ thuật gia. 214- Milan Uhde, nhà văn. 215- Petr Uhl, kỹ thuật gia. 216- Zdenek Urbanek, nhà văn và dịch thuật viên. 217- Ruzena Vackova, sử gia nghệ thuật. 218- Ludvik Vaculik, nhà văn. 219- Jiri Vancura, sử gia. 220- Frantsek Vanecek, nhà báo. 221- Dagmar Vaneckova, nhà báo. 222- Zdenek Vasicek, sử gia. 223- Jaroslav Vitacek, cựu viên chức chính trị. 224- Jan Vladislav, nhà văn. 225- Thomas Vlasak, nhà văn. 226- Frantisek Vodslon, chính trị gia. 227- Josef Vohryzek, dịch thuật viên. 228- Zdenek Vokaty, công nhân. 229- Premysi Vondra, nhà báo. 230- Alols Vyroutal, kỹ thuật gia. 231- Vaclav Vrabec, nhà báo kiêm sử gia. 232- Jaromir Wiso, nhà thiết kế. 233- Jiri Zaruba, kiến trúc sư. 234- Jirina Zelenkova, bác sĩ. 235- Petr Zeman, nhà sinh vật học. 236- Rudolf Zeman, nhà báo. 237- Zdenek Zikmundovsky, cựu nhân viên nhà nước. 238- Rudolf Zukal, kinh tế gia. 239- Josef Zverina, linh mục. 240- Milan Hueb. 241- Jan Tesar... (còn thiếu 2 người)

Bản dịch của PVL từ tiếng Anh trên Internet

TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ BẢO VỆ NHỮNG NGƯỜI ĐẤU TRANH CHO NHÂN QUYỀN

hay

Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới

09-12-1998, kỷ niệm 50 năm TNQTNQ

Quyết Nghị của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc

Đại hội đồng,

Tái khẳng định rằng điều quan trọng là phải tuân thủ những mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc để thăng tiến và bảo vệ các quyền con người và tất cả các quyền tự do căn bản cho mọi người trong mọi quốc gia trên thế giới,

Tham chiếu Quyết nghị 1998/7 của Ủy hội Nhân quyền ngày 3-4-1998, xem Các tài liệu chính thức của Hội đồng Kinh tế và Xã hội, 1998, phần Bổ sung số 3, chương II, đoạn A, qua đó Ủy hội chuẩn y văn bản của Dự án Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới,

Cũng tham chiếu Quyết nghị 1998/33 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội ngày 30-7-1998, qua đó Hội đồng khuyến cáo Đại hội đồng thông qua dự án Tuyên ngôn,

Ý thức đến tầm quan trọng của việc chuẩn y dự án Tuyên ngôn trong bối cảnh Năm mươi năm Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế theo Quyết nghị 217 A (III),

1. Thông qua Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản kèm trong phần phụ lục của Quyết nghị này ;

2. Thỉnh mời các chính phủ, các cơ quan và cơ cấu của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ tăng cường nỗ lực nhằm phổ biến Tuyên ngôn cũng như làm thăng tiến sự tôn trọng và hiểu biết trên cơ sở toàn cầu, và yêu cầu ông Tổng Thư ký ban hành văn bản Tuyên ngôn trong ấn bản sắp tới của tài liệu Nhân quyền : Vững tập những văn kiện quốc tế.

Khóa họp khoáng đại lần thứ 85

9-12-1998, kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn QTNQ

Văn bản Tuyên ngôn

Lời nói đầu

Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc

Tái khẳng định rằng điều quan trọng là phải tuân thủ những mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc để thăng tiến và bảo vệ các quyền con người và tất cả các quyền tự do căn bản cho mọi người trong mọi quốc gia trên thế giới,

Tái khẳng định rằng sự quan trọng của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cùng những Công ước Quốc tế liên quan đến quyền con người, là những yếu tố chủ yếu cho những nỗ lực quốc tế nhằm thăng tiến sự tôn trọng phổ quát quyền con người và các tự do căn bản, cũng như sự quan trọng của các văn kiện khác liên quan đến quyền con người, do các cơ quan Liên Hiệp Quốc thông qua, cùng với những nỗ lực thực hiện ở cấp khu vực, Nhấn mạnh rằng, cùng kết hợp chung nhau hay khi đứng riêng lẻ, tất cả mọi thành viên trong cộng đồng quốc tế phải làm hết nghĩa vụ trọng thể hầu thăng tiến và khuyến khích tôn trọng quyền con người và các quyền tự do căn bản cho mọi người, bất kể ai, nhất là không phân biệt đối xử vì chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay mọi quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác, và đặc biệt tái khẳng định rằng điều quan trọng là thực hiện cuộc hợp tác quốc tế để hoàn thành nghĩa vụ này theo đúng Hiến chương Liên Hiệp Quốc,

Thừa nhận vai trò quan trọng của cuộc hợp tác quốc tế và sự nghiệp tuyệt đối hữu ích của các cá nhân, các nhóm và các hội đoàn trong việc loại trừ một cách có hiệu quả mọi vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản đối với các dân tộc và tất cả mọi người, hiển nhiên nhất là những vi phạm nặng nề có hệ thống, như những vi phạm phát xuất từ chủ nghĩa apartheid, mọi hình thức phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân, sự đô hộ hay ngoại bang chiếm đóng, sự xâm lược hay đe dọa chủ quyền quốc gia, sự thống nhất quốc gia hay toàn vẹn lãnh thổ, cũng như sự khước từ quyền tự quyết của các dân tộc, quyền của mỗi dân tộc sử dụng chủ quyền đầy đủ và toàn bộ trên tài sản và những tài nguyên thiên nhiên,

Thừa nhận, một mặt, là tương quan tồn tại trong hòa bình và an ninh thế giới, mặt khác, sự hưởng dụng các quyền con người và các tự do căn bản, và tự giác rằng sự thiếu vắng hòa bình và an ninh thế giới không là lý do thoái thác để không tôn trọng các quyền và tự do này, Nhắc nhở lại rằng các quyền con người và tất cả các tự do căn bản là phổ quát, không thể phân chia, tương quan và liên đới lẫn nhau, cần được thăng tiến và làm cho có hiệu lực một cách công minh, không gây tổn hại quyền này khi vận dụng quyền kia, Nhấn mạnh rằng Quốc gia có trách nhiệm đầu tiên và có bốn phận làm thăng tiến cũng như bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản,

Thừa nhận rằng các cá nhân, nhóm và hội đoàn có quyền và trách nhiệm làm thăng tiến sự tôn trọng các quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tuyên dương các quyền ấy trên bình diện quốc gia và quốc tế,

Tuyên bố:

Điều 1

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền thăng tiến việc bảo vệ và thực hiện các quyền con người và các tự do căn bản trên bình diện quốc gia và quốc tế.

Điều 2

1. Mỗi quốc gia có trách nhiệm và bổn phận trên hết để bảo vệ, thăng tiến một cách hiệu quả tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, nhất là chấp nhận những biện pháp cần thiết để thiết lập những điều kiện xã hội, kinh tế, chính trị và những lĩnh vực khác, cũng như những bảo đảm pháp lý đòi hỏi để tất cả mọi người đặt dưới pháp chế quốc gia, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, có thể hưởng dụng trong thực tế tất cả các quyền và các tự do này.

2. Mỗi quốc gia chấp nhận những tiêu chuẩn luật pháp, hành chính cùng những tiêu chuẩn cần thiết khác, để theo dõi xem các quyền và các tự do mà Tuyên ngôn này nhắm tới có được bảo đảm một cách có hiệu lực hay không.

Điều 3

Những quy định trong luật pháp quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên Hiệp Quốc và những nghĩa vụ quốc tế của quốc gia ấy trên lĩnh vực nhân quyền và các tự do căn bản được dùng làm khung pháp lý, hầu thể hiện sự thực thi những quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tất cả mọi hoạt động được nhắm tới trong bản Tuyên ngôn này, y theo mục tiêu làm thăng tiến, bảo vệ và thực hiện có hiệu lực cho các quyền và các tự do ấy.

Điều 4

Không một quy định nào trong bản Tuyên ngôn này được lý giải nhằm gây thiệt hại cho những mục đích và những nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, hay cấu thành một sự hạn chế hoặc một vi phạm đối với những quy định trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, trong những Công ước liên quan đến nhân quyền và những văn bản cũng như những cam kết quốc tế khác áp dụng trong lĩnh vực này.

Điều 5

Nhằm thăng tiến và bảo vệ quyền con người và các tự do căn bản, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền trên bình diện quốc gia hay quốc tế :

- a) Hội họp và tụ tập một cách thuận hòa ;
- b) Thành lập những tổ chức, những hội đoàn hay những nhóm phi chính phủ, gia nhập và tham dự vào những tổ chức, những hội đoàn, những nhóm phi chính phủ ấy ;
- c) Thông báo với những tổ chức phi chính phủ hay liên chính phủ.

Điều 6

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền :

- a) Lưu giữ, tìm kiếm, thu thập, nhận và bảo quản những thông tin về tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, nhất là được toàn quyền tiếp xúc với những thông tin liên quan đến cách ứng dụng các quyền và các tự do qua những hệ thống lập pháp, tư pháp hay hành chính quốc gia ;
- b) Xuất bản, thông báo cho người khác hay phổ biến tự do mọi ý kiến, mọi thông tin và mọi kiến thức về các quyền con người và các tự do căn bản, y theo sự quy định của những văn bản quốc tế liên quan đến các quyền con người và những văn bản quốc tế khác có thể áp dụng ;
- c) Nghiên cứu, thảo luận, đánh giá và lượng định sự tôn trọng, trên pháp lý cũng như trong thực hành, tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, và làm cho công chúng chú ý đến vấn đề này bằng cách này hay mọi cách thích hợp khác.

Điều 7

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền dự kiến những nguyên tắc mới và những ý kiến trong lĩnh vực nhân quyền, thảo luận về nhân quyền và làm thẳng tiến sự hiểu biết về nhân quyền.

Điều 8

1. Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác và trên căn bản không phân biệt đối xử, đều có quyền tham gia hữu hiệu vào chính quyền nước họ và vào việc quản lý việc công.
2. Nhất là quyền này bao hàm quyền, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đệ trình các cơ quan và các thiết chế quốc gia, cũng như các cơ cấu đảm lãnh việc công, những phê phán và những đề nghị nhằm cải thiện sự tiến hành các cơ quan này và báo hiệu về mọi mặt công tác của họ có nguy cơ gây trở ngại hay ngăn cản sự thẳng tiến, bảo vệ và thực hiện nhân quyền cùng các tự do căn bản.

Điều 9

1. Trong việc thực thi nhân quyền và các tự do căn bản, kể cả quyền thẳng tiến và bảo vệ nhân quyền mà Tuyên ngôn này nhắm đến, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền thượng tố hữu hiệu và được bảo vệ khi các quyền này bị xâm phạm.
2. Cùng với mục tiêu này, mọi người khi bị vi phạm các quyền hay các tự do, đều có quyền khiếu nại, hoặc tự cá nhân họ hoặc qua trung gian của một người đại diện được luật pháp cho phép, và đòi cứu xét nhanh chóng đơn khiếu nại trước cử tọa công cộng của tòa án hay trước bất cứ cơ quan quyền lực được luật pháp thiết chế, cơ quan này phải độc lập, không thiên vị và có thẩm quyền, để cơ quan quyền lực ấy lấy quyết định chiếu theo luật pháp dự kiến cho việc sửa sai, kể cả việc bồi thường tổn hại, nếu đã thực tình vi phạm các quyền hay các tự do của họ, cũng như áp dụng không trì hoãn thái quá khi có quyết định và sự tuyên xử.

3. Cùng với mục tiêu này, mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền nhất là :

a) Khiếu nại chính sách và hành động của các viên chức và các cơ quan Nhà nước đã vi phạm các quyền con người hay các tự do căn bản, bằng cách gửi kiến nghị hoặc bằng những phương tiện thích hợp khác đến các cơ quan quyền lực tư pháp, hành chính hay lập pháp quốc gia có thẩm quyền, hay đến mọi cơ quan quyền lực có thẩm quyền khác thuộc hệ thống tư pháp Quốc gia. Các cơ quan quyền lực này phải lấy quyết định cho đơn khiếu nại mà không được trì hoãn thái quá ;

b) Được tham dự các phiên tòa, các trình tự tố tụng và các buổi xử án công cộng, để có thể đánh giá sự tuân thủ các luật pháp quốc gia cùng sự áp dụng những nghĩa vụ và những cam kết quốc tế ;

c) Được mời hay nhờ một phụ tá pháp lý chuyên nghiệp hay ai khác cố vấn và yểm hộ thích đáng để bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản.

4. Cũng với mục tiêu này, và y theo các thủ tục và các văn bản quốc tế được áp dụng, mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều hoàn toàn có quyền gửi tới những cơ quan quốc tế có thẩm quyền nói chung hay đặc biệt để thu nhận và cứu xét những thông báo liên quan đến nhân quyền, và được tự do truyền đạt tới các cơ quan này.

5. Quốc gia phải điều tra nhanh chóng và không thiên vị hay chăm chú theo dõi để cho thủ tục thẩm cứu được khởi sự khi có những lý do tin rằng vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản đã xảy ra trên toàn lãnh thổ đặt dưới pháp chế của mình.

Điều 10

Không ai có quyền tham gia vào việc vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản, bằng cách can thiệp, hoặc tránh can thiệp khi hoàn cảnh bắt buộc, và không ai bị trừng phạt hay bị quấy nhiễu vì đã từ chối vi phạm các quyền và các tự do này.

Điều 11

Mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền y theo luật pháp thực hiện việc riêng mình hay nghề nghiệp. Bất cứ ai, vì nghề nghiệp hay việc riêng mình, xúi phải xâm phạm phẩm giá con người, các quyền con người và các tự do căn bản của người khác, thì phải biết tôn trọng các quyền và những tự do ấy, và y theo các tiêu chuẩn thích đáng trong việc cư xử hay đạo đức học nghề nghiệp của quốc gia hay quốc tế.

Điều 12

1. Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền tham gia các hoạt động hòa bình để đấu tranh chống mọi vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản.

2. Quốc gia sử dụng mọi biện pháp cần thiết để theo dõi việc các nhà chức trách có thẩm quyền phải bảo vệ mọi người khi các người này, tự cá nhân họ hay liên hợp với những người khác, trong khuôn khổ thi hành chính đáng các quyền mà bản Tuyên ngôn này nhắm tới, chống lại các bạo động, đe dọa, hành động trả thù, phân biệt đối xử trong thực tế hay theo pháp lý, gây áp lực hoặc dùng các hành động võ đoán khác. Về phương diện

này, mọi người, tự cá nhân họ hay liên hợp với những người khác, đều được quyền bảo vệ hữu hiệu bằng luật pháp quốc gia khi mà bằng những phương tiện hòa bình, cá nhân này chống lại những hoạt động và những hành vi, kể cả những hoạt động và những hành vi sơ xuất, mà Nhà nước phạm phải, dẫn đến những vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản, cũng như chống lại những hành vi bạo động mà các nhóm hay các cá nhân phạm phải làm cản trở sự thi hành các quyền và các tự do căn bản.

Điều 13

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền xin, nhận và sử dụng tài nguyên cho mục đích minh bạch để, bằng phương tiện hòa bình, làm thăng tiến và bảo vệ nhân quyền và các tự do căn bản, y theo điều 3 trong Tuyên ngôn này.

Điều 14

1. Quốc gia có trách nhiệm xử trí với những biện pháp thích hợp trên bình diện lập pháp, tư pháp, hành chính hay mọi biện pháp khác nhằm gây ý thức về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cho mọi người đặt dưới pháp chế quốc gia.
2. Những biện pháp này bao gồm, nhất là :
 - a) Xuất bản với quyền sử dụng rộng rãi những văn bản luật pháp cùng những pháp quy quốc gia và những văn bản quốc tế căn bản thích dụng liên quan đến nhân quyền ;
 - b) Trên căn bản bình đẳng, được quyền tham khảo trọn vẹn các tài liệu quốc tế trên lĩnh vực nhân quyền, kể cả những phúc trình thường kỳ do Quốc gia cung cấp cho các cơ quan được thiết lập y theo các văn bản quốc tế liên quan đến nhân quyền mà quốc gia ấy tham gia, cũng như những báo cáo phân tích do các cơ quan này thực hiện sau khi khảo sát những phúc trình đệ nạp, cũng như những phúc trình chính thức của các cơ quan ấy.
3. Khi được thỏa thuận, Quốc gia khuyến khích và yểm trợ việc thiết lập và phát triển những thiết chế quốc gia có tính độc lập, nhằm thăng tiến và bảo vệ nhân quyền cùng các tự do căn bản trên toàn quốc thuộc pháp chế quốc gia. (Việc này được thực hiện) qua một người trung gian hòa giải, một ủy hội nhân quyền, hay các mô hình thiết chế nào khác của quốc gia.

Điều 15

Quốc gia có trách nhiệm thăng tiến và tạo điều kiện dễ dàng trong việc giáo dục nhân quyền cùng các tự do căn bản ở mọi cấp học đường, và khuyến khích các chuyên gia đưa vào chương trình huấn luyện những yếu tố tương ứng với giáo dục nhân quyền trong việc đào luyện các luật sư, các người phụ trách thi hành luật pháp, các nhân viên quân đội và các viên chức Nhà nước.

Điều 16

Các cá nhân, các tổ chức phi chính phủ và các thiết chế có thẩm quyền đóng vai trò trọng yếu trong việc làm cho công chúng nhạy cảm về những vấn đề liên quan đến nhân quyền và các tự do căn bản, đặc biệt trong phạm vi công tác giáo dục, huấn luyện và nghiên cứu trên các lĩnh vực này, nhất là nhằm củng cố sự hiểu biết, khoan dung, hòa bình cùng

những liên hệ thân hữu giữa các quốc gia, cũng như giữa các nhóm chủng tộc và tôn giáo, lượng theo sự dị biệt trong xã hội, trong các cộng đồng mà họ công tác.

Điều 17

Trong khi thực hành các quyền và các tự do mà Tuyên ngôn này nhắm tới, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, phải phục tùng những hạn định quy chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và do luật pháp thiết lập, nhằm bảo đảm sự công nhận và tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do của người khác, hầu thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng của đạo đức, của trật tự công cộng và của phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 18

1. Mỗi người đều có nghĩa vụ đối với cộng đồng, nơi cá tính họ được tự do và phát triển hoàn mãn.
2. Các cá nhân, các nhóm, các thiết chế và tổ chức phi chính phủ đóng vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ dân chủ, thăng tiến nhân quyền và các tự do căn bản, trong việc đóng góp làm thăng tiến và tiến hóa cho xã hội, cho các thiết chế và các tiến trình dân chủ, cũng như trong trách vụ nhắm tới các phương diện này.
3. Trong cùng ý tưởng ấy, các cá nhân, các nhóm, các thiết chế và các tổ chức phi chính phủ, tùy theo sự thỏa thuận, đóng vai trò quan trọng trong việc thăng tiến quyền cho mọi người được hưởng một trật tự xã hội và kinh tế, trong đó các quyền và các tự do căn bản tuyên xưng trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và trong những văn bản khác liên quan đến nhân quyền, có thể thực hiện trọn vẹn, cũng như trách vụ hoá thành ở bất cứ trường hợp nào.

Điều 19

Không một quy định nào trong bản Tuyên ngôn này được lý giải khiến cho một cá nhân, một nhóm hay một cơ quan xã hội, hay một Quốc gia, có quyền tiến hành một hoạt động hay một hành vi nhằm phá hoại nhân quyền và các tự do căn bản mà bản Tuyên ngôn này nhắm tới.

Điều 20

Cũng không một quy định nào trong bản Tuyên ngôn này được lý giải nhằm cho phép các Quốc gia hậu thuẫn hay khuyến khích những hoạt động của các cá nhân, các nhóm, các thiết chế hay tổ chức phi chính phủ đi ngược với những quy định trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Bản dịch của Gs Võ Văn Ái, Quê Mẹ, Paris.

HIẾN CHƯƠNG 2000 TUYÊN NGÔN

Phong trào Dân chủ Việt Nam hải ngoại, 26-11-2000

Vào năm 1977, các nhà đấu tranh cho tự do dân chủ của Tiệp Khắc đã công bố một bản hiến chương đòi tự do dân chủ và tôn trọng nhân quyền. Hơn 10 năm sau, phát ngôn viên của Hiến chương 77 là Václav Havel đã trở thành vị tổng thống đầu tiên của nước Tiệp Khắc theo chế độ cộng hòa.

Tháng 11-2000 tại Paris, thủ đô nước Pháp, một Đại hội bao gồm nhiều thành phần đấu tranh đòi giải thể chế độ độc tài Cộng sản tại VN từ khắp các lục địa tập hợp về đã công bố một văn bản làm nền cho đấu tranh dân chủ của người Việt là HIẾN CHƯƠNG 2000, trước nhân dân thế giới và trước các cơ quan truyền thông quốc tế. Bản Hiến chương này đã được khởi thảo khoảng 15 tháng trước đó với sự tham gia của 7 nhóm chuyên viên (gồm nhiều Tiên sĩ, Giáo sư, Luật sư...), họp cùng với nhiều vị thức giả ở Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Gia Nã Đại, Đức, những người CS thức tỉnh có trình độ lý luận cao, và các học giả người Việt thuộc các đại học danh tiếng bậc nhất trên thế giới như Đại học Paris, Rice, Stanford, Harvard v.v...

Bản văn tiếng Việt cùng với các bản văn tiếng Pháp và tiếng Anh của Hiến Chương 2000 đã được đưa ra thảo luận, xét duyệt, sửa chữa, bổ túc và biểu quyết thông qua tại Đại hội Thế giới Công bố Hiến chương 2000 nhóm họp ở Paris trong hai ngày 25 và 26-11-2000. Văn bản cuối cùng (gồm Tuyên ngôn, Toàn văn và Lời Kêu gọi) được Đại hội thông qua đã được công bố vào lúc 3 giờ chiều ngày 26-11-2000 tại Hội trường Quốc tế FIAP, Paris, đánh dấu một giai đoạn đấu tranh mới của các phong trào dân chủ VN mà đã tham gia và ký kết Hiến chương 2000 (gọi tắt là Phong trào Hiến chương 2000 -the Charter 2000 Movement):

Bản Toàn văn Hiến chương 2000 gồm 5 Tiết: Tiết I: Tội ác và vi phạm nhân quyền của chế độ CSVN. Tiết II: Hệ quả của chuyên chính trên các bình diện kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam. Tiết III: Mặt trận kết hợp đấu tranh để giải quyết vấn đề Việt Nam. Tiết IV: Tranh đấu cho các quyền căn bản của người dân Việt và mô hình dân chủ Việt Nam. Tiết V: Công cuộc thực thi Hiến Chương 2000.

(theo Giáo sư Lê Đình Cai)

Vì khuôn khổ giới hạn của tập tài liệu, chúng tôi chỉ xin đăng lại **Tuyên ngôn của Hiến chương 2000** mà dưới đây là nguyên văn:

- Xét rằng: Chế độ tàn hại dân tộc Cộng sản Việt Nam với ba tiêu ngữ "Độc lập-Tự do-Hạnh phúc" vay mượn, được đưa lên thành chủ đích quốc gia trong bao thập niên qua, đã không đạt được phần nào trong cả bạ Trước hết, chế độ tại Việt Nam theo đuổi và thực hành chủ nghĩa ngoại lai Mác-xít-Lênin-nít. Đã là thừa sai của một chủ nghĩa quốc tế, làm theo lệnh của Cộng sản Quốc tế, thì Độc lập Dân tộc đầu thế nào có được? Về Tự do và Hạnh phúc: cả nước như một nhà tù khổng lồ, trong bối cảnh đói nghèo và lạc hậu.
- Xét rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam đã phạm nhiều tội ác trong nửa thế kỷ qua, trách nhiệm việc giết hại trên một triệu nhân mạng, như được tổng kết trong "Quyển Sách đen về Chủ nghĩa Cộng sản" - một công trình quy mô được trích dẫn khắp thế giới, do Sử gia Pháp Stephane Courtois chủ biên. Trong thực tế, con số bị giết hại còn cao hơn gấp bội.
- Xét rằng: Các tội ác của Cộng sản Việt Nam đối với Dân tộc Việt Nam cần phải được tố cáo trước công luận thế giới, tùy trường hợp cần được truy tố, và có biện pháp thích đáng đối với những kẻ chủ động.

- Xét rằng: "Học thuyết Mác Lê" nói chung và "lý thuyết đấu tranh giai cấp" nói riêng chính là cội nguồn gây ra các hành động tội ác của Đảng Cộng sản Việt Nam và các thảm họa mà đất nước phải gánh chịu Do sự áp dụng chủ thuyết này với chế độ "toàn trị", Việt Nam đã rơi vào hàng thấp nhất của thang phát triển thế giới cùng với sự tước đoạt mọi quyền tự do của con người.

- Xét rằng: Tiêu chuẩn "hạnh phúc" của bất kỳ dân tộc nào trên trái đất đều được thể hiện qua các thăng tiến về "vật chất" và "tinh thần", mà quan trọng nhất về "vật chất" là tiêu chuẩn "Sản lượng xôi nội địa"/đầu người và về "tinh thần" là sự "Tự do", "Quyền Làm người" và bối cảnh "Văn hóa, Xã hội, Tôn giáo" có tính nhân bản, đem lại an bình, lạc phúc và cuộc sống thăng hoa cho người dân. Đối với Việt Nam, cộng đồng thế giới đều chung một nhận định là:

(1) các quyền Tự do và Quyền Làm người tại Việt Nam bị vi phạm một cách trầm trọng - đặc biệt tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, báo chí, tự do lập hội và nghiệp đoàn, tự do di chuyển - nhất là xuất ngoại, tự do ứng cử và bầu cử, và

(2) xã hội Việt Nam hiện tại là một xã hội phân cách cùng cực giữa một bên là tập đoàn thống trị lạm dụng quyền lực mặc tình bóc lột và vơ vét của dân, và một bên là đại chúng - nghèo khổ và bị áp chế - dưới cái ách "chuyên chính" của Đảng, được áp đặt lên toàn xã hội qua Điều 4 Hiến pháp. Tệ tham nhũng và đục khoét của công làm tê liệt mọi guồng máy và tác hại khủng khiếp đến mọi sinh hoạt quốc gia. Trong khi các tệ nạn xã hội khác như xì ke ma túy, bệnh liệt kháng, buôn lậu, đường dây tình dục v.v... phát triển vượt mức, làm băng hoại cả xã hội. Đó là bối cảnh "Hạnh phúc" của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

- Xét rằng: Các quyền Tự do và Quyền Làm người "đúng nghĩa" là các quyền "đương nhiên" không thể bị tước đoạt, như được quy định bởi "Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền" và các công ước quốc tế liên hệ mà Việt Nam là một thành viên đã ký kết, có nghĩa vụ phải tôn trọng.

- Xét rằng: Hiến pháp và hệ thống pháp chế của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện nay mang tính chất hình thức và lừa bịp khi các quyền hiến định được liệt kê khá đầy đủ, nhưng luôn kèm theo câu thòng: "theo luật lệ hiện hành". Các "luật lệ hiện hành" này - có tính "áp đặt", số lớn không do quốc hội bù nhìn thiết chế ra, mà được quy định bởi vô số nghị định, thông tư tùy tiện; điển hình là Nghị Định 31/CP về "Quản chế Hành chánh" nổi tiếng thế giới và Thông tư số 02/1999/TT/ TGCP quy định "quản lý nhà nước đối với Đạo Cao đài" nói rõ con dấu của Hội thánh phải do công an chấp nhận. Điều 4 Hiến pháp lại càng chính thức hóa tính cách chủ nhân ông toàn xã hội của Đảng, bắc cầu cho Đảng đứng trên luật pháp, khiến không có lực lượng đối lập nào hoặc cơ quan truyền thông, báo chí độc lập nào hiện hữu, để thi hành các chức năng chỉ trích, phản kháng hoặc thay thế đảng đương quyền sau nhiệm kỳ nhất định. Tất cả đều là của Nhà nước, lãnh đạo bởi Đảng độc tôn. Điều này hoàn toàn đi ngược lại Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (các Điều 19, 20, 21) và các Công ước Quốc tế liên hệ cũng như Tuyên ngôn Dân chủ Warsaw (27-06-2000).

- Xét rằng: "Kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa" đang đưa Dân tộc vào ngõ cụt, vì "định hướng Xã hội Chủ nghĩa" tiếp tục giam hãm nền kinh tế và xã hội dưới cơ chế chỉ huy của Đảng với hệ thống xí nghiệp quốc doanh lụn bại được lấy làm chủ

đạo. Mô thức "đổi mới nửa mùa" này, do các ngăn trở về cơ chế, không thể nào tạo được động lượng thúc đẩy nền kinh tế phát triển toàn diện và vượt mức, có khả năng đáp ứng được cuộc cạnh tranh khốc liệt của thị trường thế giới đang được toàn cầu hóa trong kỷ nguyên thông tin.

- Xét rằng: Những người cầm quyền hiện nay tại Việt Nam chỉ đại diện cho Đảng Cộng sản Việt Nam chứ không đại diện nhân dân Việt Nam; họ đã cướp chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực thay vì thông qua tiến trình dân chủ.

Bởi các lý do trên, các phong trào dân chủ Việt Nam kết hợp xung quanh Hiến Chương 2000 long trọng tuyên cáo:

Điều 1: Tiến đến thành lập nền Dân Chủ thực sự cho Việt Nam bằng cách vận động người dân đứng dậy đòi hỏi các quyền dân sinh, dân chủ, như được công bố đến mọi người dân Việt Nam quốc nội - hải ngoại qua "**Hiến chương 2000 Toàn văn**" cùng với bản Tuyên ngôn này.

Điều 2: Sẽ giải quyết các hậu quả của chế độ "chuyên chính" tại Việt Nam theo đúng luật pháp quốc tế, luật pháp quốc gia của nước Việt Nam dân chủ sẽ được thành lập, và hợp với trào lưu thế giới về việc giải quyết các tội phạm chống nhân loại hoặc tàn hại đất nước. Chính sách này nhằm làm sáng tỏ công lý, song song với chính sách hòa giải dân tộc được tuyên bố công khai qua việc cấm tuyệt đối việc trả thù. Một Ủy ban Công lý với năng quyền thích hợp có thể được Quốc hội tương lai của nước Việt Nam dân chủ thiết lập để giải quyết vấn đề.

Điều 3: Hiến Chương 2000 kêu gọi Cộng đồng Quốc tế hậu thuẫn cho các phong trào dân chủ trong nội địa Việt Nam. Các phong trào này sẽ được "**Diễn đàn Công dân**" thành lập tại Đại hội Paris ngày 25-26/11/2000 đẩy động nhằm đòi hỏi các quyền dân sinh, dân chủ tại quốc nội, thực thi Hiến chương 2000. Đây cũng là sự thực thi Hiến chương Liên Hiệp Quốc (Điều 55 Khoản c), Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và các Công ước quốc tế liên hệ, và Tuyên ngôn Dân chủ Warsaw.

Điều 4: Trong bước đầu tiên, để tiến đến một xã hội dân sự - tiền thân của một nền dân chủ thực chất - tại Việt Nam; Hiến chương 2000 - qua "Diễn đàn Công dân"- phát động toàn dân đứng dậy đòi hỏi các quyền tối thiết quy định bởi các điều khoản sau đây của bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền:

1- Quyền tham gia việc nước của mọi người, mọi khuynh hướng, qua bầu cử/ứng cử tự do và trung thực, phổ thông đầu phiếu, trực tiếp, kín, định kỳ nơi Điều 21. Quyền này cũng được lập lại - và được nói rõ thêm là "đa đảng" - trong nguyên tắc thứ nhất của Tuyên ngôn Dân chủ Warsaw.

2- Quyền tự do hội họp và lập hội, như được quy định nơi Điều 20.

3- Quyền được tự do phát biểu, thu thập và truyền bá ý kiến, tức tự do báo chí và truyền thông, nơi Điều 19.

4- Quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo nơi Điều 18. Để quyền này được thực thi tại Việt Nam, cần phục hoạt các giáo hội truyền thống và trả lại các tài sản đã cướp đoạt của các giáo hội bởi nhà nước Cộng sản Việt Nam và các cơ chế hệ thuộc; đồng thời, phục hồi hoàn toàn quyền tự do hành đạo và truyền đạo, xuất bản và truyền bá kinh sách, báo chí tôn giáo, cũng như mọi hoạt động văn hóa, giáo dục, từ thiện và xã hội của các giáo hội truyền thống dân lập.

5- Quyền tự do nghiệp đoàn, nơi Điều 23.

6- Quyền đòi hỏi các tiêu chuẩn đời sống thích đáng về thực phẩm, y tế, dịch vụ xã hội, giáo dục và điều kiện làm việc không bị bóc lột nơi các Điều 25, 26 và 24. Thêm nữa là quyền kinh tế nhằm bảo đảm công bằng và thuận lợi - nhất là đối với phụ nữ - trong tuyển dụng và lương bổng, an toàn, sức khỏe, nghỉ ngơi..., nơi Điều 7 Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa.

Để thực hiện các điều căn bản kể trên, và để mở lối thoát cho Dân tộc, tiến đến một nền kinh tế thị trường đáp ứng được bối cảnh toàn cầu hóa và một nền dân chủ đúng nghĩa; Hiến Chương 2000 - qua Diễn đàn Công dân - vận động toàn dân đứng dậy đòi hỏi hủy bỏ Điều 4 Hiến pháp, ngưng thi hành Hiến pháp 1992 của Cộng sản Việt Nam, thành lập một cơ chế chuyển tiếp, và hiệp thương để giải quyết vấn đề tìm một giải pháp cho đất nước cũng như xúc tiến bầu cử tự do, dân chủ, trung thực và đa đảng tại Việt Nam.

Paris, Pháp Quốc ngày 26 tháng 11 năm 2000

Thay mặt các thành viên ký kết Hiến chương 2000

Bộ phận Phát Ngôn viên

- **Gs Nguyễn Cao Hách, Gs Lê Đình Cai (Hoa Kỳ)**
- **Ts Nguyễn Bá Long, Ls Lâm Chấn Thọ (Canada & Úc)**
- **Gs Vũ Quốc Thúc, Ts Lê Đình Thông (Tây Âu)**
- **Nhà Tranh đấu Phạm Hoàng, Chiến sĩ Dân chủ Dương Văn Thường (Đông Âu, Nga & Quốc Nội)**
- **Đại diện Bộ phận Phát Ngôn viên: Ts Nguyễn Bá Long**

LỜI KÊU GỌI CHO DÂN CHỦ VIỆT NAM

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

21-02-2001

Ngày 21-02-2001, từ Thanh Minh Thiền viện tại Sài Gòn, một ngôi chùa bị nhà cầm quyền CSVN biến thành một nhà tù, Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đã nhân danh Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đưa ra "Lời Kêu gọi cho Dân chủ Việt Nam", với tư tưởng nhân bản : "Giải phóng con người khỏi vô minh, sợ hãi và nô lệ..., khỏi hà khắc và bất công của mọi hệ thống chính trị xã hội, đưa Con Người vào vị thế trung tâm giữa trời và đất để giải thoát tư thân và giải phóng tha nhân". Lời Kêu gọi đã nhận định rất sâu sắc hiện tình hình Việt Nam và đề xuất "Sách lược 8 điểm cứu nguy Đất nước" rất toàn diện, cụ thể và khả thi.

Chỉ sau một thời gian ngắn, Lời Kêu gọi không những được hàng trăm ngàn Phật tử Việt Nam trong lẫn ngoài nước ký tên ủng hộ, mà còn được sự tán đồng của nhiều tổ chức, đảng phái đấu tranh của người Việt và của nhiều cơ quan, tổ chức Nhân quyền quốc tế. Nói tóm, Lời Kêu gọi cho Dân chủ Việt Nam của Giáo hội Phật giáo Thống nhất được dư luận đánh giá là TUYÊN NGÔN TỰ DO DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM và là tiếng nói mạnh mẽ đầu tiên của Tôn giáo trước hiện tình của Đất nước dưới chế độ Cộng sản.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Thanh Minh Thiền viện

90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Sài Gòn

Phật lịch 2544 - Số: 02/VHĐ/VT

LỜI KÊU GỌI CHO DÂN CHỦ VIỆT NAM nhân chuẩn bị kỷ niệm Quốc tổ Hùng Vương lần thứ 4880 và năm Thế giới đón chào thiên niên kỷ thứ III

Đạo Phật ra đời để cứu khổ cho muôn loài. Đây là bước tiến vĩ đại trong tư tưởng cũng như trong hành động tại xã hội Ấn Độ nói riêng, và cho loài người nói chung, cách đây 2544 năm. Giải phóng con người khỏi vô minh, khỏi sự sợ hãi và nô lệ thần linh hay các luồng ý thức hệ cuồng tín, giải phóng con người khỏi sự hà khắc và bất công của mọi hệ thống xã hội. Vào thời đức Phật tại thế, giáo lý đạo Phật đánh đổ mọi học phái thần quyền, mọi chủ nghĩa hư vô, duy vật, hoài nghi, định mệnh, đưa Con Người vào vị thế trung tâm giữa trời đất để giải thoát tư thân và giải phóng tha nhân. Không hề có những yếu tố phi xã hội trong giáo lý đạo Phật, vì thế người Phật tử luôn tôn trọng và đương đầu bảo vệ con người, chống lại những bất công hay bất bình đẳng xã hội, vốn là nguyên nhân chà đạp quyền sống của lương dân, ngăn cản hạnh nguyện tu học để tiến thủ, ngăn cản sự thực hành Từ, Bi, Trí, Lực, theo chí nguyện Bồ tát cứu đời, ngăn cản sự hiện thực Giác ngộ.

Từ nguyên tắc chỉ đạo cứu khổ ấy, Đạo Phật Việt Nam phát triển thêm nhiều nhân tố tích cực trong cuộc dân thân bảo vệ nhân dân và đất nước. Lịch sử Phật giáo Việt, lồng trong lịch sử Dân tộc trên hai nghìn năm qua, đã bao lần minh chứng rằng HỘ DÂN, HỘ QUỐC và HỘ PHÁP hòa quyện trong nhau làm kim chỉ nam cho nếp sống và hành động của người Phật tử Việt Nam. Một trong những bộ kinh của Phật giáo do vị Cao tăng Việt

Nam Khương Tăng Hội phiên dịch rất sớm, là Lục độ Tập kinh, xuất hiện vào thế kỷ II Tây lịch, có những câu viết thể hiện tinh thần này: "Bồ tát thấy dân kêu ca, do vậy gạt lệ xông vào nơi chính trị hà khắc để cứu dân khỏi nạn lầm than". Đối với những chính quyền hà khắc, áp bức dân, thì Lục độ Tập kinh cảnh báo: "Loài lang sói không thể nuôi, người ác không thể làm vua". Mâu Tử, tác giả sách Lý học luận, hoàn thành tại Giao Châu cuối thế kỷ II Tây lịch, đề cao đạo Phật Việt, chống lại các luồng văn hóa nô dịch của phương Bắc, đã khẳng định: Bản chất đạo Phật là ở nhà có thể đem mà thờ cha mẹ, giúp nước có thể đem mà giáo hóa dân, sống một mình có thể đem mà trị thân.

Nhận thức trên đây vốn là tư tưởng chỉ đạo các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, chống các luồng ý thức hệ ngoại lai, để bảo vệ chủ quyền và văn hóa dân tộc, bảo vệ tự do, no ấm và hạnh phúc cho nhân dân, mà sử sách còn ghi danh hai Bà Trưng (năm 40 TL.); 9 cuộc kháng chiến của Khu Liên, Chu Đạt, Lương Long, Khổng Chi và Trụ thiên tướng quân (suốt thế kỷ II TL.); anh em bà Triệu Thị Trinh (năm 248 TL.); Lý Nam Đế dựng lên Nhà nước độc lập Vạn Xuân (năm 544 TL.), v.v... tạo tiền đề cho sự kiến lập huy hoàng của quốc gia Việt Nam qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê.

Thế mà ngày nay, trong khi các nước trong thế giới ra công phát triển ngày càng cường thịnh, tự do, dân chủ, thì nước ta ngày càng bại liệt, nghèo khổ, nhân dân bị bức bách, chà đạp. Thông điệp Xuân Di Lạc năm nay của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử lý Thường vụ Viện Tăng thống, đã tổng kết ngắn gọn hiện trạng này trong một câu: "Trải qua 35 năm chiến tranh, rồi 25 năm không có nhân quyền và tự do tôn giáo"! Thế là đã 60 năm tang thương, u ám, bế tắc không lối ra.

Thảm họa ấy cứ kéo dài, nuôi dưỡng bởi ba sự trạng:

1. Một chính quyền tự thị, bất chấp ý kiến của người khác, đưa tới xu thế độc đảng chuyên quyền.
2. Một chính quyền ly khai dân, bất chấp những đòi hỏi thiết tha cho nhân quyền và dân quyền, đưa tới chế độ độc tài ác liệt.
3. Một chính quyền lệ thuộc nước ngoài, từ ý thức hệ đến cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, làm đảo lộn xã hội và nhân văn Việt, mà hậu quả đẩy dân vào tròng ách nô lệ tinh thần và vật chất, làm suy thoái đạo đức và suy liệt quốc gia.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất kế thừa truyền thống giáo lý và phương pháp hành động của đạo Phật Việt Nam, một truyền thống trải dài qua hơn hai mươi thế kỷ dựng nước và giữ nước, không thể tự thủ bàng quan trước thời cuộc nhiễu nhương, khủng hoảng trầm trọng, nhân dân lầm than, mất tự do, mất quyền làm người. Nên tâm thành cất lời kêu gọi chư vị thức giả, đồng bào các giới, không phân biệt chính kiến hay tôn giáo, các cấp Giáo hội và nam nữ Cư sĩ Phật tử vận dụng mọi khả năng hiện có của mình - kết đoàn lại - để thay đổi hiện trạng tối tăm và nguy kịch của đất nước.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất nhận định rằng:

Để đối trị xu thế độc đảng và chuyên quyền, cần hình thành một Liên minh Dân tộc bao gồm mọi khuynh hướng chính trị và tôn giáo làm nền tảng cho một chính quyền dân chủ đa nguyên. Cụ thể là bỏ điều 4 trên Hiến pháp hầu xác định vị trí tối thượng của văn hóa và tư tưởng Việt khởi phát từ thời đại các Vua Hùng, đồng lúc tạo cơ sở cho sự hình thành và ra đời của liên minh dân tộc này .

Để đối trị chế độ độc tài toàn trị, cần thực thi toàn vẹn những Công ước Quốc tế liên hệ đến nhân quyền, đến các quyền dân sự và chính trị, mà Việt Nam đã ký kết, tham gia. Cụ thể là ban hành tự do lập hội không thông qua Mặt trận Tổ quốc, một công cụ tay sai của đảng Cộng sản; tự do ngôn luận không thông qua lý luận hay tư duy toàn thống Mác - Lê; tự do báo chí do tư nhân điều hành và độc lập với đảng Cộng sản; tự do nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi người lao động. Các tự do căn bản này là nền tảng bảo đảm cho sự phát biểu các ngưỡng vọng và quyền sống của nhân dân.

Để đối trị xu hướng vọng ngoại, từ ý thức hệ đến các cơ cấu tổ chức xã hội, cần phát huy nền văn minh truyền thống Việt Nam, một nền văn minh biết tiếp thu và dung hóa tinh hoa của các luồng văn hóa nhân loại.

Từ ba nhận định và ba phương pháp đối trị trên đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất mong cầu, vận động, và hậu thuẫn cho bất cứ cá nhân, đoàn thể nào thực hiện được **Sách lược 8 điểm cứu nguy đất nước sau đây:**

- 1.** Xây dựng một xã hội khoan dung, an lạc, đa nguyên, bình đẳng, không chủ chiến gây thù, điều hành bằng thể chế dân chủ đa đảng.
- 2.** Xóa bỏ mọi cơ chế phân dân chủ như lý lịch, hộ khẩu, công an khu vực. Bầu lại một Quốc hội thực sự đại diện quốc dân, dưới quyền giám sát của Liên Hiệp Quốc, với sự tự do bầu cử của toàn dân, và tham gia ứng cử của mọi cá nhân, đảng phái thuộc mọi khuynh hướng ngoài đảng Cộng sản. Thiết lập một Nhà nước tam quyền phân lập, một Nhà nước pháp quyền theo tinh thần bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị.
- 3.** Đóng cửa vĩnh viễn các Trại tập trung cải tạo. Trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị và tù nhân vì lương thức, bị giam giữ tại miền Bắc sau Hiệp định Genève năm 1954, tại miền Nam sau năm 1975. Thỉnh mời các nhân tài, chuyên viên trong số tù nhân này tham gia kiến quốc. Đồng lúc thỉnh mời giới chuyên gia kỹ thuật, trí thức, học giả, mọi cá nhân, đoàn thể ở hải ngoại, vượt biển ra đi sau năm 1975, đem các kinh nghiệm và học thuật thu thái ở các nước tiên tiến về xây dựng quê hương. Hủy bỏ các đạo luật hay nghị định có tính khủng bố trên lĩnh vực tôn giáo và quản chế hành chính.
- 4.** Bảo đảm quyền tư hữu; bảo đảm quyền tự do kinh doanh; bảo đảm quyền tự do nghiệp đoàn. Ban hành chính sách khản trương giúp đỡ công nghiệp hóa canh tác và nâng cao đời sống nông dân, là tiềm lực của đại khối dân tộc. Châm dứt nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Vì "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đã lỗi thời và bất lực hình thành một giải pháp cho nhân sinh sau 74 năm thí nghiệm của Nhà nước Liên bang Xô Viết, một Nhà nước thù địch với quảng đại nhân dân nên đã bị xóa bỏ đầu thập niên 90. Xây dựng nền kinh tế thị trường phù hợp với xã hội Việt Nam và phát huy theo đường hướng của nền kinh tế tri thức và kinh tế sinh thái. Liên hệ với công cuộc toàn-cầu-hóa theo xu thế văn minh của nhân loại để phát triển kỹ thuật, bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, chống lại các thách thức nghiêm trọng của khuynh hướng toàn-cầu-hóa nô lệ do giới tài phiệt liên lục địa chủ sủy. Tận lực xóa bỏ hố ngăn cách giàu nghèo đang tha hóa con người và phân liệt xã hội nước ta.
- 5.** Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tách lia chính trị khỏi quân đội và các cơ quan công an, mật vụ. Giải giới binh sĩ xuống mức quốc phòng bình thường theo tiêu chuẩn các quốc gia ở thời bình, để chia sẻ ngân quỹ quốc phòng thái quá cho ngân quỹ giáo

dục và ngân quỹ y tế quốc dân. Về giáo dục, cấp tốc đào tạo nhân tài và chuyên gia phục hưng xứ sở, đào luyện một thế hệ trẻ chuyển tiếp đang bị mai một, vì thế hệ lãnh đạo già thì miệt mài chủ chiến, gây thù theo chủ trương vọng ngoại đấu-tranh- giai-cấp làm phân hóa và tê liệt cộng đồng dân tộc, thế hệ đang lên thì bị cuốn hút theo chủ nghĩa kim tiền vì sinh kế bức bách. Về y tế, giải quyết ưu tiên nạn thiếu nhi suy dinh dưỡng và biện pháp phòng bệnh ở nông thôn.

6. Bài trừ văn hóa ngoại lai đòi truy hoặc các ý thức hệ phi dân tộc làm xáo trộn tình nghĩa và đạo lý Việt Nam. Phát huy nền văn hóa truyền thống Việt trong tinh thần khai phóng, sáng tạo và dung hóa với mọi nền văn minh nhân loại. Đề cao ba giá trị tinh thần Nhân, Trí, Dũng của tổ tiên. Thực hiện công bằng xã hội, nam nữ bình quyền, bình đẳng tôn giáo, tôn trọng quyền tự trị và đặc thù văn hóa của các dân tộc ít người cư ngụ trên lãnh thổ nước ta Bảo vệ quyền lợi ngoại kiều sinh sống làm ăn ở Việt Nam theo luật định và tinh thần hồ tương quốc tế. Bảo đảm quyền lợi và nhân phẩm của người Việt sống ở hải ngoại.

7. Tôn trọng lãnh thổ các nước láng giềng. Chủ trương hòa thân, đối thoại và cộng tác bình đẳng với các nước lân bang trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tôn giáo, xã hội. Chung sức bảo vệ hòa bình, an ninh và thịnh vượng tại các quốc gia Đông Nam Á. Chung sức với các quốc gia trong vùng phát huy tính nhân văn Đông phương, như một Đạo tràng, hầu ngăn chặn các Thị trường biên người lao động thành nô công, hàng hóa.

8. Thể hiện tinh thần hòa hiếu truyền thống và sách lược tâm công trong chính sách ngoại giao với mọi quốc gia trên thế giới, đề tạo thế đối thoại, cộng tác, tương trợ, đôi bên cùng có lợi nhưng không đánh mất quốc thể và chủ quyền quốc gia. Bằng phương lược này, tạo cơ hội và điều kiện đẩy nhanh công cuộc phát triển kinh tế, phát triển công nghiệp song song với thăng tiến xã hội, hầu kịp bước theo xu thế văn minh, tiên tiến, cường thịnh tại các quốc gia dân chủ, giàu mạnh trong thế giới vào đầu thế kỷ XXI

Đề tạo điều kiện và cơ sở cho ba nhận định, ba phương pháp đối trị, và sách lược tám điểm cứu nguy dân tộc trên đây biến thành thực tại, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất xin kêu gọi chư vị thức giả, đồng bào các giới, không phân biệt chính kiến hay tôn giáo, đặc biệt chư Tôn giáo phẩm, các cấp Giáo hội trong và ngoài nước, quý nam nữ Cư sĩ Phật tử, hãy kết liên với Giáo hội trong nỗ lực hội thoại và biến tâm tư thành hành động để cho đêm dài khổ ách Việt Nam chấm dứt, rạng đông của kỷ nguyên mới chiếu sáng trên dải đất hình chữ S này.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cũng thiết tha kêu gọi nhân dân yêu chuộng công lý, dân chủ trên địa cầu, các Chính phủ, các Trung tâm quyền lực quốc tế, các tổ chức Nhân quyền, Dân chủ, các tổ chức Công đoàn khắp năm châu hỗ trợ và hậu thuẫn cho kế hoạch Dân chủ hóa trên đây sớm hiện thực tại Việt Nam.

Thừa lệnh Hội đồng Lương viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, nay tuyên cáo.
Phật lịch 2544 Thanh Minh Thiên viện,

Saigon ngày 21 tháng 2 năm 2001

Viện trưởng Viện Hóa Đạo,

(ký tên và đóng dấu)

Sa môn Thích Quảng Độ

LỘ TRÌNH 9 ĐIỂM DÂN CHỦ HÓA VIỆT NAM

Cao trào Nhân bản 25-03-2005

Sau khi bị nhạ cầm quyền CSVN giam tù nhiều lần và nhiều năm (kể từ 1978 đến 2005), Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, người sáng lập “Cao trào Nhân bản” (2-1990), đã được phóng thích trong đợt “đặc xá” nhân dịp Tết nguyên đán Ất Dậu (01-02-2005) nhưng vẫn bị tiếp tục canh giữ và quản thúc tại nhà riêng ở Sài Gòn.

Nhận thấy tình hình nhân quyền và tự do tôn giáo tại Việt Nam ngày càng tồi tệ: các nhà đối kháng đều bị bỏ tù, các tôn giáo đều bị lung đoạn, Công ước về Quyền Dân sự và Chính trị đã được Việt Nam ký từ năm 1982 nhưng chỉ có trên giấy tờ, còn trong thực tế hoàn toàn bị chà đạp bởi điều 4 của Hiến pháp cho phép đảng CS độc quyền cai trị, nên tuy bị canh giữ nghiêm ngặt, hai tháng sau ngày được thả, BS Quế đã đưa ra Lộ trình 9 điểm nhằm dân chủ hóa Việt Nam một cách ôn hòa vào ngày 25-03-2005 trong một cuộc phỏng vấn dành cho đài truyền hình VOA on the line (Tiếng nói chính thức của chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ). Lộ trình này đã gây sôi nổi và được sự ủng hộ của đa số người Việt trong cũng như ngoài nước, của các Dân biểu, Thượng nghị sĩ và các viên chức thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Kể từ đó Cộng sản gia tăng canh gác và giới hạn mọi sinh hoạt của BS Quế.

Thế nhưng, tinh thần, tiếng nói và hoạt động của BS Quế vẫn tiếp tục có ảnh hưởng qua Tổ chức Quốc tế Yểm trợ Cao trào Nhân bản do bào huynh của ông là BS Nguyễn Quốc Quân sáng lập tại Hoa Kỳ.

Dưới đây là nguyên văn Lộ trình 9 điểm.

Trước áp lực ngày càng cao của sức mạnh quần chúng đòi thay đổi về chính trị và yêu cầu triệt để của quốc tế đòi hỏi phải có dân chủ, nhân quyền, Bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam không có con đường nào khác hơn là phải chấp nhận một giải pháp toàn bộ để tránh đổ vỡ cho dân tộc đang có nhu cầu phát triển nhiều hơn nữa cả về kinh tế lẫn văn hóa khi hội nhập với thế giới.

Bộ Chính trị đảng Cộng sản Việt Nam - tự phong độc quyền lãnh đạo đất nước từ 1945 đến nay - đã đến lúc phải:

- 1-** Cởi mở hoàn toàn về thông tin : tin tức, ấn phẩm, phim ảnh, đĩa nhạc... tự do lưu thông hai chiều trong và ngoài nước. Chấm dứt kiểm duyệt truyền thông đại chúng. Ngưng phá sóng chương trình tiếng Việt các đài VOA, RFA, RFI...
- 2-** Nói lỏng mọi hạn chế trên những quyền căn bản của người dân như tự do ngôn luận, đi lại, lập hội, ứng cử, bầu cử...
- 3-** Thả tất cả các tù chính trị, tù tôn giáo, đồng bào Thượng bị bắt giữ dưới nhiều tội danh khác nhau như gián điệp, lạm dụng quyền tự do dân chủ, đội lốt tôn giáo hoạt động chính trị, gây rối trật tự, phá hoại tinh đoàn kết dân tộc... Phục hồi hoàn toàn các quyền công dân cho các cựu tù nhân chính trị.
- 4-** Chấm dứt đàn áp và can thiệp dưới mọi hình thức vào các Giáo hội. Phải đối xử đồng đều với mọi tôn giáo kể cả Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Phật giáo Hòa hảo và người Thượng Tin lành... Phải chấm dứt mọi kỳ thị với các sắc dân thiểu số.
- 5-** Việc thi hành 4 điểm trên sẽ tạo bầu không khí thuận lợi cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Với sức mạnh quần chúng dâng cao đến tột điểm cộng với sự tiếp tục gia tăng

áp lực của quốc tế sẽ đẩy Bộ Chính trị vào thế phải bắt buộc trao lại Quốc Hội vai trò thực sự là cơ quan quyền lực tối cao của đất nước như Hiến pháp hiện hành quy định.

6- Thể theo nguyện vọng chính đáng của toàn dân, từ Nam chí Bắc và hải ngoại, Quốc hội ra quyết nghị hủy bỏ điều 4 Hiến pháp, chấm dứt độc quyền lãnh đạo đất nước của đảng Cộng sản Việt Nam và tuyên cáo Việt Nam theo dân chủ đa nguyên, tôn trọng nhân quyền, dân quyền và tài quyền của toàn dân.

7- Bằng một đạo luật đặc biệt, Quốc hội bãi bỏ mọi hoạt động của đảng CSVN trong chính quyền ở tất cả các cấp từ trung ương tới địa phương.

8- Quốc hội thảo và biểu quyết thông qua một Đạo Luật Bầu Cử tự do, công bằng, chấp nhận đa đảng dưới sự giám sát của quốc tế.

9- Quốc hội sẽ xử dụng bộ máy hành chính đã tách ra khỏi Đảng chiếu theo luật bầu cử mới, tổ chức Tổng Tuyển cử dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc để bầu ra Quốc hội Lập hiến. Quốc hội Lập hiến sẽ thảo Hiến pháp mới cho Việt Nam.

Đại diện Cao trào Nhân bản

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế

TUYÊN NGÔN TỰ DO DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM 2006

Phong trào Dân chủ Việt Nam quốc nội

(Khối 8406) 08-04-2006

Nối tiếp các phong trào dân chủ và các tổ chức dân thân vì tự do, tiến bộ, ngày 15-6-2005 Phong trào Dân chủ Việt Nam ra đời. Nó có «hoài bão muốn đóng góp vào sự nghiệp chung, phối hợp hoạt động của các giai tầng xã hội, các xu hướng chính trị, các đảng phái hội đoàn, các tôn giáo, các sắc tộc và các nhân sĩ nhằm Mục tiêu chung là xây dựng một Nhà nước pháp trị, tự do dân chủ đích thực, do Dân làm chủ.»

Sau khi lập ra báo điện tử ngày 10-12-2005 để quảng bá hoài bão nói trên và được dư luận rộng rãi đồng bào trong lẫn ngoài nước hoan nghênh, Phong trào Dân chủ đã nghĩ đến việc soạn thảo một Tuyên ngôn nhằm nêu lên đường lối và mục tiêu cho hoạt động của mình. Thế là từ đầu năm 2006, chính xác là vào ngày 24-01, các nhà dân chủ như Hoàng Minh Chính, Trần Khuê, Đỗ Nam Hải, Nguyễn Khắc Toàn đã họp nhau tại Hà Nội để cùng bàn bạc và tất cả đã đi đến quyết định. 1- Ra bản Tuyên ngôn lấy tiêu đề Tuyên ngôn Tự do Dân Chủ cho Việt Nam, Tuyên ngôn này sẽ tham khảo Tuyên ngôn Hiến chương 77 của Tiếp Khắc, nhưng viết theo bối cảnh Việt Nam. 2- Đối tượng tham gia ký tên sẽ là tất cả những ai đã biểu lộ ít nhiều quan điểm dân chủ. Rồi mọi người hiện diện liên kê họ tên cụ thể những ai sẽ được mời ký (Đang khi đó thì tại Huế, Linh mục Nguyễn Văn Lý cũng vận động để chuẩn bị một danh sách những ai sẽ ký tên vào). 3- TN phải hoàn tất trước đại hội X của đảng CSVN (18-04-2006). 4- Việc viết dự thảo TN được giao cho nhà báo kiêm kỹ sư Đỗ Nam Hải (Phương Nam).

Về lại Sài Gòn, kỹ sư Hải bắt tay vào việc. Thế nhưng công an đã biết sự việc và tìm mọi cách phá phách, ngăn trở. Đầu tháng 04-2006, biết nguy hiểm sẽ xảy đến cho mình, kỹ sư Hải cấp tốc gửi bản Dự thảo ra Huế. Tại đây, hai linh mục Nguyễn Văn Lý và Phan Văn Lợi đã cật lực hoàn chỉnh nó và đã đưa lên mạng, công bố cho toàn thế giới vào ngày 08-04-2006, với 118 chữ ký đầu tiên.

Tuyên ngôn TĐDC cho VN đã mau mắn được đồng bào trong và ngoài nước đón nhận. Hàng ngàn, rồi hàng chục ngàn người ở VN và hải ngoại đã ký tên tham gia. Tất cả làm thành một lực lượng đấu tranh quần chúng mang tên Khối 8406 (lấy theo ngày

xuất hiện của Tuyên ngôn). Vô số thân hữu quốc tế (chính khách, cơ quan, tổ chức nhân quyền, trong đó có Hiến chương 77) cũng đã nhanh chóng lên tiếng ủng hộ và còn tiếp tục ủng hộ cho đến hôm nay.

Việt Nam, 8-4-2006

Kính gửi Đồng bào Việt Nam ở trong và ngoài Nước,
Chúng tôi, ký tên dưới đây, đại diện cho hàng trăm nhà đấu tranh Dân chủ ở quốc nội và tất cả mọi người Dân nào đang khao khát một nền Dân chủ chân chính cho Quê hương Việt Nam hôm nay, đồng thanh lên tiếng :

I. Thực trạng của Việt Nam

1- Trong cuộc Cách mạng tháng 8-1945, sự lựa chọn của toàn Dân tộc ta là **Độc lập Dân tộc**, chứ không phải là **chủ nghĩa xã hội**. Bản Tuyên ngôn Độc Lập ngày 2-9-1945 chẳng nhắc đến một từ nào về chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa Cộng sản cả. Hai nguyên nhân chính làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng ấy là **Khát vọng Độc lập Dân tộc** và **Khoảng trống quyền lực** lúc bấy giờ ở Việt Nam (thực dân Pháp đã bị quân Nhật đảo chính cướp quyền từ ngày 9-3-1945 và quân Nhật đã đầu hàng phe Đồng minh ngày 15-8-1945).

Rõ ràng mục tiêu của cuộc cách mạng ấy đã bị đảng Cộng sản Việt Nam đánh tráo. Và dĩ nhiên, **Quyền Dân tộc tự quyết** cũng hoàn toàn bị thủ tiêu. Đã có ít nhất 2 cơ hội lịch sử rất thuận lợi là năm 1954 ở miền Bắc và năm 1975 trên cả nước, để Dân tộc khẳng định **Quyền tự quyết** của mình. Nhưng tất cả đều đã bị đảng Cộng sản Việt Nam tráo trở không thực hiện. Vì một khi nền chuyên chính vô sản đã được thiết lập, thì theo Lênin, chức năng đầu tiên của nó chính là : **bạo lực và khủng bố trấn áp !**

2- Tiếp đến, ngày 2-9-1945 tại Hà Nội, ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trình trọng tuyên bố với Dân tộc và với Thế giới rằng : **"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo Hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.** Lời nói bất hủ ấy ở trong bản **Tuyên ngôn độc lập** năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : mọi Dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Bản **Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền** của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói : **"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi ; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi"**. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được...". (trích Tuyên ngôn Độc Lập 2-9-1945).

Thế nhưng, tất cả những quyền thiêng liêng ấy của dân tộc đều bị chà đạp thô bạo ngay sau đó, khi mà chính quyền Cộng sản được dựng lên.

3- Đến tháng 2-1951 Tuyên ngôn của đảng Lao động Việt Nam (nay là đảng Cộng sản Việt Nam) kỳ đại hội lần thứ 2, đã viết: **"Chủ nghĩa của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin"**. Và trong Điều Lệ, phần Mục Đích và Tôn Chỉ còn khẳng định rõ ràng hơn : **"Đảng Lao động Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin và tư tưởng Mao Trạch Đông, kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng..."**.

Kể từ đó, nhất là ở miền Bắc sau năm 1954, rồi cả nước sau ngày 30-4-1975 thì bóng ma của chủ nghĩa Cộng sản đã luôn đè ám lên đầu, lên cổ toàn Dân Việt Nam. Chính cái bóng ma ấy chứ không phải là cái gì khác đã triệt tiêu hầu hết những quyền con người của Nhân dân Việt Nam. Và hôm nay, nó vẫn đang tạm đô hộ, chiếm đóng lên cả 2 mặt tinh thần và thể chất của toàn Dân tộc Việt Nam.

II. Qui luật phổ biến toàn cầu

1- Lịch sử đã minh định rằng mọi quyền tự do, dân chủ ở bất cứ một chế độ độc đảng toàn trị nào, dù Cộng sản hay không Cộng sản, cũng **đều bị chà đạp không thương tiếc**, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi. Bất hạnh thay là cho đến nay, Dân tộc Việt Nam vẫn thuộc về một trong số ít các Quốc gia trên thế giới còn bị cai trị bởi chế độ độc đảng toàn trị Cộng sản. Điều này thể hiện cụ thể tại Điều 4 của Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện hành, rằng : *“Đảng Cộng sản Việt Nam... theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.”* Chính vì điều này mà các quyền tự do, dân chủ của Nhân dân đã hoàn toàn bị triệt tiêu, may ra chỉ còn vài mẩu vụn mà thôi !

2- Chính hệ thống quyền lực **không hề chấp nhận cạnh tranh và không hề chấp nhận bị thay thế** này đã thúc đẩy mạnh mẽ đà thoái hoá, biến chất của toàn bộ hệ thống ấy. Vì chẳng có qui luật và nguyên tắc cạnh tranh công bằng nào trên chính trường, nên sau những kỳ bầu cử thì toàn Dân không thể chọn được những con người và những lực lượng chính trị xứng đáng nhất. Bộ máy lãnh đạo, quản lý và điều hành do vậy ngày càng hư hỏng, rệu rã từ trung ương xuống cơ sở địa phương. Hậu quả là Việt Nam hôm nay trở thành Quốc gia bị tụt hậu quá xa so với các Nước trong khu vực và thế giới. Quốc nhục này và các quốc nạn khác khó bề tẩy xóa. **Vấn đề của mọi vấn đề, nguyên nhân của mọi nguyên nhân** chính vì đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo Đất nước ! Thực tiễn đã xác minh rằng bất kỳ Nước nào đã bị rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa Cộng sản thì đều **điều tàn thê thảm** cả. Liên Xô, cái nôi Cộng sản, cùng với các Nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu khác, đã **dũng cảm vượt qua chính mình** để quay lại tìm đường đi đúng cho Dân tộc họ.

3- Chúng ta đều hiểu rằng : không ai có thể sửa được lịch sử, nhưng có thể bẻ chiều lịch sử. Và điều quan trọng hơn là qua những bài học của lịch sử, định hướng tốt cho tương lai. Con đường hôm qua của Dân tộc ta đã bị những người Cộng sản Việt Nam chọn một cách vội vàng, thiếu chín chắn và áp đặt cho cả Dân tộc một cách khiên cưỡng. Con đường ấy thực tế đã chứng minh là hoàn toàn sai lạc. Vì vậy Dân tộc ta hôm nay phải chọn lại con đường cho mình. Và **chắc chắn cả Dân tộc cùng chọn sẽ tốt hơn một người hay một nhóm người** nào đó. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng chỉ là một bộ phận của Dân tộc, nên không thể mạo danh Dân tộc để chọn thay ! Trước Dân tộc và lịch sử suốt hơn nửa thế kỷ qua (1954–2006), Đảng cầm quyền ấy đã **tiếm danh** chứ không **chính danh** chút nào! Bởi lẽ các cuộc bầu cử thực sự tự do hoàn toàn vắng bóng ở Việt Nam.

Từ thực trạng và qui luật trên đây, với ý thức trách nhiệm của Công dân trước vận mệnh Đất nước, chúng tôi xin được phép giải bày cùng toàn thể Đồng bào Việt Nam trong và ngoài Nước :

III. Mục tiêu, phương pháp và ý nghĩa cuộc đấu tranh

1- Mục tiêu cao nhất trong cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ cho Dân tộc hôm nay là làm cho **thể chế chính trị ở Việt Nam hiện nay phải bị thay thế triệt để**, chứ không phải được “đổi mới” từng phần hay điều chỉnh vặt vãnh như đang xảy ra. Cụ thể là phải chuyển từ thể chế chính trị nhất nguyên, độc đảng, không có cạnh tranh trên chính trường hiện nay, sang **thể chế chính trị đa nguyên, đa đảng**, có cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với những đòi hỏi chính đáng của Đất nước, trong đó **hệ thống tam quyền Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp phải được phân lập rõ ràng**, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và trải nghiệm của Nhân loại qua những nền dân chủ đắt giá và đầy thành tựu.

Mục tiêu cụ thể là **thiết lập lại các quyền cơ bản của toàn Dân** sau đây :

- **Quyền Tự do Thông tin Ngôn luận** theo Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị của Liên Hiệp Quốc được biểu quyết ngày 16.12.1966, Việt Nam xin tham gia ngày 24-9-1982, điều 19,2 : *“Mọi người có quyền tự do ngôn luận, quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức truyền miệng, bằng bản viết, bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật hoặc thông qua bất cứ phương tiện truyền thông đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của mình”*. Nghĩa là các đảng phái, tổ chức, cá nhân có quyền thông tin ngôn luận qua báo chí, phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác mà không cần đợi phép của nhà cầm quyền.

- **Quyền Tự do hội họp, lập hội, lập đảng, bầu cử và ứng cử** theo Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, điều 21 : *“Mọi Công dân... đều có quyền và cơ hội để (a) tham gia vào việc điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện được họ tự do lựa chọn”; (b) bầu cử và ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ chân thực, bằng phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín nhằm đảm bảo cho cử tri tự do bày tỏ ý nguyện của mình”*. Nghĩa là các đảng phái thuộc mọi khuynh hướng cùng nhau cạnh tranh lành mạnh trong một nền dân chủ đa nguyên, đa đảng chân chính.

- **Quyền Tự do hoạt động Công đoàn độc lập** và **Quyền Đình công** chính đáng theo Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, được Liên Hiệp Quốc biểu quyết ngày 16-12-1966, điều 7 và 8 : *“Các Quốc gia thành viên của Công ước công nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi..., quyền của mọi người được thành lập và gia nhập Công đoàn mà mình lựa chọn, chỉ phải tuân theo quy chế của Tổ chức đó để thúc đẩy và bảo vệ các lợi ích kinh tế và xã hội của mình... (với) quyền đình công...”*. Các công đoàn này phải là những tổ chức duy nhất hoạt động độc lập, không có những loại Công đoàn tay sai của nhà cầm quyền.

- **Quyền Tự do Tôn giáo** theo Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, điều 18 : *“Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm tự do có hoặc theo một Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ Tín ngưỡng hoặc Tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền đạo”*. Các Tôn giáo này phải hoạt động độc lập, chứ không thể bị biến thành công cụ cho nhà cầm quyền.

2- Phương pháp của cuộc đấu tranh này là **hòa bình, bất bạo động**. Và chính Dân tộc Việt Nam chủ động thực hiện cuộc đấu tranh này. Tuy nhiên, chúng ta rất cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình và ngày càng hiệu quả của tất cả những bạn bè trên thế giới. Thông qua những phương tiện thông tin hiện đại và qua sự giao lưu quốc tế ngày càng rộng mở, chúng ta sẽ tìm mọi cách **giúp Đồng bào kiện toàn nhận thức**. Và một khi Nhân dân đã **có nhận thức đúng và rõ thì nhất định sẽ biết hành động thích hợp và hiệu quả**.

3- Ý nghĩa của cuộc đấu tranh này là làm cho **chính nghĩa thắng phi nghĩa**, tiến bộ thắng lạc hậu, các lực lượng dân tộc đang vận dụng đúng quy luật của cuộc sống và xu thế của thời đại thắng những tà lực đang tìm cách đi ngược lại những xu thế và quy luật ấy. Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn còn đồng hành cùng Dân tộc hay không là tùy ở mức độ đảng ấy có khách quan, công bằng, sáng suốt và khiêm tốn chấp nhận các nguyên tắc bình đẳng của cuộc cạnh tranh lành mạnh hay không, **chỉ có thể chế chính trị độc đảng ấy là dứt khoát phải bị chôn táng vĩnh viễn vào quá khứ**. Từ đó, Dân tộc sẽ tìm được những con người tốt nhất, những lực lượng chính trị giỏi nhất sau mỗi kỳ bầu cử để lãnh đạo Đất nước. Nguyên tắc **“lẽ phải toàn thắng”** sẽ được thiết lập và cuộc sống cá nhân sẽ trở nên tốt hơn, xã hội sẽ trở nên nhân bản hơn và Đồng bào sẽ sống với nhau thân thiện hơn.

Chúng tôi mong ước Tuyên ngôn này thúc đẩy được **sự đóng góp tích cực của Đồng bào trong ngoài Nước và sự ủng hộ của Bạn bè Quốc tế**. Chúng tôi chân thành cảm ơn và kêu gọi các Cơ quan Liên Hiệp Quốc, các Quốc hội, Chính phủ, Tổ chức Quốc tế và Bạn bè trên toàn thế giới tiếp tục ủng hộ cách nhiệt tình và hiệu quả cho cuộc đấu tranh đầy chính nghĩa này, góp phần đưa Tổ quốc Việt Nam sớm sánh vai cùng các Nước văn minh, đạo đức, thịnh vượng, tự do trong cộng đồng Nhân loại hôm nay.

Đồng tuyên bố tại Việt Nam ngày 08 tháng 04 năm 2006

118 người ký tên đầu tiên

1- Bác sĩ (Bs) Nguyễn Xuân An, Huế. 2- Giáo viên (Gv) Đặng Hoài Anh, Huế. 3- Gv Đặng Văn Anh, Huế. 4- Bs. Lê Hoài Anh, Nha Trang. 5- Giáo sư (Gs) Nguyễn Kim Anh, Huế. 6- Gs Nguyễn Ngọc Anh, Đà Nẵng. 7- Nhà văn (Nv) Trịnh Cảnh, Vũng Tàu. 8- Linh mục (Lm) F.X. Lê Văn Cao, Huế. 9- Gv Lê Cảnh, Huế. 10- Lm Giuse Hoàng Cảnh, Huế. 11- Gv Trần Thị Minh Cẩm, Huế. 12- Lm Giuse Nguyễn Văn Chánh, Huế. 13- Gv Nguyễn Thị Linh Chi, Cần Thơ. 14- Gs Hoàng Minh Chính, Hà Nội. 15- Gv Nguyễn Việt Cừ, Quảng Ngãi. 16- Thạc sĩ (Ths) Đặng Quốc Cường, Huế. 17- Nv Nguyễn Đắc Cường, Phan Thiết. 18- Doanh nhân (Dn) Hồ Ngọc Diệp, Đà Nẵng. 19- Gv Trần Doãn, Quảng Ngãi. 20- Lê Thị Phú Dung, Sài Gòn. 21- Gv Hồ Anh Dũng, Huế. 22- Gs Trương Quang Dũng, Huế. 23- Bs Hà Xuân Dương, Huế. 24- Cựu Đại tá Phạm Quế Dương, Hà Nội. 25- Ls Nguyễn Văn Đài, Hà Nội. 26- Kỹ thuật viên (Ktv) Trần Văn Đón, Phan Thiết. 27- Bs Hồ Đông, Vĩnh Long. 28- Lm Phêrô Nguyễn Hữu Giải, Huế. 29- Dn Trần Văn Ha, Đà Nẵng. 30- Gv Lê Thị Bích Hà, Cần Thơ. 31- Bs Lê Thị Ngân Hà, Huế. 32- Gv Lê Nguyễn Xuân Hà, Huế. 33- Vũ Thuý Hà, Hà Nội. 34- Ks Đỗ Nam Hải, Sài Gòn. 35- Gv Trần Thạch Hải, Hải Phòng. 36- Ktv Trần Việt Hải, Vũng Tàu. 37- Kỹ sư (Ks) Đoàn Thị Diệu Hạnh, Vũng Tàu. 38- Dn Nguyễn Thị Hạnh, Đà Nẵng. 39- Gv Phan Thị Minh Hạnh, Huế. 40- Gs Đặng Minh Hào, Huế. 41- Nv Trần Hào, Vũng Tàu. 42- Nv Trần Mạnh Hào, Sài Gòn. 43- Gv Lê Lệ Hằng, Huế. 44- Lm Giuse Nguyễn Đức Hiếu, Bắc Ninh. 45- Y tá (Yt) Chế

Minh Hoàng, Nha Trang. 46- Gv Văn Đình Hoàng, Huế. 47- Gv Lê Thu Minh Hùng, Sài Gòn. 48- Gs Nguyễn Minh Hùng, Huế. 49- Lm Gk Nguyễn Văn Hùng, Huế. 50- Gv Phan Ngọc Huy, Huế. 51- Gv Lê Thị Thanh Huyền, Huế. 52- Gv Đỗ Thị Minh Hương, Huế. 53- Ths Mai Thu Hương, Hải Phòng. 54- Yt Trần Thu Hương, Đà Nẵng. 55- Phó Tiến sĩ (Pts) Nguyễn Ngọc Kế, Huế. 56- Gs Nguyễn Chính Kết, Sài Gòn. 57- Ths Nguyễn Quốc Khánh, Huế. 58- Gv Nguyễn Đăng Khoa, Huế. 59- Gs Trần Khuê, Sài Gòn. 60- Cựu Thiếu tá Vũ Kính, Hà Nội. 61- Nv Bùi Lăng, Phan Thiết. 62- Gv Tôn Thất Hoàng Lâm, Sài Gòn. 63- Hội trưởng PGHHTT Lê Quang Liêm, Sài Gòn. 64- Bs Vũ Thị Hoa Linh, Sài Gòn. 65- Lm G.B. Nguyễn Cao Lộc, Huế. 66- Lm Phêrô Phan Văn Lợi, Huế. 67- Gv Ma Văn Lưu, Hải Phòng. 68- Gv Nguyễn Văn Lý, Hải Phòng. 69- Lm Tadêô Nguyễn Văn Lý, Huế. 70- Gv Cái Thị Mai, Hải Phòng. 71- Gv Cao Thị Xuân Mai, Huế. 72- Gv Nguyễn Văn Mai, Sài Gòn. 73- Nv Hà Văn Mâu, Cần Thơ. 74- Gv Phan Văn Mậu, Huế. 75- Nv Lê Thị Thu Minh, Cần Thơ. 76- Gv Ma Văn Minh, Huế. 77- Gv Nguyễn Anh Minh, Sài Gòn. 78- Bs Huyền Tôn Nữ Phương Nhiên, Đà Nẵng. 79- Bùi Kim Ngân, Hà Nội. 80- Ths Đặng Hoài Ngân, Huế. 81- Lm G.B. Lê Văn Nghiêm, Huế. 82- Gv Lê Hồng Phúc, Hải Phòng. 83- Lm Đa Minh Phan Phước, Huế. 84- Ks Võ Lâm Phước, Sài Gòn. 85- Lm Giuse Cái Hồng Phước, Huế. 86- Mục sư (Ms) Nguyễn Hồng Quang, Sài Gòn. 87- Ks Tạ Minh Quân, Cần Thơ. 88- Lm Augustinô Hồ Văn Quý, Huế. 89- Lm Giuse Trần Văn Quý, Huế. 90- Bs Võ Văn Quyền, Vĩnh Long. 91- Bs. Trần Thị Sen, Nha Trang. 92- Cư sĩ PGHHTT Lê Văn Sóc, Vĩnh Long. 93- Ks Hoàng Sơn, Hải Phòng. 94- Lm Phaolô Ngô Thanh Sơn, Huế. 95- Gs Nguyễn Anh Tài, Đà Nẵng. 96- Ks Đỗ Hồng Tâm, Hải Phòng. 97- Bs. Tạ Minh Tâm, Cần Thơ. 98- Gs Nguyễn Thành Tâm, Huế. 99- Ms Phạm Ngọc Thạch, Sài Gòn. 100- Gv Nguyễn Bình Thành, Huế. 101- Gv Văn Bá Thành, Huế. 102- Cư sĩ PGHH Nguyễn Văn Thơ, Đồng Tháp. 103- Ths Trần Mạnh Thu, Hải Phòng. 104- GsTs Trần Hồng Thư, Sài Gòn. 105- Nv Hoàng Tiến, Hà Nội. 106- Cựu Sĩ quan Trần Dũng Tiến, Hà Nội. 107- Lm Têphanô Chân Tín, Sài Gòn. 108- Gv Nguyễn Khắc Toàn, Hà Nội. 109- Nv Tôn Nữ Minh Trang, Phan Thiết. 110- Gv Chế Thị Hồng Trinh, Huế. 111- Bs Nguyễn Anh Tú, Đà Nẵng. 112- Bs Đoàn Minh Tuấn, Sài Gòn. 113- Gv Lê Trí Tuệ, Hải Phòng. 114- Yt Trần Thị Hoài Vân, Nha Trang. 115- Gv Ngô Thị Tường Vi, Quảng Ngãi. 116- Gv Nguyễn Lê Xuân Vinh, Cần Thơ. 117- Ths Hồ Ngọc Vĩnh, Đà Nẵng. 118- Ks Lâm Đình Vĩnh, Sài Gòn.

Hiến chương 08 (Linh bát Hiến chương)

Phong trào Dân chủ Trung Quốc 10-12-2008

Văn kiện dưới đây, gọi là Hiến chương 08 (Linh bát Hiến chương) do hơn 300 công dân có tiếng tăm ở Trung Quốc ký vào, được áp ủ và viết ra trong sự khâm phục tận đáy lòng đối với những người sáng lập ra bản Hiến chương 77 ở Tiệp Khắc, là nơi mà vào năm 1977, hơn hai trăm nhà trí thức khoa bảng Tiệp Khắc đã lập ra một tập hợp cộng khai, không chính thức gồm nhiều người có cùng một ý chí, đoàn kết lại với nhau để tranh đấu cho nhân quyền và dân quyền ở đất nước họ và trên khắp thế giới.

Hiến chương 08 không những chỉ kêu gọi cải tổ lại hệ thống chính trị hiện thời ở Trung Quốc, nhưng còn kêu gọi chấm dứt một số nét đặc trưng của chế độ, trong đó có quyền cai trị độc đảng, và thay thế bằng một hệ thống đặt căn bản trên dân chủ nhân quyền. Những công dân ký tên vào bản Hiến chương 08 bao gồm những người trong chính quyền lẫn dân sự, không phải chỉ các nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng và giới trí thức khoa bảng, mà có cả các cán bộ trung cấp và thành phần lãnh đạo ở nông thôn. Họ chọn ngày 10 tháng 12, dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày công bố bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, là ngày để họ bày tỏ các ý kiến chính trị và phác thảo ra viên kiến của họ về một nước Trung Hoa dân chủ và hợp hiến. Họ dự kiến rằng Hiến chương 08 sẽ được dùng như một bản thiết kế cho những thay đổi chính trị cơ bản ở Trung Quốc trong những năm sắp tới đây. Những người ký tên vào văn kiện này sẽ thành lập ra một nhóm không theo quy định nào, và không giới hạn số người tham gia, cùng đoàn kết trong một quyết tâm để cố xuy việc dân chủ hóa và bảo vệ nhân quyền ở Trung Quốc và khắp nơi.

*Vào ngày 8 tháng 12, hai người nổi tiếng soạn thảo và ký tên vào bản Hiến chương 08, nhà văn Lưu Hiểu Ba (Liu Xiaobo) và Học giả Trương Tô Hoa (Zhang Zuhua) đã bị công an Trung Quốc bắt giữ. Ông Trương Tô Hoa đã được thả vào ngày 9 tháng 12, còn ông Lưu Hiểu Ba vẫn còn bị giam giữ. **Dưới đây là Hiến chương 08 do Khánh Đăng lược dịch từ bản Anh ngữ của Perry Link.***

I. Lời nói đầu

Một trăm năm đã trôi qua kể từ khi bản Hiến pháp đầu tiên của Trung Quốc được viết ra. Năm 2008 cũng đánh dấu dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày công bố bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, kỷ niệm lần thứ 13 ngày Bức tường Dân chủ ở Bắc Kinh bị biến mất, và kỷ niệm lần thứ 10 ngày Trung Quốc ký kết bản Công ước Quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị. Chúng ta đang tiến đến dịp kỷ niệm lần thứ 20 cuộc Thảm sát Thiên An Môn của các học sinh xuống đường biểu tình ủng hộ cho dân chủ. Người dân Trung Quốc, là những người đã cam chịu các thảm họa về nhân quyền và vô số sự vất vả trong suốt những năm tháng này, bây giờ gồm cả nhiều người đang nhìn thấy rõ rằng tự do, bình đẳng, và nhân quyền là những giá trị phổ quát của nhân loại, và dân chủ với một chính phủ hợp hiến là khuôn khổ cơ bản để bảo vệ những giá trị này.

Bằng cách tách rời khỏi những giá trị này, việc tiến hành công cuộc “hiện đại hóa” của chính phủ Trung Quốc đã chứng minh là một thảm bại. Chính phủ Trung Quốc đã tước đoạt khỏi người dân quyền làm người của họ, phá hủy nhân cách, và làm hư hỏng mối quan hệ bình thường giữa con người với nhau. Cho nên chúng tôi thắc mắc rằng: Đất nước Trung Quốc đang đi về đâu trong thế kỷ thứ 21? Có phải Trung Quốc sẽ tiếp tục công cuộc “hiện đại hóa” dưới chế độ độc tài, hay sẽ đón nhận những giá trị nhân bản phổ quát, tham gia vào cùng với dòng chính của các quốc gia văn minh, và xây dựng một chế độ dân chủ? Không thể nào tránh khỏi những câu hỏi này.

Những giao động của ảnh hưởng Tây phương trên Trung Quốc trong thế kỷ thứ 19 đã phơi bày trần trụi một hệ thống độc đoán suy tàn và đánh dấu sự khởi đầu của điều thường được gọi là “những thay đổi vĩ đại nhất trong hàng ngàn năm” cho Trung Quốc. Một “phong trào tự lực cánh sinh” đã theo sau, nhưng đơn giản chỉ nhắm riêng vào việc dùng kỹ thuật để đóng tàu vũ trang và những mục tiêu vật chất khác cho Tây phương. Trận hải chiến thất bại nhục nhã vào tay Nhật Bản năm 1885 chỉ xác minh thêm bản chất lỗi thời của hệ thống Nhà nước Trung Quốc. Dự tính đầu tiên nhằm thay đổi sang một nền chính trị hiện đại đã đến với những cải cách ở mùa hè bất hạnh năm 1898, nhưng những cải cách này đã bị nghiền nát một cách tàn bạo bởi những kẻ bảo thủ cực đoan của tòa án phong kiến Trung Hoa. Với cuộc cách mạng năm 1911, khai mào một nước cộng hòa đầu tiên ở Á Châu, hệ thống phong kiến độc đoán kéo dài hàng thế kỷ cuối cùng coi như bị chôn vùi. Nhưng xung đột xã hội bên trong đất nước chúng ta và những áp lực từ bên ngoài đã ngăn ngừa nó; Trung Quốc rơi vào một tình trạng chấp vá với những lãnh địa của các sứ quân và nước cộng hòa tân lập trở thành một giắc phù du.

Sự thất bại của cả “tự lực cánh sinh” lẫn cải tiến chính trị đã làm cho cha ông chúng ta phải suy ngẫm một cách sâu sa không biết có phải một “căn bệnh văn hóa” đã làm đau đớn tổ quốc mình hay không. Trạng thái này làm phát sinh ra, trong Phong trào 4 Tháng 5 ở cuối thập niên 1910, cuộc tranh đấu cho “khoa học và dân chủ”. Nhưng nỗ lực đó cũng bị đắm chìm vì loạn sứ quân dai dẳng và cuộc xâm lăng của Nhật Bản [bắt đầu ở Mãn Châu vào năm 1931] đã đưa đến cuộc khủng hoảng toàn quốc.

Chiến thắng chống Nhật Bản vào năm 1945 giúp cho Trung Quốc có thêm một cơ hội để tiến đến một Nhà nước hiện đại, nhưng việc Cộng sản đánh bại Quốc gia trong cuộc nội chiến đã xô đẩy cả nước vào vực thẳm của chủ nghĩa độc tài. Nước “Trung Quốc mới” xuất hiện vào năm 1949 tuyên bố rằng “nhân dân làm chủ” nhưng thực ra đã xếp đặt ra một hệ thống trong đó “Đảng nắm tất cả mọi quyền lực”. Đảng Cộng sản Trung Quốc chiếm đoạt quyền kiểm soát tất cả các tổ chức Nhà nước và các tiềm lực chính trị, kinh tế, xã hội, và dùng các tiềm lực này để sản xuất ra một vệt dài các thảm họa nhân quyền, mà trong đó, cùng với nhiều thứ khác như chiến dịch Chống Cánh Hữu (1957), chiến dịch Đại Nhảy Vọt (1958–1960), cuộc Cách mạng Văn hóa (1966–1969), cuộc Thảm sát Thiên An Môn ngày 4 tháng 6 (1989), và sự trù dập hiện nay đối với tất cả các tôn giáo không có phép hoạt động của Nhà nước, và đàn áp phong trào Vệ Quyền [weiquan, một phong trào nhắm vào mục đích bảo vệ những quyền lợi của công dân đã được chính thức công bố trong Hiến pháp Trung Quốc, và tranh đấu cho nhân quyền đã được thừa nhận bởi các Công ước Quốc tế mà chính phủ Trung Quốc đã ký kết]. Qua những sự kiện này, người dân Trung Quốc đã phải trả một cái giá vô cùng to lớn. Hàng triệu người bị thiệt mạng, và hàng thế hệ phải chứng kiến tự do, hạnh phúc và nhân phẩm con người bị chà đạp tàn bạo.

Trong hai thập niên cuối của thế kỷ thứ 20, chính sách “cải cách và mở cửa” của chính phủ đã giúp cho người dân Trung Quốc bớt đi nỗi khổ sở vì nghèo đói và tình trạng chuyên chế độc đoán lan tràn khắp nơi trong thời kỳ Mao Trạch Đông, đồng thời đem lại sự gia tăng rất đáng kể về vật chất và tiêu chuẩn đời sống cho rất nhiều người Trung Quốc cũng như một phần nào đó khôi phục lại tự do và quyền lợi về kinh tế. Xã hội dân sự bắt đầu tiên triển, và nhiều tiếng nói rất phổ biến kêu gọi thêm cho quyền lợi và tự do

chính trị gia tăng nhanh chóng. Trong khi giới quyền cao chức trọng chuyển về hướng tư hữu và kinh tế thị trường, họ đã bắt đầu từ hoàn toàn bác bỏ “các quyền con người” sang nhìn nhận một phần nào các quyền này.

Vào năm 1998, chính phủ Trung Quốc đã ký kết hai văn kiện nhân quyền quốc tế quan trọng; vào năm 2004 họ đã sửa đổi Hiến pháp để thêm vào câu “tôn trọng và bảo vệ nhân quyền”; và trong năm nay, 2008, họ đã hứa hẹn sẽ đề xướng một “kế hoạch hành động cho nhân quyền trên toàn quốc”. Nhưng thật là bất hạnh, hầu hết các tiến bộ chính trị này không vượt ra khỏi tờ giấy mà nó được viết lên. Điều thực tế về chính trị, rất đơn giản cho mọi người cùng thấy, là Trung Quốc có rất nhiều luật, nhưng lại không được cai trị bằng luật pháp; họ có một Hiến pháp, nhưng không có một chính phủ hợp hiến. Thành phần quyền cao chức trọng tiếp tục bám víu vào quyền lực độc đoán và chống lại bất cứ hành động nào nhắm vào việc thay đổi chính trị.

Những kết quả rất lồ bịch là quốc nạn tham nhũng lan tràn, một nền pháp trị bị xói mòn, nhân quyền yếu kém, đạo đức suy đồi, tư bản bè phái, sự bất bình đẳng giữa kẻ giàu người nghèo ngày càng gia tăng, sự cướp phá các môi trường thiên nhiên cũng như các môi trường của con người và lịch sử, một danh sách dài về những bất đồng trong xã hội đang trầm trọng, nhất là trong thời gian gần đây, mối oán thù giữa cán bộ Nhà nước và người dân càng thêm sâu sắc.

Những bất đồng và khủng hoảng này hơn lúc nào hết đang tăng thêm mức độ căng thẳng, và giới cầm quyền không bị mất mát gì vẫn tiếp tục đè nát và tước mất của người dân quyền được tự do, được sở hữu tài sản và được mưu cầu hạnh phúc. Chúng ta nhìn thấy thành phần không có quyền thế trong xã hội –những kẻ yếu đuối, là những người đã bị đàn áp và theo dõi, những người đã phải chịu đựng các hành động tàn ác và thậm chí cả tra tấn, và những người không có một lối thoát thích đáng nào để phản kháng, không tòa án nào nghe lời kêu nài của họ– đang trở nên hung hãn hơn và có khả năng phát động ra một cuộc xung đột dữ dội với một thảm họa khôn lường. Sự tàn tạ của hệ thống hiện thời đã tiến đến lúc thay đổi không còn là một sự lựa chọn.

II. Những nguyên tắc cơ bản của chúng tôi

Đây là lúc lịch sử cho Trung Quốc, và tương lai của chúng ta đang treo lơ lửng. Trong khi nhìn lại tiến trình hiện đại hóa chính trị qua hàng trăm năm qua hoặc hơn, chúng tôi xin nhắc lại và tán thành những giá trị phổ quát căn bản như sau:

Tự do. Tự do là cốt lõi của giá trị nhân bản phổ quát. Tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do sống nơi mình muốn sống, và tự do bãi công, biểu tình, phản đối cùng với nhiều thứ tự do khác, là những hình thức mà quyền tự do cần có. Không có tự do, Trung Quốc sẽ luôn luôn đứng cách xa những lý tưởng văn minh

Nhân quyền. Nhân quyền không phải do Nhà nước ban cho. Mọi người đều sinh ra với quyền thừa hưởng về phẩm cách và tự do. Chính phủ chỉ tồn tại để bảo vệ quyền làm người cho công dân của họ. Việc thi hành quyền lực Nhà nước phải do nhân dân định đoạt. Những thảm họa chính trị liên tục trong lịch sử gần đây của Trung Quốc là hậu quả trực tiếp của việc chế độ cầm quyền bất chấp không đếm xỉa gì đến nhân quyền.

Bình đẳng. Sự chính trực, phẩm cách, và tự do của tất cả mọi người –bất kể địa vị xã hội, nghề nghiệp, phái tính, điều kiện kinh tế, sắc tộc, màu da, tôn giáo, hay lập trường chính trị– đều giống nhau. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và bình đẳng trong xã hội, kinh tế, văn hoá, dân sự và quyền lợi chính trị phải được tôn trọng.

Cộng hòa. Nền cộng hòa nắm giữ quyền lực phải được cân xứng trong các ban ngành khác nhau của chính phủ và việc tranh đua vì lợi ích phải được đáp ứng, giống như lý tưởng chính trị truyền thống của Trung Hoa “Thiên hạ bình đẳng”. Nền cộng hòa cho phép các nhóm lợi ích, các tổ chức xã hội khác nhau, và những người từ các nền văn hóa tín ngưỡng khác biệt, được thực hiện quyền dân chủ tự trị và bàn thảo nhằm mục đích tiến đến một giải pháp ôn hòa cho những vấn đề chung trên căn bản tự do, đồng đều, tranh đua ngay thẳng trong việc tham gia vào chính phủ.

Dân chủ. Nguyên tắc cơ bản nhất của dân chủ là người dân làm chủ, và người dân chọn lựa chính phủ cho mình. Dân chủ có những đặc điểm sau: (1) Quyền lực chính trị bắt đầu từ người dân và tính chính đáng của một chế độ bắt nguồn từ người dân. (2) Quyền lực chính trị được thực hiện qua những lựa chọn mà người dân đã xếp đặt. (3) Những người nắm giữ các chức vụ quan trọng chính thức trong chính phủ ở tất cả các cấp được xác định qua các cuộc tranh đua bầu cử theo định kỳ. (4) Trong khi tôn trọng ý muốn của đa số, thì phẩm cách, tự do và quyền làm người cơ bản của thiểu số phải được bảo vệ. Một cách ngắn gọn, thì dân chủ là phương tiện hiện đại để đạt đến một chính phủ thật sự là “của dân, do dân và vì dân”.

Hiến trị. Hiến trị là sự cai trị bằng một hệ thống pháp luật và những quy tắc của pháp luật để thi hành những nguyên tắc được ghi rõ ràng trong Hiến pháp. Hiến trị có nghĩa là bảo vệ tự do và quyền lợi của công dân, giới hạn và định rõ phạm vi quyền lực chính đáng của chính phủ, và cung cấp cho chính quyền các cơ quan cần thiết để phục vụ cho những mục đích này.

III. Những điều chúng tôi cổ vũ

Chủ nghĩa độc tài nói chung đang suy tàn trên toàn thế giới; ở Trung Quốc cũng thế, thời kỳ của các hoàng đế và chúa tể đang biến mất. Thời cơ đang đến khắp nơi cho các công dân làm chủ lấy đất nước mình. Đối với Trung Quốc, con đường để đưa chúng ta ra khỏi tình trạng khó khăn hiện thời là tự gạt bỏ khái niệm độc đoán của việc lệ thuộc vào một “chúa tể” hoặc một “quan chức”, và thay vào đó quay sang một hệ thống tự do, dân chủ và pháp trị, đồng thời tiến đến việc khuyến khích cổ vũ cho ý thức của các công dân mới, là những người xem quyền con người là cơ bản và việc góp phần vào là một nhiệm vụ. Theo đó, và trong tinh thần của nghĩa vụ này như những công dân có trách nhiệm và tinh thần xây dựng, chúng tôi xin đưa ra những đề nghị sau về việc cai quản đất nước, về quyền công dân, và phát triển xã hội.

1. Một Hiến pháp mới. Chúng ta nên đúc kết lại bản Hiến pháp hiện thời, hủy bỏ những điều khoản trái ngược với nguyên tắc quyền làm chủ phải thuộc về người dân và biến bản Hiến pháp thành một văn kiện bảo đảm thật sự cho nhân quyền, uỷ quyền việc thực hiện quyền lực công cộng, và phục vụ như một nền tảng để giúp chống đỡ cho việc dân chủ hóa Trung Quốc. Hiến pháp phải là luật cao nhất trong nước, nằm ngoài tầm ảnh hưởng của bất cứ cá nhân, phe nhóm hoặc đảng phái chính trị nào.

2. Phân chia quyền lực. Chúng ta nên xây dựng một Nhà nước hiện đại, trong đó việc phân chia các quyền lập pháp, tư pháp, và hành pháp được bảo đảm. Chúng ta cần có một Đạo luật Hành chính để định rõ ra phạm vi trách nhiệm của chính phủ và ngăn ngừa việc lạm dụng quyền lực hành chính. Chính phủ phải có trách nhiệm đối với người đóng thuế. Việc phân chia quyền lực giữa các chính quyền địa phương và trung ương phải tôn trọng triệt để nguyên tắc quyền lực trung ương là những quyền được Hiến pháp đặc biệt trao cho, và tất cả các quyền lực khác thuộc về các chính quyền địa phương.

3. Dân chủ lập pháp. Thành viên của các cơ quan lập pháp ở tất cả các tầng lớp phải được lựa chọn bằng bầu cử trực tiếp, và dân chủ lập pháp phải tuân theo các nguyên tắc công bình và vô tư.

4. Tòa án độc lập. Tinh thần pháp trị phải nằm trên mọi quyền lợi của bất cứ một đảng phái chính trị nào, và các thẩm phán phải độc lập. Chúng ta cần thiết lập một tòa án Hiến pháp tối cao và lập ra những thủ tục để duyệt xét lại Hiến pháp. Càng sớm càng tốt, chúng ta nên hủy bỏ tất cả các Ủy ban Chính trị và Pháp vụ hiện đang cho phép các đảng viên Đảng Cộng sản các cấp được quyết định các trường hợp chính trị nhạy cảm. Chúng ta nên nghiêm cấm chặt chẽ việc dùng các công sở vào mục đích tư nhân.

5. Kiểm soát công khai công chức Nhà nước. Quân đội phải chịu trách nhiệm trước chính phủ, chứ không phải trước một đảng phái chính trị nào, và phải có tính chuyên nghiệp hơn nữa. Các sĩ quan binh sĩ phải tuyên thệ trung thành với Hiến pháp và duy trì một thái độ vô tư không đảng phái. Nghiêm cấm các tổ chức đảng phái chính trị không được dính dáng đến quân sự. Tất cả các quan chức Nhà nước kể cả công an phải phục vụ trong tư cách vô tư không đảng phái, và cái thói quen hiện thời thiên vị về một đảng phái chính trị trong việc thuê mướn công chức làm việc cho Nhà nước phải chấm dứt.

6. Bảo đảm Nhân quyền. Phải có sự bảo đảm nghiêm chỉnh cho nhân quyền và tôn trọng phẩm giá con người. Phải có một Ủy ban Nhân quyền chịu trách nhiệm trước cơ quan lập pháp cao nhất, để ngăn ngừa chính phủ lạm dụng quyền lực công cộng vào việc vi phạm nhân quyền. Đặc biệt là một Trung Quốc dân chủ và hợp hiến phải bảo đảm quyền tự do cá nhân cho các công dân. Không một ai bị bắt buộc phải chịu đựng những sự bắt bớ, giam cầm, hạch hỏi, buộc tội hoặc trừng phạt một cách trái phép. Chính sách “Giáo dục cải tạo lao động” phải được hủy bỏ.

7. Bầu cử các chức vụ Nhà nước. Phải có một hệ thống bầu cử dân chủ toàn diện đặt căn bản trên “mỗi người một lá phiếu”. Việc bầu cử trực tiếp các chức vụ đứng đầu các cơ quan hành chính các cấp ở các quận huyện, tỉnh thành, và toàn quốc phải được thực hiện một cách có hệ thống. Quyền tổ chức và tham gia các cuộc bầu cử tự do theo định kỳ của công dân phải gắn liền với nhau.

8. Bình đẳng giữa nông thôn và thành thị. Chế độ đăng ký hộ khẩu theo hai tầng lớp phải được hủy bỏ. Chế độ này thiên vị cư dân thành thị và gây tác hại cho dân chúng ở nông thôn. Thay vào đó chúng ta nên thiết lập một hệ thống cho phép mọi công dân đều có quyền lợi giống nhau trước Hiến pháp và quyền tự do như nhau trong việc lựa chọn nơi sinh sống.

9. Tự do thành lập hội đoàn. Quyền tự do của công dân được thành lập các hội đoàn phải được bảo đảm. Chính sách hiện thời về việc đăng ký các tổ chức phi chính phủ, đòi hỏi tổ chức đó “phải được Nhà nước chấp thuận”, phải được thay thế bằng một hệ thống trong đó các tổ chức chỉ cần đơn giản tự đăng ký. Việc thành lập các đảng phái chính trị nên được quản lý bởi Hiến pháp và theo luật định, có nghĩa là chúng ta phải hủy bỏ các đặc ân dành cho một đảng phái được độc quyền nắm giữ quyền lực, và bảo đảm cho nguyên tắc tự do thẳng thắn tranh đua giữa các đảng phái chính trị.

10. Tự do hội họp. Hiến pháp quy định rằng việc tụ họp ôn hòa, biểu tình, phản đối và tự do bày tỏ tư tưởng là những quyền cơ bản của một công dân. Đảng cầm quyền và chính phủ không được phép nhúng tay vào can thiệp trái phép hoặc gây trở ngại trái với Hiến pháp.

11. Tự do bày tỏ tư tưởng. Chúng ta phải làm cho quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, và tự do học hỏi được phổ biến, do đó bảo đảm rằng mọi công dân đều được thông tin và có thể thực hiện quyền giám sát chính trị của mình. Các quyền tự do này nên được nâng đỡ bằng một Luật Báo chí nhằm hủy bỏ tất cả các hạn chế chính trị trên báo chí. Điều khoản hiện hành trong Bộ Luật Hình sự nhắc đến “tội kích động lật đổ quyền lực Nhà nước” phải được hủy bỏ. Chúng ta nên chấm dứt cái thói quen coi chữ nghĩa là tội ác.

12. Tự do Tôn giáo. Chúng ta phải bảo đảm cho quyền tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng và tiến hành việc tách rời tôn giáo ra khỏi Nhà nước. Chính phủ không được phép can thiệp vào các hoạt động tôn giáo ôn hòa. Chúng ta phải hủy bỏ bất cứ mọi luật lệ, quy định hoặc phép tắc địa phương nào làm giới hạn hoặc cấm đoán quyền tự do tôn giáo của công dân. Chúng ta phải hủy bỏ cái chính sách hiện hành đòi hỏi các tổ chức tôn giáo (và nơi thờ phượng của họ) phải xin phép được chính quyền chấp thuận trước, và thay thế bằng một hệ thống, trong đó việc đăng ký và những ai muốn đăng ký, là do tự động lựa chọn.

13. Giáo dục Công dân. Trong các nhà trường chúng ta phải hủy bỏ các môn học và kiểm tra chính trị được đề ra để nhồi sọ tư tưởng của Nhà nước vào đầu các học sinh, và

làm thắm nhuần sự ủng hộ cho quyền cai trị độc đảng. Chúng ta phải thay thế các môn học chính trị này bằng môn giáo dục công dân để thăng tiến các giá trị phổ quát và các quyền của người dân, nuôi dưỡng ý thức công dân và khuyến khích các đức tính nhằm phục vụ cho xã hội.

14. Bảo vệ tài sản tư nhân. Chúng ta phải thiết lập và bảo vệ quyền tư hữu tài sản, và đề xướng ra một hệ thống kinh tế thị trường tự do và công bằng. Chúng ta phải hủy bỏ việc Nhà nước độc quyền trong thương mại, kỹ nghệ và bảo đảm quyền tự do khai trương ra một doanh nghiệp mới. Chúng ta nên thiết lập một Ủy ban Tài sản Nhà nước, báo cáo cho quốc hội rằng sẽ giám sát và chuyển nhượng các doanh nghiệp quốc doanh sang cho tư nhân làm chủ, trong một phương cách cạnh tranh thẳng thắn, và trật tự. Chúng ta phải tiến hành một chính sách cải cách ruộng đất nhằm khuyến khích quyền tư hữu đất đai, bảo đảm quyền tự do được mua bán đất đai, và cho phép giá trị thật sự của tài sản tư nhân được phản ánh tương xứng trên thị trường.

15. Tài chánh và cải cách thuế vụ. Chúng ta phải thiết lập một hệ thống tài chánh công cộng có trách nhiệm theo quy định dân chủ để bảo đảm cho quyền lợi của người đóng thuế được bảo vệ và hoạt động dưới các thủ tục pháp lý. Chúng ta cần một hệ thống mà trong đó, tất cả các nguồn thu nhập công cộng thuộc về một cấp chính quyền nào đó – trung ương, tỉnh thành, quận huyện hoặc địa phương – được kiểm soát ở cấp đó. Chúng ta cần một cuộc cải cách thuế vụ quan trọng để hủy bỏ bất cứ các loại thuế bất công nào, đơn giản hóa hệ thống thuế vụ, và chia sẻ gánh nặng thuế má một cách đồng đều. Quan chức chính phủ không được phép gia tăng thuế má, hoặc đặt ra những loại thuế mới, nếu không có sự bàn thảo công khai và được một quốc hội dân chủ chấp thuận. Chúng ta nên cải cách chính sách về quyền sở hữu nhằm mục đích khuyến khích sự tranh đua khắp nơi của nhiều thành phần tham gia thị trường khác nhau.

16. An sinh xã hội. Chúng ta phải thiết lập một hệ thống an sinh xã hội công bằng và thích ứng để che chở cho tất cả các công dân, và bảo đảm cho các đường lối căn bản dẫn đến giáo dục, chăm sóc y tế, an sinh hưu trí và việc làm.

17. Bảo vệ môi trường. Chúng ta cần bảo vệ môi trường thiên nhiên và khuyến khích phát triển bằng một phương cách có thể chịu đựng được và có trách nhiệm đối với con cháu chúng ta cũng như toàn nhân loại. Điều này có nghĩa là đòi hỏi Nhà nước và quan chức các cấp không chỉ làm những gì họ phải làm để đạt được những mục tiêu này, nhưng cũng phải chấp nhận sự giám sát và tham gia của các tổ chức phi chính phủ.

18. Một Cộng hòa Liên bang. Một nước Trung Quốc dân chủ phải tìm cách hành động như một cường quốc quan trọng có trách nhiệm để góp phần vào nền hòa bình và phát triển ở khu vực Á Châu Thái Bình Dương, bằng cách tiếp xúc với những quốc gia khác trong tinh thần bình đẳng và thẳng thắn. Tại Hong Kong và Macao, chúng ta phải ủng hộ những quyền tự do đã có sẵn ở đó. Về vấn đề Đài Loan, chúng ta phải tuyên bố cam kết những nguyên tắc tự do dân chủ, và sau đó, thương lượng trong tư cách bình đẳng, và sẵn

sàng thoả hiệp để tìm một công thức cho sự thống nhất trong hòa bình. Chúng ta phải giải quyết các mối bất đồng trong các khu vực dân tộc thiểu số ở Trung Quốc với một đầu óc rộng mở, tìm kiếm những phương cách để tạo ra một cơ cấu có khả năng làm việc, mà trong đó tất cả các nhóm thiểu số và tổ chức tôn giáo có thể phát triển. Cuối cùng chúng ta nên nhắm vào mục tiêu một liên bang các cộng đồng dân chủ Trung Quốc.

19. Sự thật trong hòa giải. Chúng ta phải hồi phục lại uy tín cho tất cả mọi người kể cả thân nhân của họ, những người đã phải chịu đựng nhiều vết nhơ trong các chiến dịch đàn áp chính trị trong quá khứ, hoặc những người bị gán cho là thành phần tội phạm vì tư tưởng, lời nói hoặc tín ngưỡng của họ. Nhà nước nên bồi thường cho những người này. Tất cả các tù nhân chính trị và lương tâm phải được trả tự do. Nên có một Ủy ban Điều tra Sự thật với nhiệm vụ tìm kiếm sự thật và xác định trách nhiệm về những nỗi bất công và hành động tàn bạo trong quá khứ, duy trì công lý, và trên những căn bản này, tìm kiếm sự hòa giải xã hội.

Trung Quốc là một quốc gia quan trọng trên thế giới, là một trong năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, và là một thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, phải đóng góp vào nền hòa bình nhân loại và tiến bộ về nhân quyền.

Nhưng bất hạnh thay, tư thế của chúng ta hôm nay lại là quốc gia duy nhất trong các quốc gia quan trọng vẫn còn sa lầy trong vũng bùn của độc tài chính trị. Hệ thống chính trị của chúng ta tiếp tục gây ra những thảm họa nhân quyền và khủng hoảng xã hội, do đó, không những chỉ bóp chặt sự phát triển của chính Trung Quốc, nhưng còn giới hạn sự tiến bộ của tất cả các nền văn minh nhân loại. Điều này phải được thay đổi, thật sự là phải được thay đổi. Việc dân chủ hóa nền chính trị Trung Quốc không thể để lâu hơn.

Vì thế, chúng tôi gắng sức đưa tinh thần vào hành động bằng cách công bố Hiến chương 08. Chúng tôi hy vọng rằng đồng bào của chúng tôi, những người cùng có những cảm nhận tương tự về sự khủng hoảng, tinh thần trách nhiệm, và sứ mệnh, cho dù là họ đang ở trong hay ngoài chính quyền, bất kể đến địa vị xã hội, sẽ gạt những mối bất hòa nhỏ nhoi sang một bên để nắm lấy những mục tiêu to lớn của phong trào công dân này. Cùng với nhau, chúng ta có thể làm việc cho những thay đổi quan trọng trong xã hội Trung Quốc, và nhanh chóng thiết lập một quốc gia tự do, dân chủ và hợp hiến. Chúng ta có thể đem lại cho thực tế những mục tiêu và lý tưởng này mà đồng bào chúng ta đã không ngừng tìm kiếm suốt hơn một trăm năm, và có thể mang lại một chương rực rỡ mới cho nền văn minh Trung Quốc./.

10-12-2008

303 công dân Trung Quốc thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau.

1- Yu Haocheng, Luật gia. 2- Zhang Sizhi, Luật sư. 3- Mao Yushi, Kinh tế gia. 4- Du Guang, Khoa học gia chính trị. 5- Li Pu, Nhà báo lão thành. 6- Sha Yexin, Kịch tác gia. 7- Liu Shahe, Nhà thơ. 8- Wu Maohua, Nhà văn. 9- Zhang Xianyang, Tư tưởng gia. 10- Sun Wenguang, Giáo sư. 11- Bao Tong, Công dân. 12- Ding Zilin, Giáo sư. 13- Zhang Xianling, Kỹ sư. 14- Xu Jue, Nhà nghiên cứu. 15- Jiang Peikun, Giáo sư. 16- Liu Xiaobo,

Nhà văn. 17- Zhang Zuhua, Học giả. 18- Gao Yu, Nhà báo. 19- Dai Qing, Nhà văn. 20- Jiang Qisheng, Học giả. 21- Ai Xiaoming, Giáo sư. 22- Liu Junning, Khoa học gia chính trị. 23- Zhang Xukun, Giáo sư. 24- Xu Youyu, Triết gia. 25- He Weifang, Luật gia. 26- Mo Shaoping, Luật sư. 27- Chen Ziming, Học giả. 28- Zhang Boshu, Khoa học gia chính trị. 29- Cui Weiping, Học giả. 30- He Guanghu, Học giả tôn giáo. 31- Hao Jian, Học giả. 32- Shen Minhua, Giáo sư. 33- Li Datong, Nhà báo. 34- Su Xianting, Phê bình nghệ thuật. 35- Zhang Ming, Giáo sư. 36- Yu Jie, Nhà văn. 37- Yu Shicun, Nhà văn. 38- Qin Geng, Nhà văn. 39- Zhou Duo, Học giả. 40- Pu Zhiqiang, Luật sư. 41- Zhao Dagong, Nhà văn. 42- Yao Lifa, Chuyên viên bầu cử. 43- Feng Zhenghu, Học giả. 44- Zhou Qing, Nhà văn. 45- Yang Hengjun, Nhà văn. 46- Teng Biao, LLD. 47- Jiang Danwen, Nhà văn. 48- Wei Se, Nhà văn. 49- Ma Bo, Nhà văn. 50- Cha Jianying, Nhà văn. 51- Hu Fayun, Nhà văn. 52- Jiao Guobiao, Học giả. 53- Li Gongming, Giáo sư. 54- Zhao Hui, Nhà phê bình. 55- Li Baiguang, LLD. 56- Fu Guoyong, Nhà văn. 57- Ma Shaofang, Doanh nhân. 58- Zhang Hong, Giáo sư. 59- Xia Yeliang, Kinh tế gia. 60- Liao Yiwu, Nhà văn. 61- Wang Yi, Học giả. 62- Wang Xiaoyu, Học giả. 63- Su Yuanzhen, Giáo sư. 64- Qiang Jianzhong, Nhà báo lão thành. 65- Ouyang Xiaorong, Nhà thơ. 66- Liu Di, Nghề tự do. 67- Zan Aizong, Nhà báo. 68- Zhou Hongling, Nhà hoạt động xã hội. 69- Feng Gang, Giáo sư. 70- Chen Lin, Học giả. 71- Yin Xian, Nhà thơ. 72- Zhou Ming, Giáo sư. 73- Ling Cangzhou, Nhà báo. 74- Tie Liu, Nhà văn. 75- Chen Fengxiao, Thành viên cánh hữu. 76- Yao Bo, Nhà phê bình. 77- Li Jianhong, Nhà văn. 78- Zhang Shanguang, Chiến sĩ nhân quyền. 79- Li Deming, Nhân viên truyền thông. 80- Liu Jian'an, Thầy giáo. 81- Wang Xiaoshan, Nhân viên truyền thông. 82- Fan Yafeng, Học giả. 83- Zhou Mingchu, Giáo sư. 84- Liang Xiaoyan, Tình nguyện viên môi trường. 85- Xu Xiao, Nhà văn. 86- Chen Xi, Chiến sĩ nhân quyền. 87- Zhao Cheng, Học giả. 88- Li Yuanlong, Nhà văn tự do. 89- Shen Youlian, Chiến sĩ nhân quyền. 90- Jiang Suimin, Kỹ sư. 91- Lu Zhongming, Học giả. 92- Meng Huang, Họa sĩ. 93- Lin Fuwu, Chiến sĩ nhân quyền. 94- Liao Shuangyuan, Chiến sĩ nhân quyền. 95- Lu Xuesong, Thầy giáo. 96- Guo Yushan, Học giả. 97- Chen Huanhui, Chiến sĩ nhân quyền. 98- Zhu Jiuhu, Luật sư. 99- Jin GuangHong, Luật sư. 100- Gao Chaoqun, Biên tập viên. 101- Bai Feng, Nhà thơ. 102- Zheng Xuguang, Học giả. 103- Zeng Jinyan, Chiến sĩ nhân quyền. 104- Wu Yuqin, Chiến sĩ nhân quyền. 105- Du Yilong, Nhà văn. 106- Li Hai, Chiến sĩ nhân quyền. 107- Zhang Hui, Nhà hoạt động dân chủ. 108- Jiangshan, Chiến sĩ nhân quyền. 109- Xu Guoqing, Nhà hoạt động dân chủ. 110- Wu Yu, Nhà hoạt động dân chủ. 111- Zhang Mingzhen, Nhà hoạt động dân chủ. 112- Zeng Ning, Nhà hoạt động dân chủ. 113- Quan Linzhi, Nhà hoạt động dân chủ. 114- Ye Hang, Giáo sư. 115- Ma Yunlong, Học giả. 116- Zhu Jianguo, Nhà văn. 117- Li Tie, Nhà hoạt động dân chủ. 118- Mo Jiangang, Nhà văn tự do. 119- Zhang Yaojie, Học giả. 120- Wu Baojian, Luật sư. 121- Yang Guang, Học giả. 122- Yu Meisun, Nhân viên pháp luật. 123- Xing Jian, Nhân viên pháp luật. 124- Wang Guangze, Nhà hoạt động xã hội. 125- Chen Shaohua, Thiết kế viên. 126- Liu Yiming, Nhà văn tự do. 127- Wu Zuolai, Nhà nghiên cứu. 128- Gao Zhen, Nghệ sĩ. 129- Gao Qiang, Nghệ sĩ. 130- Tang Jingling, Luật sư. 131- Li Xiaolong, Chiến sĩ nhân quyền. 132- Jing Chu, Nhà văn tự do. 133- Li Biao, Doanh nhân. 134- Guo Yan, Luật sư. 135- Yang Shiyuan, Thành viên cánh hữu. 136- Yang Kuanxing, Nhà văn. 137- Li Jinfang, Nhà hoạt động dân chủ.

138- Wang Yuwen, Nhà thơ. 139- Yang Zhongyi, Công nhân. 140- Wu Xinyuan, Chủ trại. 141- Du Heping, Nhà hoạt động dân chủ. 142- Feng Ling, Nhà hoạt động dân chủ. 143- Zhang Xianzhong, Doanh nhân. 144- Cai Jingzhong, Chủ trại. 145- Wang Dianbin, Doanh nhân. 146- Cai Jincai, Chủ trại. 147- Gao Aiguo, Doanh nhân. 148- Chen Zhanyao, Chủ trại. 149- He Wenkai, Doanh nhân. 150- Wu Dangying, Chiến sĩ nhân quyền. 151- Zeng Qingbin, Công nhân. 152- Mao Haixiu, Chiến sĩ nhân quyền. 153- Zhuang Daohe, Luật sư. 154- Li Xiongbing, Luật sư. 155- Li Renke, Nhà hoạt động dân chủ. 156- Zuo Li, Luật sư. 157- Dong Dez, Nhà hoạt động dân chủ. 158- Tao Yuping, Nhà hoạt động dân chủ. 159- Wang Junxiu, Chuyên viên công nghệ thông tin. 160- Huang Xiaomin, Chiến sĩ nhân quyền. 161- Zheng Enchong, Luật sư. 162- Zhang Junling, Chiến sĩ nhân quyền. 163- Yang Hai, Học giả. 164- Ai Furong, Chiến sĩ nhân quyền. 165- Yang Huaren, Nhân viên pháp luật. 166- Wei Qin, Chiến sĩ nhân quyền. 167- Su Zuxiang, Thầy giáo. 168- Shen Yulian, Chiến sĩ nhân quyền. 169- Guan Hongshan, Chiến sĩ nhân quyền. 170- Song Xianke, Doanh nhân. 171- Wang Guoqiang, Chiến sĩ nhân quyền. 172- Chen Enjuan, Chiến sĩ nhân quyền. 173- Li Yong, Nhân viên truyền thông. 174- Chang Xiongfa, Chiến sĩ nhân quyền. 175- Wang Jinglong, Học giả. 176- Xu Zhengqing, Chiến sĩ nhân quyền. 177- Gao Junsheng, Biên tập viên. 178- Zheng Beibei, Chiến sĩ nhân quyền. 179- Wang Dinghua, Luật sư. 180- Tan Lanying, Chiến sĩ nhân quyền. 181- Fan Yanqiong, Chiến sĩ nhân quyền. 182- Lin Hui, Nhà thơ. 183- Wu Huaying, Chiến sĩ nhân quyền. 184- Xue Zhenbiao, Nhà hoạt động dân chủ. 185- Dong Guoqing, Chiến sĩ nhân quyền. 186- Chen Yufeng, Nhân viên pháp luật. 187- Duan Ruofei, Chiến sĩ nhân quyền. 188- Wang Zhongling, Thầy giáo. 189- Dong Chunhua, Chiến sĩ nhân quyền. 190- Chen Xiuqin, Chiến sĩ nhân quyền. 191- Liu Zhengyou, Chiến sĩ nhân quyền. 192- Ma Xiao, Nhà văn. 193- Wan Yanhai, Chuyên viên y tế công cộng. 194- Shen Peilan, Chiến sĩ nhân quyền. 195- Ye Xiaogang, Giảng viên hưu trí. 196- Zhang Jingsong, Công nhân. 197- Zhang Jinfa, Thành viên cánh hữu. 198- Wang liqing, Chiến sĩ nhân quyền. 199- Zhao Changqing, Nhà văn. 200- Jin Yuehua, Chiến sĩ nhân quyền. 201- Yu Zhangfa, Nhà văn. 202- Chen Qiyong, Chiến sĩ nhân quyền. 203- Liu Xianbin, Nhà hoạt động dân chủ. 204- Ouyang Yi, Chiến sĩ nhân quyền. 205- Deng Huanwu, Doanh nhân. 206- He Weihua, Nhà hoạt động dân chủ. 207- Li Dongzhuo, Chuyên viên công nghệ thông tin. 208- Tian Yongde Chiến sĩ nhân quyền. 209- Zhi Xiaomin, Học giả. 210- Li Changyu, Thầy giáo. 211- Guo Weidong, Thư ký. 212- Chen Wei, Nhà hoạt động dân chủ. 213- Wang Jin'an, Doanh nhân. 214- Cha Wenjun, Chiến sĩ nhân quyền. 215- Hou Shuming, Doanh nhân. 216- Liu Hannan, Chiến sĩ nhân quyền. 217- Shi Ruoping, Giáo sư. 218- Zhang renxiang, Chiến sĩ nhân quyền. 219- Guangdong, Biên tập viên. 220- Xia Gang, Chiến sĩ nhân quyền. 221- Zhao Guoliang, Nhà hoạt động dân chủ. 222- Li Zhiying, Học giả. 223- Zhang Chongfa, Nhà hoạt động dân chủ. 224- Chen Yongmiao, Học giả. 225- Jiang Ying, Nhà thơ. 226- Tian Zuxiang, Nhà hoạt động dân chủ. 227- Huang Zhijia, Public Servant. 228- Guan Yebo, Nhân viên công quyền. 229- Wang Wangming, Doanh nhân. 230- Gao Xinrui, Doanh nhân. 231- Song Shuiquan, Nhân viên pháp luật. 232- Zhao Jingzhou, Chiến sĩ nhân quyền. 233- Wen Kejian, Học giả. 234- Wei Wenyong, Thầy giáo. 235- Chen Huijuan, Chiến sĩ nhân quyền. 236- Chen Yanxiong, Thầy giáo. 237- Duan Chunfang, Chiến sĩ nhân quyền. 238- Liu Zhengshan,

Kỹ sư. 239- Guan Min, Giảng viên. 240- Dai Yuanlong, Doanh nhân. 241- Yu Yiwei, Nhà văn tự do. 242- Han Zurong, Doanh nhân. 243- Wang Dingliang, Luật sư. 244- Chen Qinglin, Chiến sĩ nhân quyền. 245- Qian Shishun, Doanh nhân. 246- Zeng Boyan, Nhà văn. 247- Ma Yalian, Chiến sĩ nhân quyền. 248- Che Hongnian, Nhà văn tự do. 249- Qin Zhigang, Kỹ sư. 250- Song Xiangfeng, Thầy giáo. 251- Deng Fuhua, Nhà văn. 252- Xu Kang, Nhân viên công quyền. 253- Li Jianqiang, Luật sư. 254- Li Renbing, Luật sư. 255- Qiu Meili, Chiến sĩ nhân quyền. 256- Lan Zhixue, Luật sư. 257- Zhou Jinchang, Thành viên cánh hữu. 258- Huang Yanming, Nhà hoạt động dân chủ. 259- Liu Wei, Luật sư. 260- Yan Liehan, Doanh nhân. 261- Chen Defu, Nhà hoạt động dân chủ. 262- Guo Yongxin, Doctor. 263- Guo Yongfeng, Chiến sĩ nhân quyền. 264- Yuan Xinting, Biên tập viên. 265- Qi Huimin, Nhà hoạt động dân chủ. 266- Li Yu, Biên tập viên. 267- Xie Fulin, Chiến sĩ nhân quyền. 268- Xu Guang, Doanh nhân. 269- Ye Huo, Nhà văn tự do. 270- Zou Wei, Chiến sĩ nhân quyền. 271- Xiao Linbin, Kỹ sư. 272- Gao Haibing, Nhà hoạt động dân chủ. 273- Tian Qizhuang, Nhà văn. 274- Deng Taiqing, Nhà hoạt động dân chủ. 275- Pei Hongxin, Thầy giáo. 276- Xu Min, Nhân viên pháp luật. 277- Li Xige, Chiến sĩ nhân quyền. 278- Wang Debang, Nhà văn. 279- Feng QiuSheng, Chủ trại. 280- Hou Wenbao, Chiến sĩ nhân quyền. 281- Tang Jitian, Luật sư. 282- Liu Rongchao, Chủ trại. 283- Li Tianxiang, Công nhân. 284- Cui Yuzhen, Luật sư. 285- Xu Maolian, Chủ trại. 286- Zhai Linhua, Thầy giáo. 287- Tao Xiaoxia, Chủ trại. 288- Zhang Wang, Công nhân. 289- Huang Dachuan, Thư ký. 290- Chen Xiaoyuan, Thư ký. 291- Zhang Jiankang, Nhân viên pháp luật. 292- Zhang Xingshui, Luật sư. 293- Ma Gangquan, Luật sư. 294- Wang Jinxiang, Chiến sĩ nhân quyền. 295- Wang Jiaying, Doanh nhân. 296- Yan Laiyun, Doanh nhân. 297- Li Xiaoming, Chiến sĩ nhân quyền. 298- Xiao Shuixiang, Chiến sĩ nhân quyền. 299- Yan Yuxiang, Chiến sĩ nhân quyền. 300- Liu Yi, Họa sĩ. 301- Zhang Zhengxiang, Nhà môi sinh học. 302- Ran Yunfei, Học giả. 303- Zhang Jinjun, Quản lý chuyên nghiệp.

Đến ngày 17-12-2008 thì có hơn 5000 người ký tên.

